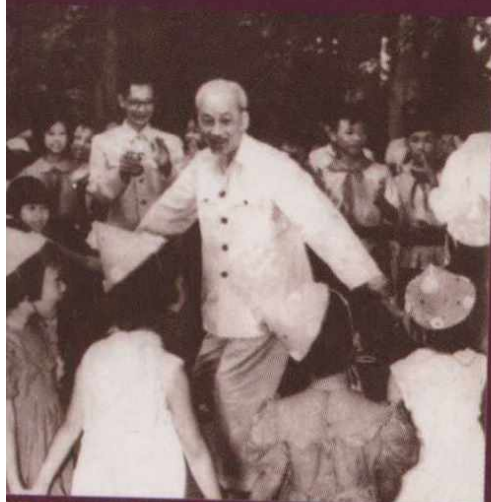


NHIỀU TÁC GIẢ

Tủ sách
Danh Nhân
HỒ CHÍ MINH

NHỮNG NĂM THÁNG BÊN BÁC HỒ KÍNH YÊU



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

NHỮNG NĂM THÁNG
BÊN
BÁC HỒ KÍNH YÊU

NHIỀU TÁC GIẢ

**NHỮNG NĂM THÁNG
BÊN
ÁC HỒ KINH YÊU**

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

LỜI GIỚI THIỆU

Bác Hồ đã dành trọn cả cuộc đời mình cho độc lập, tự do của dân tộc, cho hạnh phúc của nhân dân.

Tấm gương phấn đấu, hy sinh của Người đã để lại cho chúng ta lòng cảm phục, kính trọng, lòng biết ơn sâu sắc.

Bác đề tình thương cho chúng con
Một đời thanh bạch chẳng vàng son
Mong manh áo vải hồn muôn trượng
Hơn tượng đồng phơi những lối mòn.

(Tố Hữu)

*Nhân dịp kỷ niệm lần thứ 118 ngày sinh của Bác (19-5-1890 - 19-5-2008) Nhà xuất bản Thanh Niên tái bản cuốn sách “**Những kỷ niệm sâu sắc với Bác Hồ**” và đổi tên thành “**Những năm tháng bên Bác Hồ kính yêu**”. Ở lần tái bản này, chúng tôi đã bổ sung thêm một số tư liệu mới về Bác.*

Đây là tập hồi ký của những chiến sĩ cảnh vệ - Những người đã may mắn được sống và làm việc bên Bác. Những câu chuyện chân thực và cảm động đã nêu bật được tình cảm sâu nặng của các chiến sĩ cận vệ đối với Bác. Sức cảm hoá kỳ diệu ở Người được toát

ra từ chính tấm gương sáng ngời đạo đức cách mạng và từ những lời khuyên bảo nhẹ nhàng mà vô cùng sâu sắc của Người.

Cuốn sách còn cung cấp cho chúng ta những tư liệu quý về cuộc đời hoạt động cách mạng của Bác, nhất là giai đoạn từ 1941 đến 1969.

Đây là món quà quý của các chiến sĩ cảnh vệ kính dâng Người nhân dịp sinh nhật Bác.

Nhà xuất bản Thanh Niên rất mong sự góp ý của bạn đọc xa gần để lần tái bản sau được hoàn thiện hơn.

NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

HỎI CHUYỆN NGƯỜI LÁI XE CỦA CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Một người bạn cho tôi biết người lái xe riêng của Bác ở số 5A phố Hoàng Hoa Thám. Nhưng đến nơi, tất cả các số nhà đều lộn xộn, không theo một trật tự nào. “Dạ, bà làm ơn cho cháu hỏi thăm nhà ông cụ lái xe cho Bác Hồ ở đâu ạ?”. Ngay lập tức, giữa những cửa hàng, quán xá ồn ào, mọi người chỉ ngay cho chúng tôi lối cần vào.

Đã bước vào tuổi 86 nhưng cụ Nguyễn Tiến Khiếu vẫn còn rắn rỏi, minh mẫn. Cụ chậm rãi kể cho chúng tôi nghe về những kỷ niệm năm tháng được lái xe cho Bác. Trước cách mạng, anh thanh niên Nguyễn Tiến Khiếu làm “lơ” xe đường Hà Nội - Thái Bình, do đó có ít nhiều kinh nghiệm về ô tô. Trong kháng chiến chống Pháp, anh gia nhập quân đội và sau đó được điều về lái xe riêng cho Bác. Như vậy, cụ Khiếu là lái xe riêng của Hồ Chủ tịch từ những ngày đầu tiên Bác dùng ô tô cho đến khi Bác đi xa.

Sau chiến thắng Biên giới 1950, Đại tướng Võ Nguyên Giáp biểu lên Bác một chiếc xe Jeep Mỹ chiến lợi phẩm, nhưng Bác từ chối và bảo:

- Chú là chỉ huy quân sự, chú cần hơn Bác, nên lấy mà dùng.

Thời gian sau, chính phủ Liên Xô có tặng chúng ta 10 chiếc xe Jeep loại 2 cầu và Hồ Chủ tịch bắt đầu có xe riêng từ dạo đó (năm 1952). Sau này, về Hà Nội, Người chuyển sang đi loại xe Pô-bê-đa cho đến khi vĩnh biệt chúng ta. Nhiều lần, các đồng chí trong Bộ Chính trị đề nghị Bác nên dùng loại xe tốt hơn nhưng Bác gạt đi:

- Các chú cứ rườm rà, xe mà cũng có cấp à?

Cụ Khiếu trầm ngâm kể: Bác sống rất cần kiệm, ăn uống thường chỉ có gà rim, tương, rau luộc, cà pháo và một chén rượu nhỏ. Ớt là món không thể thiếu. Hôm nào không có ớt, Bác cười bảo:

- Các chú cắt suất ớt của Bác à?

Trong nhiều năm, mọi quà bánh, thuốc bổ được biếu, Hồ Chủ tịch đều đề nghị chuyển lại cho bộ đội, thương binh. Người hầu như không có khách riêng. Hình như chỉ có một lần duy nhất vào khoảng những năm 60. Đó là lần hai vợ chồng luật sư Lô-dơ-bai và con gái sang thăm Bác. Hồ Chủ tịch giao cho tôi trách nhiệm lái xe đưa hai ông bà đi chơi thăm phố phường và dạo dò:

- Đây là ân nhân của Bác, chú lái xe cho họ phải hết sức cẩn thận.

Qua lời kể của cụ Khiếu, chúng tôi được biết loại thuốc lá Bác hay hút là thuốc Hoa Lư. Thời kỳ nghiện nặng, Bác hút mỗi ngày hết một bao. Thời gian sau, bác sĩ Phạm Ngọc Thạch khám cho Bác đề nghị Bác thôi hút thuốc. Bác chấp hành và bảo:

- Bác chỉ có mỗi điều thuốc là vui mà các chú tước mất.

Trả lời tôi câu hỏi về công tác bảo vệ lãnh tụ như thế nào, cụ Khiếu kể: “Tất cả đội bảo vệ đều mang súng, kể cả tôi. Nhưng Hồ Chủ tịch thường hay cười nói: “Các chú bắn được một phát thì địch nó đã bắn được cả trăm phát. Bác dựa vào dân là chính””.

Anh bạn tôi vui miệng hỏi:

- Thế có bao giờ các cụ đề nghị Bác Hồ lập gia đình không ạ?

- Cũng có các cô bên Hội Phụ nữ đề nghị Bác chuyện đó, nhưng Người thường nói vui: “Bác lấy ai bây giờ. Cả nước gọi Bác bằng Bác...”.

Sợ nói chuyện lâu làm cụ già mệt, chúng tôi hỏi câu cuối cùng:

- Ngày Tết, Bác Hồ có hay tặng quà riêng cho cụ không?

Người lái xe năm xưa mỉm cười, nét mặt rạng rỡ:

- Chiều ba mươi, tôi hay đưa Bác vào Ủy ban Hành chính Hà Nội dự lễ và chúc Tết đồng chí Trần Duy Hưng. Dự lễ xong, quay ra, Bác cháu đi xe vòng quanh hồ Hoàn Kiếm, cũng có năm đi lên Yên Phụ. Người ngồi ở phía đằng sau, rút trong túi ra hai điếu thuốc lá, đưa vòng cho tôi qua đầu và bảo: “Đây là quà dành cho chú, Bác lấy trong tiệc”, rồi Người tiếp: “Nhân dân ta còn nghèo, năm nay ăn Tết như vậy thật là tốt.”

N.T.V

NGƯỜI CHỤP ẢNH LINH CŨU BÁC KỂ CHUYỆN

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Đã có khá nhiều ảnh chụp Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời, nhưng ảnh chụp khi Bác mất, thường chỉ thấy bức duy nhất: Bác đang nằm yên nghỉ trong hòm kính, hai tay đặt thư thái trước ngực, bên phải linh cữu là đồng chí Tổng Bí thư Lê Duẩn, bên trái là cụ Tôn Đức Thắng, phía sau là đồng chí Trường Chinh và Phạm Văn Đồng. Tác giả bức ảnh, ông Vũ Tín, kể...

“...19h ngày 1 tháng 9 năm 1969, chúng tôi được lệnh triệu tập gấp đến số 2 Hùng Vương nhận nhiệm vụ. Đến nơi, chỉ có vài anh em phóng viên của Thông tấn xã, bên quân đội, tôi và một người khác. Cấp trên không nói gì, nhưng chúng tôi không ai bảo ai, tất cả đều ngờ ngợ. Cái điều toàn dân không ai mong chờ đã đến sớm như vậy sao?... Sáng ngày 3-9, báo đài đồng loạt đưa tin: Bác của chúng ta đã vĩnh viễn ra đi.

Trời mưa tầm tã. Từ sáng sớm, chúng tôi được đưa vào Phủ Chủ tịch để tham gia công việc tang lễ Bác. Những phóng viên báo chí có mặt đầu tiên, phải đến ba, bốn chục người. Đây là những giây phút cực kỳ quan trọng. Ngoài lễ tang theo nghi thức quốc gia, đây cũng là lần đầu tiên toàn dân được thấy thi hài Bác đặt trong hòm kính sau khi hoàn tất quá trình ướp. Mọi phóng viên đều tự hiểu mệnh

lệnh từ trái tim mình: “Chụp ảnh không tốt là có tội với đồng bào miền Nam”.

- Đã có nhiều lần chụp ảnh Bác, nhưng riêng lần này, cảm tưởng của ông như thế nào? - Tôi hỏi.

- Tôi run lăm. - Người phóng viên già trầm ngâm nhìn xa xăm, nhớ lại:

- Trông Bác vẫn vậy, chỉ có hơi gầy đi một chút. Người như là vừa chợp mắt.

Nét xúc động, ông Tín kể tiếp:

- Có bốn vị lãnh đạo quốc gia: Cụ Tôn Đức Thắng, Tổng Bí thư Lê Duẩn, các đồng chí Trường Chinh, Phạm Văn Đồng đến bên linh cữu của Bác, tất cả các máy ảnh thi nhau bấm. Do vị trí được sắp xếp, khu vực các nhà báo ở phía bên phải linh cữu, bên trái là lối đi dành cho đại biểu vào viếng, ở giữa, phía trước là nơi đặt vòng hoa, tôi nhận thấy, nếu đứng đúng vị trí thì sẽ không chụp được phía có đồng chí Lê Duẩn. Tôi sẽ phải đi vòng ra phía sau hậu trường, sang phía bên trái linh cữu Bác. Nhưng việc đi lại trong Hội trường Ba Đình lúc này thật không đơn giản. Anh Vũ Kỳ - thư ký riêng của Bác bảo tôi đến gặp tướng Phùng Thế Tài mà đề nghị. Nhưng biết ông ở đâu giữa mênh mông biển người? Tôi quyết tâm năn nỉ anh Kỳ: “Thời gian không còn nhiều, anh phải giúp tôi thôi”. Anh Kỳ nghĩ vài giây, rồi khoát tay: “Anh đi đi”. Sang bên trái linh cữu Bác, để khỏi ảnh hưởng đến lối đi của các đại biểu, tôi chui vào giữa các vòng hoa. Đây là vị trí thích hợp nhất. Từ chỗ này, nhô đầu lên, thấy rõ linh cữu Bác và xung quanh là bốn vị lãnh đạo cao cấp của Đảng. Có một sự ngẫu nhiên, các đồng nghiệp phía bên kia đều ngừng tay khi tôi bấm máy.

Có lẽ họ thấy vị trí của tôi thuận lợi hơn và cho rằng, bức ảnh của tôi chắc đạt nhất. Về sau, tôi mới chắc chắn đó là bức ảnh duy nhất có hình bốn vị lãnh đạo cao cấp của Đảng bên linh cữu Bác. Ngày hôm sau, trên tất cả các báo trong và ngoài nước, kèm theo tin tang lễ Bác là bức ảnh của tôi. Ngay lập tức, hàng chục triệu tấm ảnh phóng lại để đặt trên bàn thờ Bác trong các gia đình. Đảng ủy các xã, huyện lên Thông tấn xã đặt ảnh liên tục, bao nhiêu cũng không đủ... Kể sao xiết tình cảm của đồng bào với Bác...”

- Nhuận bút ảnh của ông được bao nhiêu? - Tôi không nén nổi tò mò.

- 37 đồng, bằng một tháng lương lúc đó. - Lão nghệ sĩ già mỉm cười.

Nghệ sĩ Vũ Tín đến với nhiếp ảnh khá sớm và cũng thành công sớm. Năm 1960, khi mới 27 tuổi, ông đã đoạt liền hai giải, hạng 2 và hạng 3 tại cuộc thi ảnh của Tổ chức các nhà báo quốc tế (OIJ) với hai sáng tác: *“Ngày mùa trên sân hợp tác xã”* và *“Xóa nạn mù chữ”*. Hồi ấy, ông làm việc tại Hải Phòng. Cùng với chiếc xe đạp cà tàng không phanh, không chuông, người nghệ sĩ đã lang thang đây đó khắp hang cùng ngõ tẽ của thành phố Cảng, của Hải Dương, nhiều vùng quê nghèo để ghi lại hình ảnh quê hương đang hồi sinh ngay sau bom đạn chiến tranh. Một kỷ niệm thú vị là sau khi đoạt giải quốc tế, bạn bè tìm gặp ông để chúc mừng. Nhưng giải thưởng không phải là tiền, mà chỉ là chiếc cúp phalê, khắc hình một phụ nữ. Ông Tạ Đình Đề, lúc đó phụ trách lĩnh vực thể dục thể thao của Tổng Cục Đường sắt đưa ra sáng kiến:

- Bán cho tổ để làm cúp thể thao luân lưu của ngành đường sắt.

Hai bên thoả thuận giá 150 đồng. Bữa liên hoan được chi hết 35 đồng, còn bao nhiêu, bác Tín gái giữ.

Năm 1972, ông vào chiến trường với chức danh Phó Trưởng ban Nhiếp ảnh - Thông tấn xã Việt Nam. Ông có nhiệm vụ nhận phim đã chụp của các phóng viên mặt trận, tổ chức tráng rửa, làm ảnh, duyệt ảnh rồi phát telephoto, chuyển ảnh về trụ sở ở Hà Nội. Một lần, bom rơi trúng hầm trú ẩn làm ông ngất đi. Tỉnh dậy, thấy mình đang trong quân y viện, một bên chân không còn nữa, toàn thân đau xé. Ông không biết rằng mình vừa trải qua một ca mổ không thuốc tê.

Hoà bình, ông trở về Hà Nội với đôi nặng và chiếc máy ảnh cũ. Ông có một niềm vui là được Hội Nghệ sĩ nhiếp ảnh CHDC Đức khi đó mời ông sang Thủ đô Berlin lắp chân giả. Ông là thương binh hạng 2/4. Ông vừa được nhận Huân chương Lao động hạng Hai vì công lao đóng góp cho ngành nhiếp ảnh nước nhà.

Có những chiều ven đô Hà Nội, người ta thường thấy hai ông bà tóc lốm đốm bạc, chở nhau bằng xe máy. Đến đoạn nào có khung cảnh nên thơ, họ dừng xe. Bà lắp chân máy ảnh, ông loay hoay ngắm nghía, bên cạnh là đôi nặng gỗ.

N.T.V

THẨM ĐÂM LÒNG YÊU THƯƠNG CỦA NGƯỜI

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Mỗi lần gặp khó khăn là cảm thấy Bác ở bên cạnh

Bảo tàng Hồ Chí Minh có khoảng 300 hiện vật được trân trọng đón nhận. Một trong những kỷ niệm có giá trị là chiếc đồng hồ có hình ảnh Hồ Chí Minh được Bác tặng ông Vũ Đình Hoè - nguyên Bộ trưởng Bộ Giáo dục đầu tiên của Chính phủ lâm thời. Đây là loại đồng hồ kiểu cổ, có nắp mở, được đặt làm ở Thụy Sĩ trong thời gian phái đoàn Hồ Chủ tịch đi dự hội nghị ở Phôngtennơbolô năm 1946. Sau này, chiếc đồng hồ đã được một họa sĩ khắc lên đó hình ảnh Hồ Chí Minh và Bác dùng nó để tặng những người có thành tích hoặc công trạng. Ông Vũ Đình Hoè thường hay để kỷ vật quý giá này ở túi ngực. Ông nói: “Mỗi lần gặp khó khăn trong công tác, trong cuộc sống tôi thường sờ tay lên nơi có chiếc đồng hồ, cảm như thấy có Bác ở bên cạnh chỉ bảo, động viên vượt qua khó khăn”. Cũng tại lễ tiếp nhận này còn có bộ quần áo lụa màu nâu Hồ Chủ tịch tặng Nhà giáo nhân dân Nguyễn Lân do ông đã có đóng góp lớn trong phong trào bình dân học vụ...

“Hôm nay Bác và các chú liên hoan”.

Một bức ảnh tư liệu cổ được công bố trong dịp này là ảnh Bác đang ngồi trên một chiếc chiếu trải ở ngay sân Bắc Bộ phủ, xung quanh là bà con, nhân sĩ, bô lão và cán bộ chiến sĩ quây quần chúc Tết. Đó là cái Tết độc lập đầu tiên vào năm 1946 của dân tộc. Cụ Phan Xuân Thuý - chủ nhân hiệu ảnh Quốc tế nổi tiếng năm nay 86 tuổi, tác giả của bức ảnh nhớ lại: Lúc đó gia đình cụ mở hiệu ảnh ở gần Bắc Bộ phủ, nơi Chính phủ lâm thời đóng. Trong gia đình cụ có một người em trai ruột là Phan Đức Sử - chiến sĩ bảo vệ Bắc Bộ phủ. Vào những ngày tất niên của Tết Độc lập đầu tiên, Hồ Chủ tịch đã gặp các anh em cán bộ chiến sĩ làm công tác ở đây và nói: “Hôm nay, Bác và các chú sẽ liên hoan mừng năm mới, nhà chú nào gần đây thì có thể chạy về nhà mời họ hàng, gia đình cho thêm vui vẻ, đầm ấm”. Sau khi ông Sử chạy về nhà báo, gia đình cụ Thuý gồm ông thân sinh cụ - ông Phạm Xuân Trang và một bà chị cùng cụ Thuý vội vàng đi vào Bắc Bộ phủ. Do gia đình làm nghề ảnh nên cụ Thuý mang theo luôn cái máy ảnh RETINA. Khi đến nơi, chỉ ít phút sau, cụ Thuý đã thấy Bác Hồ từ nơi làm việc đến ngay chỗ các vị khách đang chờ đón Người. Vãn bộ quần áo ka ki giản dị, Người tươi cười đến bên các cụ, dang rộng đôi cánh tay, cất tiếng: “Xin chào các cụ, chúng ta cùng nhau đón Tết”. Chiếu được trải ngay ở sân Bắc Bộ phủ. Họ - những người dân bình thường của Thủ đô và Hồ Chủ tịch - đã cùng nhau đón Tết, một cái Tết độc lập đầu tiên tuy còn khó khăn nhưng tràn đầy tình cảm và hạnh phúc của đất nước từ nay

có chủ quyền. Và cụ Thuý không bỏ lỡ cơ hội, ghi vào máy khoan khắc ấy...

Chúng tôi làm được là nhờ nông hội

Tới dự cuộc gặp gỡ lần này, còn có một đại biểu của kiều bào: đó là ông Nguyễn Văn Ngân, thay mặt chi hội những người Việt Nam ở Tân Đảo (Tân Calêđônê) và Tân thế giới (Vanuatu) đến trao những kỷ vật về Bác, trong đó có bản gốc bức điện ngày 13-7-1946. Bác Hồ cảm ơn Việt kiều ở Tân Đảo đã đóng góp gần 2 triệu frăng giúp nhân dân Việt Nam bảo vệ nền độc lập non trẻ. Trong những ngày đầu tiên của cách mạng, số tiền này quả là một sự giúp đỡ rất lớn cho đồng bào ta. Bên cạnh bức chân dung Hồ Chủ tịch được họa sĩ Trịnh Văn Vỹ gửi từ Pháp về (làm từ những mẫu báo ghép lại) toát lên vẻ dung dị của Bác, còn có một bức tranh lưu niệm mà bảo tàng nhận được hôm nay với yêu cầu không công bố tên tác giả. Bức tranh vẽ chân dung Bác bằng máu, được bảo quản khá cẩn thận, với những lời thơ đề tựa bên cạnh và ghi ngày 9-9-1969, tức là một tuần sau khi Hồ Chủ tịch mất.

Cuối buổi gặp mặt thân tình, nhà thơ Cù Huy Cận đã kể một kỷ niệm về Bác. Sau ngày 9-9-1945, nhà thơ được giao chức trách Bộ trưởng Bộ Canh nông, năm đó ông vừa tròn 26 tuổi. Một bữa, Hồ Chủ tịch cho gọi ông lên và nói: “Tôi muốn giao cho chú thêm một việc nữa. Đó là làm trong Ban thanh tra đặc biệt gồm có 2 người: Chú và cụ Bùi Bằng Đoàn”. Ông Cù Huy Cận nói: “Cụ Bùi Bằng Đoàn là một vị quan có tiếng thanh liêm trong triều đình cũ, còn tôi trẻ quá

nên một hai từ chối”. Bác ôn tồn giải thích: “Chú sợ trẻ quá không đủ sức để làm thanh tra chứ gì. Vậy thì chiều nay chú mang bút lông và mực tàu đến đây. Chú mài mực và tôi sẽ vẽ râu cho chú. Thế là chú sẽ thành thanh tra thôi...” Trước những lời chân tình và vui đùa thân mật của Bác như vậy, nhà thơ đã nhận lời với Người. Cho đến hôm nay, ông Cù Huy Cận vẫn nhớ như in: “Tuy chỉ tồn tại có 5 tháng (từ tháng 11-1945 đến tháng 3-1946) nhưng chúng tôi đã làm được nhiều việc xứng đáng với lòng tin của Bác. Ban thanh tra đặc biệt đã cách chức 2 vị Chủ tịch tỉnh tham ô vài nghìn đồng. Vài nghìn đồng thời ấy là rất to. Mà chúng tôi làm được việc đó do hoàn toàn nhờ vào Nông hội tức Hội Nông dân, mà ngày đó gọi là Nông hội”.

N.T.V

CÂU CHUYỆN

VỀ CHIẾC ÁO CỦA BÁC NGÀY 2-9-1945

NGUYỄN THIÊN VIỆT

(Ghi theo lời kể của bà TRỊNH VĂN BÔ
và nhà văn SƠN TÙNG)

Hiện nay, Viện Bảo tàng Cách mạng vẫn còn trưng bày một chuyên đề đặc biệt gồm những hiện vật liên quan đến thời gian lịch sử 2-9-1945: Chiếc Micro Hồ Chủ tịch sử dụng trong lễ Tuyên ngôn độc lập, một số kèn đồng mà đội quân nhạc cử Quốc ca tại Quảng trường Ba Đình... Và đặc biệt, có bộ quần áo Bác Hồ đã mặc trong ngày lễ khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Bộ quần áo bạc màu, cổ sờn tã và ve áo hơi tù.

Như chúng ta đã biết, ngày 23 tháng 8, Hồ Chủ tịch đã về đến thôn Gạ (Phú Thượng, Hà Nội), nghỉ ở đây một ngày. Hôm sau, Người được Trung ương và Thành ủy bố trí đến ở tại gác hai, số nhà 48 Hàng Ngang (là của ông Trịnh Văn Bô - một thương gia yêu nước, cơ sở tin cậy của cách mạng). Về đến Hà Nội, Bác rất gầy yếu, sau những trận ốm và phải đi xa, tuy vậy, các cán bộ xung quanh Bác vẫn thấy đôi mắt của Người luôn tỏa sáng rực. Bà Trịnh Văn Bô, nữ chủ nhân của ngôi nhà 48 Hàng Ngang lịch sử kể lại: Bác từ chiến khu về chỉ có một đôi dép cao su nhãn hiệu Con hổ trắng, chiếc quần soóc nâu, chiếc áo sơ mi ngắn tay, một chiếc can và chiếc mũ phớt bạc màu.

Đêm đêm, Bác thức rất khuya đánh máy chữ. Chuông đồng hồ điểm 12 tiếng, đèn bàn của Ông Cụ mới tắt, nhưng 5 giờ sáng đã thấy Ông Cụ tập thể dục ngoài ban công. Hàng ngày, lúc 7 giờ, ông Vũ Đình Huỳnh đón Bác ra Bắc Bộ phủ làm việc đến chiều mới về 48 Hàng Ngang. Buổi tối, Bác thường xuyên bận vì phải hội kiến làm việc với ông Trường Chinh, Võ Nguyên Giáp, Hoàng Quốc Việt... Sau này, bà Bô mới biết rằng khi tiếng máy chữ vang lên trong đêm khuya ấy chính là lúc Bác Hồ đang thảo bản hùng văn vô giá - Bản Tuyên ngôn lịch sử khai sinh cho Tổ quốc. Thời gian này, Hà Nội đang chuẩn bị cờ hoa và cả vũ khí cho ngày trọng đại sắp tới. Tuy đã 91 tuổi, nhưng bà Bô vẫn còn nhớ rõ những năm tháng đẹp đẽ hào hùng đó, vào khoảng những ngày 26, 27 tức là khi đã ấn định Lễ tuyên ngôn vào ngày 2-9-1945, anh em cán bộ mới sức nhớ ra cần phải trang bị mỗi người một bộ quần áo thật tươi lúc ra mắt trên lễ đài, đặc biệt là Hồ Chủ tịch. Đa số anh em từ chiến khu trở về và kể cả Bác cũng đều ăn mặc những đồ đã cũ sờn hoặc chấp vá tạm bợ. Bà Bô bồi hồi nhớ lại: “Lúc bấy giờ trong tủ của nhà chúng tôi có rất nhiều vải (vì nhà buôn vải vóc), tôi lấy ra mấy súc kaki để may cho anh em. Ngoài ra, trong tủ cũng có hàng chục bộ quần áo khá sang trọng may sẵn mà ông Bô chưa dùng, nên tôi lấy ra cho các anh mặc tạm trước, anh nào mặc vừa bộ nào thì dùng bộ nấy, ông Phạm Văn Đồng, rồi ông Võ Nguyên Giáp... nhưng tầm người như Ông Cụ không hợp bộ nào cả...”. Gần sát ngày lễ, ông bà Trịnh Văn Bô đã chọn riêng loại vải kaki cốtlê của Anh và ông Vũ Đình Huỳnh - nguyên là thư ký lễ tân mang đến xin ý kiến Bác. Bác nói:

- Tôi mặc xuyên xoàng thôi. Không len, dạ dất tiền làm gì, cốt tươm tất giản dị, không phải cà vạt cổ cồn là tốt...

Ông Vũ Đình Huỳnh chợt nhớ tới một bức ảnh của Xtalin nên ướm thử với Bác may theo kiểu áo đó, cũng không có cà vạt mà oai vệ. Bác mỉm cười nói: “Nhưng mình có phải Xtalin đâu”. Bác luôn học hỏi tinh hoa nhưng không chấp nhận bắt chước khuôn mẫu sẵn. Cuối cùng, ông Vũ Đình Huỳnh mời ông Phú Thịnh chủ hiệu may có tiếng ở phố Hàng Quạt tới và trình bày:

- Tôi có người nhà là cụ lý ở quê ra thăm Thủ đô, tôi muốn cắt vài bộ đồ cho cụ, nhờ anh cắt may kiểu áo bốn túi, mặc kín cổ khi có việc quan trọng, lúc thường nhật thì mở khuy áo thoải mái, đi giày, đi dép đều hợp với cụ lý nhà tôi.

Ông Phú Thịnh ngẫm nghĩ một lúc, rồi dè dặt nói:

- Tôi mừng tượng ra kiểu áo ấy rồi. Chỉ cần tính toán cái ve áo nhọn hay tù? - Rồi ông Phú Thịnh ngẫm nghĩ tấm ảnh Xtalin nói: - Kiểu tướng soái này oách lắm, nhưng không hợp với các cụ người nhà mình. Thôi được, tôi sẽ lo liệu để có bộ áo hợp ý với cụ lý.

Hai hôm sau, ông Phú Thịnh đem hai bộ quần áo đến, cười ý nhị nói:

- Tôi trộm nghĩ cụ lý này không phải là lý trưởng mà có lẽ là một cụ lý... khác thường.

Ông Vũ Đình Huỳnh cười đáp lại tình cảm tinh tế của ông thợ may.

Hôm sau, lựa lúc Bác tập thể dục, tắm sáng xong, ông Vũ Đình Huỳnh đem bộ quần áo mới vào. Bác

ướm thử, ngắm kỹ cổ áo và mỉm cười: “Được, thế này là hợp với mình”. Ông Vũ Đình Huỳnh lúc đó đã rất vui và thậm chí mỉm cười nghĩ, chỉ trong vài ngày nữa, ông Phú Thịnh sẽ vô cùng sung sướng và ngạc nhiên vinh dự khi “cụ lý” mà mình may quần áo cho lại chính là Chủ tịch Hồ Chí Minh, Người đọc Tuyên ngôn độc lập tại Quảng trường Ba Đình để khai sinh ra một quốc gia mới - Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

N.T.V

CUỘC GẶP GỠ LỊCH SỬ

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Ngay sau ngày đọc Tuyên ngôn độc lập 2-9, với viễn kiến của nhà chính trị thiên tài, Chủ tịch đã cho mời Hoàng thân Xuphanuvông đang làm việc ở Vinh ra Hà Nội để trao đổi về những vấn đề có liên quan đến vận mệnh hai nước và khu vực. Có một điều ngẫu nhiên thú vị là xe đón bị hỏng dọc đường và vào thời điểm này cựu hoàng Bảo Đại cũng từ Huế được mời ra để nhận chức cố vấn Chính phủ, nên hai ông hoàng đã ngồi chung một xe. Hoàng thân Xuphanuvông năm đó 36 tuổi, đã tốt nghiệp trường Đại học Quốc gia Cầu đường Pari và làm kỹ sư trong chế độ bảo hộ thực dân Pháp. Trong hoàng tộc, ông được coi là người trí thức yêu nước và có trình độ học vấn cao. Ông Hoàng không ngờ rằng đây là chuyến đi sẽ làm thay đổi hẳn cuộc đời mình.

Ngày 4-9, xe đến Hà Nội, trời mưa rất to, hai bên đường vẫn còn tràn ngập cờ đỏ sao vàng. Được tin, 15 giờ, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ra thăm Bảo Đại và Xuphanuvông. Buổi tối, tại phòng khách lớn của Bắc Bộ phủ, Tổng bộ Việt Minh và Ủy ban Nhân dân Cách mạng thành phố mở tiệc chiêu đãi cựu hoàng và Hoàng thân. Nhân dân và cách mạng sẵn sàng mở rộng vòng tay với những người Hoàng tộc vào đội ngũ của mình.

Hoàng thân Xuphanuvông ngạc nhiên và khâm phục cách xử sự thân ái, khiêm tốn, giản dị của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Họ đã ở bên nhau, một già, một trẻ, để cùng bàn về tương lai vận mệnh của hai dân tộc trong những ngày đầu tiên của cách mạng.

Trong hồi kí của mình về lần gặp gỡ đầu tiên, bà BuaKhăm Xuphanuvông kể: “Những người tiếp đón đưa tôi vào Bắc Bộ phủ. Cụ Hồ và ông Hoàng thân đang ngồi ăn cơm trong phòng bếp. Thấy tôi, cả hai người đều buông đũa... Cụ Hồ đỡ tôi ngồi xuống ghế, bảo: “Cô ăn cơm luôn”. Cơm nước xong, ông Hoàng đưa tôi về chỗ nghỉ... giữa sàn nhà là một chiếc chiếu rộng và một cái gối mây... Ông Hoàng chỉ chiếc chiếu giữa sàn và nói: “Anh và Cụ Chủ tịch gối chung một cái gối mây này...”

Trong những năm kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh và Hoàng thân Xuphanuvông đã nhiều lần gặp nhau để bàn và trao đổi việc nước. Bác luôn dành cho ông Hoàng và cả gia đình một tình cảm thân ái, ruột thịt, quan tâm săn sóc. Có một câu chuyện nhỏ như sau: Ông Hoàng có 8 người con trai là: Quang, Minh, Chính, Đại, Trung, Thành, Thắng, Lợi. Anh con trai đầu tiên tên Quang cưới vợ. Biết tin Bác Hồ gửi quà tặng một chiếc bút máy Hồng Hà, được đặt làm đặc biệt, với mực xanh Cửu Long. Nhận được quà cưới, anh Quang lại nhắn sang xin thêm một cái bút nữa cho vợ mình. Bác nhắc các đồng chí trong Ban tổ chức Trung ương và một chiếc bút được đặt làm đặc biệt lại được gửi sang. Có điều lần này, bút tặng gửi là bút Cửu Long. Phải chăng, Bác muốn nhắc đến đến hai câu thơ đã từng viết:

*“Việt Lào hai nước chúng ta
Tình sâu hơn nước Hồng Hà, Cửu Long”*

Bức ảnh trên được chụp vào những ngày tháng 9 năm 1945 khi hai dân tộc Việt - Lào đang đứng trước một vận hội mới của mình. Đó cũng là thời khắc Hoàng thân Xuphanuvông quyết định bước chân vào con đường mới trở thành ngọn cờ lãnh đạo của phong trào kháng chiến yêu nước Lào như người ta vẫn gọi là: “Ông hoàng đỏ” và đưa nó đến ngày toàn thắng. Một ông Hoàng khác trong ảnh - Cựu hoàng Bảo Đại - như chúng ta đã biết không vượt qua được chính mình và tự từ bỏ con đường đi với nhân dân. Sau này nhớ lại lần đầu tiên gặp Bác, Hoàng thân Xuphanuvông đã viết những lời trân trọng: “Nhờ có dịp được gặp Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Hà Nội, tôi đã học được rất nhiều điều bổ ích... Mọi vấn đề đã sáng tỏ và trở nên dễ hiểu đối với tôi. Sau đó tôi đã trở về nước để lãnh đạo đấu tranh giải phóng nhân dân Lào”.

N.T.V

MUÔN NGÀN

TÌNH THƯƠNG YÊU CHO NÔNG DÂN

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Xuất thân từ nhà nho ở nông thôn nên Hồ Chủ tịch rất thông cảm với cuộc sống gian khó một nắng hai sương của người nông dân. Hiểu rõ vai trò và sức mạnh của nông dân trong cách mạng, Bác luôn quan tâm đặc biệt đến nông nghiệp và dành một tấm lòng ưu ái cho nông dân.

Bác thường xuyên về thăm những đơn vị địa phương có thành tích.

Hồ Chủ tịch đã nhiều lần về thăm những hợp tác xã có năng suất lao động cao, tiêu biểu như xã Xuân La, huyện Từ Liêm (nay là phường Xuân La, quận Tây Hồ) được đón Hồ Chủ tịch về liên tục 2 lần vào năm 1958 và năm 1964.

Lần đầu Bác về vào vụ mùa năm 1958 và không báo trước cho địa phương biết. Lý do chuyến thăm là vì Xuân La có năng suất cao trong phong trào hợp tác hoá nông nghiệp. Thời gian này, đây là một trong những nơi thí điểm thành công phong trào tổ đổi công mới. Xóm làng hừng hực một khí thế thi đua sản xuất trong những năm đầu của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất. Đến nơi Bác không vào trụ sở của xã mà đi thẳng ngay ra cánh đồng có năng suất cao, được xã đánh dấu bằng một lá cờ đỏ to. Trên đường ra ruộng,

đi ngang qua trước nhà một nông dân đang có thóc phơi ở sân, Bác tát vào, rồi cúi xuống cầm những hạt thóc trên tay, ngẩng ngó, kiểm tra xem độ mảy chắc của hạt... Thăm đồng xong trở về gặp gỡ nông dân, Hồ Chủ tịch căn dặn ân cần: “Năm nay chúng ta được mùa lớn, nhưng bà con vẫn phải chú ý thực hành tiết kiệm. Vụ tới là vụ chiêm phải thi đua tăng gia sản xuất tốt hơn nữa...”. Người dặn dò các em học sinh Hà Nội về tham gia giúp nông dân thu hoạch vụ mùa: “Các cháu là học trò, việc chính là học nhưng tuổi nhỏ làm việc nhỏ, giúp đỡ bà con, nếu chưa quen thì học hỏi đồng bào sẽ quen...”. Bác đứng cạnh bà con nông dân trông như một lão nông già hiền hậu, râu tóc bạc phơ óng ánh. Buổi chiều đầm ấm chan hoà tình cảm giữa vị lãnh đạo đất nước với người nông dân một nắng hai sương vẫn còn đọng trong ký ức của người dân xã Xuân La.

Lần thứ hai, Hồ Chủ tịch về thăm Xuân La, vì nơi đây có thành tích chuyển đổi từ tổ đổi công sang hợp tác xã, đạt tỷ lệ cao nhất ở miền Bắc: 100% số hộ nông dân tự nguyện vào hợp tác xã. Đặc biệt, lần này Bác đến cùng với Chủ tịch Kim Nhật Thành để giới thiệu với Chủ tịch mô hình xã điển hình tiên tiến về nông nghiệp ở Việt Nam, đồng thời kết nghĩa Xuân La với một xã nông nghiệp của Bắc Triều Tiên. Bác đưa Chủ tịch Kim thăm lớp mẫu giáo, thăm đồng và trại chăn nuôi, khu chế biến thức ăn cho lợn... Những người nông dân ở xã đã vô cùng vui mừng hạnh phúc khi thấy hai Chủ tịch cùng nhau sánh bước trên đường làng của họ, cùng xắn quần đi trên những cánh đồng cao sản và trò chuyện về thành tích của xã. Nhiều nông dân trong xã đã chạy ra tặng Bác và Chủ tịch Kim những nông sản cây nhà lá vườn như: Hoa quả, bí đao... Sau khi tiễn Chủ tịch Kim lên xe, Bác ghé

vào thăm trụ sở hợp tác xã. Trụ sở đã được trang hoàng rất đẹp, cán bộ quần áo tề chỉnh, qua cửa sổ thấy có nhiều nông dân đang gầy rơm, phơi thóc, Bác nói: “cán bộ thì phải ra làm cùng dân, chỗ nên để dân làm còn mình thì đứng xem...”. Nói rồi Bác đi ra ngoài sân, bà con biết tin Hồ Chủ tịch nên đang kéo đến rất đông. Cán bộ xã mang bàn ra sân và kê một miếng thảm để lấy chỗ cho Bác đứng nói chuyện, nhưng Hồ Chủ tịch không đứng ở vị trí có bàn, trải thảm mà tiến đến góc xa nơi bà con nông dân đang túm tụm. Bác ưu tiên cho các cháu thiếu nhi ngồi trước, rồi cụ già thanh niên. Hồ Chủ tịch hỏi chuyện những người nông dân về đồng áng, những khó khăn thuận lợi. Người đặc biệt chú ý đến công tác thủy lợi, thứ đến là phân xanh... Bác cũng rất mong các cán bộ xã phải quan tâm chăm sóc nâng cao đời sống cho bà con. Hồ Chủ tịch quay sang một cán bộ xã hỏi:

- Khi bà con ra đồng thì các chú lo cho trẻ nhi đồng thế nào.

Đồng chí cán bộ trả lời:

- Dạ, thưa Bác, các cháu đi học mẫu giáo.

Hồ Chủ tịch hỏi lại:

- Thế sao lúc đi vào cổng làng, Bác vẫn thấy có trẻ lê la chơi nghịch bẩn. Như vậy là các cháu chưa phải hầu hết đều đi học...?

Luôn quan tâm đến người nông dân bết vất vả

Năm 1958, Bác về Nam Định dự hội nghị bàn về “Sản xuất nông nghiệp”. Bác chăm chú lắng nghe các bản báo cáo thành tích của các đơn vị. Bác chú ý bản báo cáo nói về cách làm các loại phân bón. Bác đứng lên nhìn khắp hội trường và hỏi to: “Chú nào gánh

bùn đổ cho hai sào lúa có đây không?” Không có ai đứng dậy. Một đồng chí cán bộ Tỉnh ủy báo cáo là người nông dân đó không thuộc diện tham dự hội nghị này. Bác phê bình và yêu cầu cho người đó đến dự hội nghị ngay. Bác hỏi tiếp, chị em phụ nữ ở đây có còn đội phân nữa không? Các đồng chí cán bộ tỉnh chưa dám báo cáo ngay, may có đại biểu nữ đỡ lời: “Thưa Bác, chị em ở đây không quen gánh nên cái gì cũng đội ạ”. Bác dặn: “Nên tìm cách cải tiến vận chuyển bằng xe để đỡ cho chị em về lâu dài”.

Họp dự thảo điều lệ hợp tác xã đến câu: “Xã viên phải góp ruộng đất, trâu bò, các công cụ chủ yếu”, Bác sửa cho chặt chẽ hơn: “Xã viên phải góp ruộng đất, góp cổ phần, để lại trâu bò và các công cụ chủ yếu”, chữ “để lại” vừa có tình vừa có nghĩa giữa xã viên và hợp tác xã. Trong cuộc họp Bộ Chính trị bàn về nông nghiệp, Bác đề nghị: “Quỹ tích lũy để khoảng 7-10% thu nhập hợp tác xã là quá cao, đời sống dân còn thấp nên tập trung nâng mức sống của dân”. Bộ Chính trị nhất trí, sau đó chỉ để quỹ tích lũy là 5-10%. Bác yêu cầu chuyển nội dung bản điều lệ sang diễn ca phát triển Đài phát thanh cho dân dễ thuộc, dễ nhớ.

Hồ Chủ tịch xây dựng cho mình một hệ quan điểm về vấn đề nông dân trong hệ thống tư tưởng giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp. Bác đứng về nông dân, bênh vực quyền lợi của nông dân nhưng không sa vào nông dân chủ nghĩa, không quá tải, không xô bồ khi phân tích mặt tốt, mặt phải hoàn thiện của nông dân trong cách mạng dân tộc dân chủ nông thôn.

N.T.V

NGƯỜI PHIÊN DỊCH LUẬT SƯ LÔĐƠBAI KỂ CHUYỆN

Ông Trịnh Ngọc Thái, là một cán bộ lâu năm và có thời gian làm Phó Trưởng Ban Đối ngoại Trung ương Đảng, nguyên Đại sứ Việt Nam tại Pháp nay đã nghỉ hưu, có may mắn được phiên dịch cho luật sư Lô- Đơ- Bai vào năm 1960 khi vợ chồng luật sư sang thăm Bác. Chúng tôi có dịp gặp ông để cùng hồi tưởng lại câu chuyện của những ngày giáp Tết năm 1960.

“Vào một ngày rét mướt cuối năm như thế này, Bác triệu tập chúng tôi - lúc ấy là các cán bộ tại Ban Liên lạc đối ngoại Trung ương Đảng và một số cơ quan khác đến gặp, Bác nói: “Bác sắp đón mọi vị khách đặc biệt sang thăm nước ta, đó là ân nhân của Bác. Các cô, các chú giúp Bác trong thời gian khách ở thăm Hà Nội...” Tôi, anh Cao Hồng Lãnh lúc đó là Phó Trưởng Ban Liên lạc đối ngoại Trung ương, anh Hoàng Đức Nở - Vụ trưởng Vụ Lễ tân), chị Nguyễn Thị Cúc, một số anh em khác được đi cùng Bác ra sân bay Gia Lâm đón vị khách đặc biệt: Vợ chồng luật sư Lôđơbai và con gái. Hồ Chủ tịch chờ ở phòng khách sân bay đã trao cho khách những bó hoa tươi thắm. Ôm hôn - Hai mái đầu tóc bạc bên nhau. Ở lần gặp trước, cách đây 28 năm, họ: luật sư Lôđơbai và nhà yêu nước Nguyễn Tất Thành (lúc ở Hồng Kông Bác lấy tên là Tống Văn Sơ) hãy còn trẻ.

Xe đưa ông bà luật sư về nhà khách Chính phủ, một biệt thự rất đẹp ở số 58, Nguyễn Du. Hai ông bà

ở thăm Hà Nội từ ngày 26-1 đến 3-2-1960. Những lúc rỗi, Hồ Chủ tịch đến thăm khách, cùng ăn cơm và đưa họ đi thăm một số nơi ở Thủ đô. Bác đưa ông bà luật sư đi thăm Nhà máy Cơ khí Trung Qui Mô Hà Nội, xem buổi biểu diễn của các cháu thiếu nhi, thăm trường các cháu miền Nam... Sau đó đoàn có đi thăm vịnh Hạ Long, mỏ Cẩm Phả, Bảo tàng Lịch sử và một số danh lam khác. Trong cuộc mít tinh với công nhân tại Nhà máy Trung Qui Mô, Bác mời hai ông bà luật sư, cô con gái đứng lên bục danh dự và nói: “Bác giới thiệu với các cô các chú đây là luật sư Lôđobai, người đã cứu sống Bác ở Hồng Kông. Nếu không có luật sư thì Bác không biết sống chết ra sao...”

Ông luật sư vui vẻ đứng lên nói chỉ ngắn gọn: “Tôi rất vinh dự được gặp lại Chủ tịch Hồ Chí Minh, là người mà tôi đã gặp tại Hồng Kông cách đây gần 30 năm. Đây là vợ tôi và con gái tôi...” và ông nhường lời cho phu nhân.

Tôi phải nói rằng, mọi điều cần trao đổi, Bác nói chuyện trực tiếp với ông Lôđobai bằng vốn tiếng Anh rất tốt của mình, còn tôi dịch cho luật sư khi Bác phát biểu trước công chúng, hoặc giữa luật sư và những người Việt Nam khác. Tại cuộc viếng thăm Viện Bảo tàng lịch sử, nhân lúc nhắc tới bộ quần áo bà luật sư đã may cho Tổng Văn Sơ mặc để thoát hiểm khi đóng vai thương gia xuống tàu đi Hạ Môn vào năm 1933, bộ quần áo đó nay không còn, bà Lôđobai hứa rằng khi về Hồng Kông sẽ may gửi tặng Viện Bảo tàng một bộ quần áo đúng như thế. Bộ quần áo hiện nay để tại Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh chính là chiếc áo sau này bà luật sư may lại và gửi tặng chúng ta.

- Trong thời gian ở đây, hai ông bà có đi mua sắm và mong muốn điều gì không, thưa ông? - Chúng tôi hỏi.

- Hầu như không, - ông Trịnh Ngọc Thái trả lời - họ là những trí thức chân chính, suốt đời làm việc vì chính nghĩa và công lý, không hề yêu cầu đòi hỏi chúng ta một chút gì, gọi là trả ơn. Ngày đó, ông bà luật sư Lôđobai đã dám giấu “tù nhân” Tống Văn Sơ (tức Nguyễn Ái Quốc) trong nhà rồi giúp Bác đi thoát khỏi Hồng Kông là một điều khá nguy hiểm. Tuy mới chỉ gặp nhau vài lần trong nhà tù, nhưng sức cảm hoá của Bác thật lớn. Luật sư Lôđobai đã thấy, đã tin ở hành động của mình khi giúp đỡ người cộng sản trẻ tuổi Nguyễn Ái Quốc. Ấy vậy mà khi làm khách quý của Chủ tịch Hồ Chí Minh, hai ông bà không hề muốn mua sắm cái gì cho mình khi đi thăm các cửa hàng,... Quà tặng chính lúc ông bà ra về chỉ là một quyển album chụp những tấm ảnh gia đình luật sư trong thời gian ở Hà Nội. Có một chi tiết rất cảm động: Lúc tiễn các vị khách quý tại sân bay Gia Lâm, bất ngờ bà Lôđobai quay lại đưa cho tôi một tập tiền đô la Hồng Kông như có ý thanh toán tiền ăn khi ở Hà Nội. Tôi ngạc nhiên quá và nhất quyết không nhận. Nhưng rồi cả hai ông bà cùng nằng nặc bắt tôi phải cầm và để làm vui lòng họ tôi đành nhận rồi chuyển lại cho Vụ trưởng Vụ Lễ tân.

- Thưa ông, trước cuộc gặp gỡ với hai ông bà luật sư, Bác đã có liên hệ nào với ân nhân của mình chưa và do đâu biết được địa chỉ của họ?

- Những lần gặp ông Lôđobai, tôi được biết sau vụ thoát hiểm tại Hồng Kông, Bác có hai lần viết thư cho ông luật sư nhưng vì sợ Bác bị cảnh sát biết địa chỉ và theo dõi, nên luật sư không trả lời. Đến năm 1956, họ mới chính thức liên lạc được với nhau. Tôi cũng được biết những năm quân Nhật chiếm Hồng Kông, ông bà đã bị phát xít Nhật bắt giam và nhà cửa bị tàn phá.

- Gần đây trong phim “Nguyễn Ái Quốc ở Hồng Kông” khởi chiếu năm 2003 có đoạn mô tả Bác trong vai một thương gia được vợ chồng luật sư giúp xuống tàu đi Hạ Môn, điều đó có đúng với sự thực không, thưa ông?

- Phim đã mô tả khá chính xác một phần đời của người cộng sản trẻ tuổi Nguyễn Ái Quốc. Tuy nhiên, thực ra khi Bác rời Hồng Kông, Bác mặc bộ quần áo giống như bộ trưng bày ở Bảo tàng Hồ Chí Minh, Người và một thư ký của Luật sư Lôđơbai, trong vai một thương gia và giúp việc, bí mật xuống một chiếc xuồng chạy ra ngoài hải phận Hồng Kông nhằm tránh sự theo dõi của mật thám Pháp rồi lên chiếc tàu An Huy đợi sẵn ở đó như hai người khách đến chậm, tàu đi Hạ Môn. Bác đến Hạ Môn vừa đúng giao thừa, ở trọ trong nhà một người bạn của luật sư, một tháng sau đó đi Thượng Hải và qua Vơ-la-di-vô-stoc (Nga).

- Sau này, chúng ta còn nhận được tin tức gì của ông bà luật sư không, thưa ông?

- Năm 1967, ông Lôđơbai mất, mấy năm sau bà vợ, rồi cô con gái cũng qua đời. Đến năm 2002, một người cháu của ông bà, anh Paul Tagg, từ Anh sang Việt Nam, mới thực hiện được di chúc của ông luật sư: chuyển lại cho Viện Bảo tàng những quà tặng của Chủ tịch Hồ Chí Minh lúc sinh thời: trong đó có bức tranh thêu Chùa Một Cột... Hiện tại những di vật được trưng bày ở Viện Bảo tàng Hồ Chí Minh.

Trầm ngâm nhớ lại những kỷ niệm cũ, ông Trịnh Ngọc Thái cảm động kể: “Sau khi về, ông Lôđơbai có viết thư cho Bác, có đoạn viết: “Ngài nói tôi là người đã cứu sống ngài, nếu điều đó đúng như vậy, thì đó là việc làm tốt nhất trong cuộc đời sự nghiệp của tôi đã làm được”.

N.T.V

BÁC VIẾT BẢO

VÀ QUAN TÂM PHONG TRÀO TIẾT KIỆM

NGUYỄN THIÊN VIỆT

(Theo lời kể của nhà văn SƠN TÙNG)

Vào cuối năm 1964, tại hợp tác xã Lỗ Khê, huyện Đông Anh (Hà Nội) xuất hiện một phong trào sôi nổi và độc đáo. Đó là cuộc vận động toàn thể nhân dân tích cực tham gia “Cần - kiệm xây dựng hợp tác xã”.

Độc đáo vì mỗi gia đình, mỗi cá nhân đều lên kế hoạch cụ thể về chi tiêu. Cả hợp tác xã chỉ có 240 đồng tiền vốn, làm thế nào đây? Chi bộ họp và quyết định dựa vào dân để vay vốn, chứ không ỷ lại Nhà nước. Các đảng viên phân công nhau về từng tổ để vận động bà con. Các đoàn viên bàn nhau bỏ những việc chi tiêu chưa cần thiết để góp vốn cho hợp tác xã, thậm chí có vài người còn hoãn đám cưới... nhiều cô gái bỏ vốn riêng ra góp. Noi gương các anh chị, thiếu nhi cũng rủ nhau đi bắt cua, hái rau, bán gà vịt do mình tặng gia để giúp cha anh. Đặc biệt ở đây, các cụ già xung phong đi đầu đóng góp được 400 đồng cho xã.

Cuộc vận động tiết kiệm này đã mang lại số vốn “khổng lồ” là 15 nghìn đồng so với 240 đồng khởi điểm. Bằng số tiền tiết kiệm này, xã đã mua được 10 con trâu, 350 con lợn giống và 3.000 đồng giống khoai tây thời vụ, công trình thủy lợi hoàn thành trong 5 tháng (chứ không phải là 3 năm). Biến 200 mẫu (chứ không phải là 48 mẫu), một vụ bắp bênh thành 2 vụ...

Nhưng quan trọng hơn là Lỗ Khê đã nêu một tấm gương điển hình cho cả nước về phong trào tiết kiệm, từng người dân bằng sức của mình đều có thể tích tiểu thành đại, góp gió thành bão cùng nhau chung sức xây nên đại công trường xã hội chủ nghĩa - thế giới mới cho những người áo vải. Báo chí đã đưa tin về cuộc vận động này.

Ngày 18 tháng 1 năm 1964, trên báo Nhân dân, Hồ Chủ tịch đã trang trọng viết một bài báo tên là *“Gương tốt của thanh niên Lỗ Khê. Tết tươi vui và tiết kiệm”*, ca ngợi phong trào của nhân dân trong xã. Bài báo được ký dưới bút danh “Trần Lực”, là bút danh hay dùng của Bác. Hồ Chủ tịch đánh giá cao sáng kiến của nhân dân Lỗ Khê và mong muốn cả nước noi theo tinh thần đó. Người viết rằng: “Những việc tốt mà thanh niên Lỗ Khê làm được, thì chắc thanh niên các nơi khác làm được, và mọi công dân chúng ta làm được...”. Bài báo có đoạn viết: “Dưới sự lãnh đạo của chi bộ Đảng, xã Lỗ Khê (ngoại thành Hà Nội) đã đặt kế hoạch làm cho Tết năm nay tươi vui và tiết kiệm. Các chi đoàn Hà Nội và nhiều tỉnh khác như Hải Phòng, Sơn Tây, Nghĩa Lộ, Thái Nguyên, v.v... đều hăng hái nhận thi đua với Lỗ Khê... Hoan hô sáng kiến tốt của thanh niên! Chúng ta - những người cha mẹ, cô bác - cũng cần phải thiết thực ủng hộ phong trào đó... Vì sao thanh niên Lỗ Khê là người đề xướng phong trào tiết kiệm này? Bởi vì họ có kinh nghiệm mới mẻ và thiết thực”. Trong bài báo, Hồ Chủ tịch đã nêu lên những khó khăn của làng quê Lỗ Khê, cách khắc phục và những thành tựu đạt được của nhân

dân trong xã. Hồ Chủ tịch gửi đến nhân dân trong xã lời khen ngợi và chúc mừng.

Tuy nhiên, tình cảm của Bác dành cho người dân Lỗ Khê không chỉ dừng lại ở đó. Một món quà bất ngờ đến với họ nhân dịp Xuân Giáp Thìn. Hai tuần sau khi bài báo ra đời, Lỗ Khê đón Tết trong một không khí ấm áp, vui mừng, hừng khởi của người dân trước những thành tựu nông nghiệp vừa đạt được. Mồng một Tết, vừa hừng sáng, các gia đình đang sửa soạn cỗ bàn, bỗng từ nhà bà Nga, ở đầu làng có tiếng reo: “B...á...c về! Bác... Hồ... về!”. Cái tin Hồ Chủ tịch về thoáng cái được cả làng biết đến bởi những tiếng reo hò náo nức. Tất cả xã viên, từng nhà đều bỏ dở công việc chạy đổ xô ra đường đón Bác.

Thật kỳ diệu, thật ngạc nhiên Bác trong bộ áo ka ki quen thuộc, đôi mắt rất sáng, chòm râu hiền từ, đội chiếc mũ vải mùa đông, chậm rãi đi bộ trong làng. Nông dân Lỗ Khê cuộn cuộn như một con sông lớn theo chân Người. Vang vang tiếng: Hoan hô Bác về! Hoan hô Bác về!

Bác đi thăm một số gia đình, mừng tuổi các cụ, các cháu rồi mời toàn thể xã viên cùng Bác ra sân đình, để Người chúc Tết và nói chuyện. Hàng nghìn đôi mắt dán vào Hồ Chủ tịch, nuốt lấy từng lời của Người. Bác chào và hỏi thăm sức khỏe của các cụ rồi nói:

- Các cụ, các cô, chú, các cháu có biết vì sao Bác về đây không?

- Thưa Bác, có ạ. Vì xã thực hành tiết kiệm ạ.

- Thế tiết kiệm là gì?

- Thưa Bác, là không lãng phí ạ.

Bác Hồ cười vui rồi nói:

- Bà con Lỗ Khê ta thực hành cần kiệm như vậy là tốt. Cần là xã viên bỏ nhiều công sức ra để làm thủy lợi, khoanh vùng chống úng, cấy tăng vụ, thâm canh tăng năng suất, có nhiều lương thực vừa nâng cao đời sống, vừa đóng góp đầy đủ cho Nhà nước, chi viện cho miền Nam. Kiệm là chống lãng phí trong ăn tiêu, để dành vốn cho sản xuất, xây dựng hợp tác xã. Có tiết kiệm thì đời sống mới cao lên được, mới đóng góp cho miền Nam được nhiều hơn. Đồng bào có đồng ý thế không?

- Thưa Bác, có ạ!

Bác nhắc nhở nhân dân: ở hợp tác xã ta năng suất chưa cao vì thủy lợi làm chưa tốt, việc đắp đê khoanh vùng không nên kéo dài, phải dứt điểm trong 6 tháng nữa, chăn nuôi chưa tốt. Bác vào làng thấy còn ít lợn và lợn rất nhỏ. Phải chăn nuôi nhiều hơn, tốt hơn. Trồng cây còn kém, phải tích cực hưởng ứng Tết trồng cây làm cho làng xóm xanh tươi mát mẻ. Trong cây trồng, vẫn độc canh cây lúa, như thế chưa tốt. Nên trồng thêm màu, chế biến màu. Những việc ấy bà con có làm được không?

Mọi người cùng đáp:

- Thưa Bác, làm được ạ!

Bác chỉ hai câu thơ kẻ trên tường đình và khen hay:

Đón xuân mở hội làm giàu

Mừng xuân cần kiệm lúa màu tốt tươi

Bác Hồ hỏi tiếp:

- Năm nay đồng bào ăn Tết tiết kiệm nhưng có vui không?

- Thưa Bác, vui lắm ạ!

Bác cười chúc đồng bào ăn Tết thật tươi vui rồi đề nghị tất cả cùng hát bài Kết đoàn. Bác giơ tay bắt nhịp, từ sân đình, tiếng hát của hàng trăm trái tim bốc lên vang động làm không khí ấm lại, xua tan giá rét. Mùa xuân đang về. Làng xóm Lỗ Khê chưa bao giờ có một mùa xuân vui như thế.

Noi gương Lỗ Khê, hàng chục Đảng bộ, hàng trăm chi đoàn HTX, xí nghiệp, nhà máy, cơ quan đoàn thể trên miền Bắc đã tổ chức các cuộc vận động người dân thi đua cần, kiệm theo tinh thần Bác dạy. Lỗ Khê trở thành lá cờ đầu của phong trào tiết kiệm. Khắp nơi đâu đâu người ta đều nhắc đến tinh thần đó. Bốn mươi hai năm trôi qua, làng xóm đã thay đổi nhiều kể từ ngày Bác về thăm. Con đường xưa Bác đi, nay đã thành đại lộ, hai bên rợp bóng cây xanh. Năng suất và sản lượng, rồi đời sống bà con ở xã đã thay đổi nhiều. Nhưng bài học Cần Kiệm của Hồ Chủ tịch dạy vẫn định ninh trong lòng mỗi người dân...

Vâng, Người đã viết như vậy ngay từ những ngày đầu của phong trào không chỉ cho thanh niên Lỗ Khê mà còn cho thanh niên cả nước trong bài báo mùa xuân Giáp Thìn: *“Có kế hoạch làm cho cần kiệm thành một nền nếp thường xuyên trong đời sống mới, đạo đức mới”* (Trần Lực).

N.T.V

NÔNG DÂN QUẢNG AN HAI LẦN ĐÓN BÁC

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Vào tháng 8-1962, nhân dân Quảng An (Từ Liêm, Hà Nội) được vinh dự đón Bác về thăm. Câu chuyện vị Chủ tịch nước hai lần về thăm một xã nghèo ở ngoại thành Hà Nội, lần trước cách lần sau một tháng rưỡi, hiện vẫn còn lưu truyền trong các cụ già ở làng như một câu chuyện thời sự.

Ngày 14-8-1962 đến như bình thường, ở trường Mẫu giáo Quảng An. 8 giờ sáng, cô giáo Nguyễn Thị Vân cho các cháu ra sân Phủ Tây Hồ chơi. Trong lúc các cháu đang xếp hàng tập thể dục thì một tổp cán bộ quần áo đại cán đi tới. Cô giáo Vân, năm nay đã là một bà giáo về hưu, tóc bạc trắng, kể: “Năm ấy, tôi vừa tròn 20 tuổi. Trước kia, tôi chỉ được nhìn thấy Bác một lần, từ xa, trong Cung thiếu nhi, khi còn là học sinh đi dự Hội nghị. Thoạt tiên, tôi nghĩ đó là những cán bộ cao cấp của Nhà nước tới khu nhà nghỉ Hồ Tây để nghỉ như thường lệ. Bỗng nhiên, có một vài cán bộ trẻ chạy tới chỗ tôi, xua tay rồi rít và nói: “Bác tới thăm lớp mẫu giáo. Cô cho các cháu vào lớp ngay!”. Năm đó, đất nước vừa thoát khỏi khó khăn gian khổ sau cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, các cháu đều là con xã viên, ăn mặc còn lôi thôi, nhem nhuốc. Bản thân tôi cũng mặc áo vá đi dạy mẫu giáo hưởng

công điểm. Bác vào lớp. Tôi bảo các cháu: “Các cháu chào Bác Hồ đi!”. Tôi thấy Bác xúc động, lặng ngắm từng gương mặt trẻ thơ vô tư và nghịch ngợm trong phòng học vẫn còn ố bẩn với bàn ghế đơn sơ, xộc xệch, chưa đủ tiện nghi. Bác hỏi: “Lớp có bao nhiêu cháu?”. Tôi thưa: “Dạ, thưa Bác có 24 cháu tất cả ạ.” Người ân cần hỏi: “Các cháu là con em của ai?”. Tôi đáp: “Thưa Bác, các cháu là con em của các xã viên hợp tác xã Quảng An ạ”. Bác gật đầu, dịu dàng mỉm cười hỏi: “Thế cô giáo có biết hát không? Cô dạy các cháu bài gì?”. Tôi bắt nhịp các cháu đồng thanh hát hai bài. Bác vỗ tay, hoà theo bài hát của lớp. Bác tiếp tục hỏi chuyện về lớp, cách dạy dỗ các cháu, những khó khăn hiện tại.

Lúc này, bà con nông dân ở lân cận biết tin Hồ Chủ tịch tới, đã kéo đến vây quanh lớp học khá đông. Bác hỏi: “Các cháu có thích ăn kẹo không?”. Các cháu đồng thanh: “Có ạ”. Hồ Chủ tịch mỉm cười. Người đến xoa đầu từng cháu học sinh và chia đều cho mỗi cháu hai chiếc kẹo. Bất ngờ, Hồ Chủ tịch nhìn thấy trong số các cháu có một bé mắt bị sưng, tấy đỏ. Đó là cháu Đỗ Thị Phúc. Bác tiến lại, bế cháu lên và quay sang hỏi: “Làm sao mà cháu lại bị đau mắt thế này?”. Tôi thưa: “Dạ, thưa Bác, cháu bé theo gia đình tản cư hồi chống Pháp lên Phú Thọ trở về, có lẽ do dùng nước bẩn”. Bác ân cần dặn: “Nhớ phải thường xuyên rửa thuốc đau mắt cho cháu và dùng nước sạch”.

Khoảng nửa tháng sau, toàn trường Quảng An nhận được món quà trích từ tiền lương của Hồ Chủ tịch: mỗi lớp được một tủ gỗ đựng đồ chơi và tiền cho các cháu. Ngoài ra, Bác còn đề nghị trích từ tiền của

Bác để xây một giếng sạch cho nhân dân xã Quảng An và yêu cầu y tế xã phải thường xuyên rửa thuốc đau mắt cho các cháu.

Chị Đỗ Thị Phúc - cháu bé 6 tuổi đau mắt năm xưa, nay đã là chủ của một đại gia đình khá giả ở Quảng Bá với 3 trai 1 gái. Các con chị hiện là những vận động viên bơi lội chuyên nghiệp, đã đoạt nhiều giải quốc tế trong năm qua. Chị cho biết thêm: “Ngày hôm sau, Bác đã cử một bác sĩ của Viện mắt Trung ương đến tận nhà khám và chữa cho tôi”.

Trần trở về tình trạng thiếu nước sạch vùng ven Hồ Tây, chiều ngày 29-9-1962, Chủ tịch Hồ Chí Minh quay trở lại xã Quảng An. Người đến thăm gia đình các cán bộ xã - trong đó có gia đình ông Huấn - Chủ nhiệm HTX. Sau đó Người ra đình Quảng Bá nói chuyện với các đại biểu dự hội nghị tổng kết phong trào thể dục vệ sinh mùa hè. Bác nhấn mạnh: “Muốn có sức khỏe, phải ăn ở vệ sinh. Muốn có vệ sinh phải có nước sạch. Muốn có nước sạch phải đào giếng”. Hồ Chủ tịch căn dặn nhân dân Quảng An phải quyết tâm phấn đấu trở thành xã điển hình về vệ sinh phòng bệnh.

Những con đường Bác đã đi qua, gốc cây nơi Bác ngồi nghỉ, các giếng nước sạch của Hồ Chủ tịch vẫn còn đến ngày hôm nay. Ở Quảng Bá, tượng đài có khắc những lời dạy của Người trong chuyến về thăm xã Quảng An năm 1962 trang trọng nằm cạnh đình như một kỷ niệm quý báu về sự quan tâm, chăm sóc của Bác kính yêu dành cho người dân xã Quảng An.

N.T.V

BÌNH RƯỢU QUÝ CỦA BÁC HỒ

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Năm 1967, cuộc chiến tranh phá hoại của đế quốc Mỹ bắt đầu bước vào thời kỳ ác liệt. Giữa cảnh bom rơi, đạn nổ có một người châu Âu, đầu đội mũ cối, vừa quay phim vừa khóc.

Thế giới biết đến một nước Việt Nam dũng cảm và bất khuất qua những bộ phim của ông như *“Phóng sự từ miền Bắc Việt Nam”*, *“Mê Kông trong lửa”*, *“Trong rừng xem phim Sapaep”*... Xin nói thêm, chính vào năm 1966, Arseulov Ôlêch Côngxtantinôvich cùng với Comarov (đã mất) là hai nhà quay phim Nga đầu tiên theo các chiến sĩ Việt Nam vào tận ngoại ô Sài Gòn, đến Bến Tre.

*

* *

Ôlêch Côngxtantinôvich mở rộng cánh cửa, tươi cười đón khách. Trước mặt chúng tôi là một ông già ngoại 70, ánh mắt vẫn trẻ thơ, nhân hậu và long lanh một ngọn lửa bí ẩn. Vâng, đã gần 30 năm trôi qua từ ngày ấy. Nghệ sĩ công huân, nhà quay phim nổi tiếng của Liên Xô đã đi qua nhiều cuộc chiến tranh và bây giờ cùng với vợ cũng là nhà quay phim - bà Xvetlân Nhicôlaevna, cả hai ông bà về dạy ở trường Đại học Điện ảnh toàn Nga VGIK (trước là Trường Điện ảnh Liên bang Xô Viết). Nhân dân Nga yêu mến hai ông

bà và gọi họ là “Người Việt Nam”. Bên ấm trà thoang thoang mùi hương hoa, sau khung cửa là bầu trời Nga xanh biếc trầm lắng, ông kể cho chúng tôi nghe những kỷ niệm của một thời trai trẻ hào hùng, oanh liệt.

- Một trong những kỷ niệm mà tôi nhớ là khi quay phim “Phóng sự từ miền Bắc Việt Nam”. Kết thúc bằng cảnh lớp học mẫu giáo tại nơi sơ tán. Tôi đưa các cháu giấy bút và bảo các cháu muốn vẽ gì thì vẽ nấy. Các cháu gái vẽ cảnh thanh bình: Bố, mẹ, nhà cửa, làng mạc, cây cối... Các cháu trai vẽ máy bay Mỹ cháy, súng bắn, chiến tranh. Riêng có một cháu trai ngồi im không vẽ gì cả. Tôi lại gần, hỏi cô giáo:

- Tại sao cháu này không vẽ gì?

Cô giáo đáp:

- Bố mẹ cháu vừa bị bom Mỹ giết hại hôm qua.

Tôi quay nguyên cả tờ giấy trắng đó lên màn ảnh. Nó là loại giấy thô, có dòng kẻ màu tím xiên xiên và mép đã hơi bị quăn. Ba mươi năm đã trôi qua, nhưng tôi vẫn nhớ tên em bé đó. Nó tên là Hải Tùng. Bộ phim được kết thúc bằng trang giấy trắng trẻ thơ với câu thơ của K. Ximônốp: *“Nỗi đau này không của riêng ai”*. Ôlêch Côngxtantinnôvich kể, có lần ông định xin một cháu bé có bố mẹ chết vì bom Mỹ làm con nuôi như bà Blaga Dimitrova (Bungari) nhưng đại sứ không đồng ý. Lại có lần đang quay, ông phải vớt máy quay để xông vào cứu người bị thương sập hầm, rồi lại tiếp tục công việc. Những người lính Việt Nam rất lo cho ông...

Khi bà vợ giáo sư khệ nệ mang ra một mâm những món ăn nấu theo kiểu Nga thì chúng tôi được Ôlêch Côngxtantinnôvich trịnh trọng mời thăm kho rượu

quý của ông. Giữa ngồn ngang những chai Vodka trong suốt, Kônhắc vàng óng là một bình thủy tinh tròn khá to, được đập nút kỹ càng và trong là những con rắn cuộn khoanh tròn. Một bình ngũ xà chính công! Ôlêch Côngxtantinôvich khẽ e hèm, xoa xoa hai bàn tay, liếc mắt tùm tùm cười thú vị trước sự ngạc nhiên của các vị khách.

- Hôm nay, nhân dịp có các vị khách Việt Nam mà tôi rất quý đến chơi, tôi mời các bạn nếm thử loại rượu đặc biệt này. Đây là bình rượu quý của Bác Hồ. Thỉnh thoảng tôi mới uống vào những dịp đặc biệt.

Tất cả vào bàn. Vị giáo sư già loay hoay dùng thìa nhỏ ghé vào miệng bình, múc từng thìa nhỏ và rỏ cái chất nước ónh ánh, sền sệt ấy vào từng cốc của chúng tôi. Chúng tôi, người thì vội vàng lấy máy ảnh, người thì nhìn chăm chăm vào thứ chất lỏng sóng sánh như bị thôi miên, hít hít mũi, thưởng thức hương vị của rượu quê hương đã được cất kỹ 30 năm trong hầm rượu của ông Ôlêch Côngxtantinôvich.

Qua câu chuyện, chúng tôi được biết đây là bình rượu Bác Hồ tặng cho Rôman Cacmen, nhà điện ảnh Xô viết lừng danh, người đã từng làm phim: *“Điện Biên Phủ”*, *“Ánh sáng trong rừng”* và một số phim khác về Việt Nam. Rôman Cacmen coi đây là phần thưởng luân lưu đặc biệt quý nên tặng lại cho bà Pompenxcai, một nhà điện ảnh người Acmênia. Pompenxcai nâng niu, giữ gìn bình rượu quý mãi và trong một dịp sinh nhật Ôlêch Côngxtantinnôvich, bà mang đến tặng lại cho giáo sư và nói: “Chính anh mới là người xứng đáng được nhận món quà quý này của Bác Hồ”. Bình rượu quý này đã nằm trong kho rượu

của Ôlêch Côngxtantinôvich gần 30 năm và chỉ được dùng trong những dịp trọng đại.

Một mùa xuân nữa đang đến gần. Khi những dòng này đến tay ông thì Matxcơva chắc là đang rất lạnh. Nhiệt độ chỉ -40o C.

Chúng tôi nhớ mãi buổi uống rượu rần năm ấy, những giọt rượu được gìn giữ từ bình rượu quý của Bác Hồ. Chúng tôi nhớ mãi người thầy, người bạn, đồng chí đã ở bên cạnh chúng tôi trong những năm tháng khó khăn, gian lao của đất nước. Nhân dịp một năm mới, xin chúc ông và gia đình mọi điều tốt đẹp nhất, hy vọng trong tương lai, được gặp lại ông, được uống với thầy Arseulêv Ôlêch Côngxtantinôvich- “Người Việt Nam” một chén rượu rần nhỏ, quà tặng của Bác Hồ, cùng ông hồi tưởng lại một thời đã qua - thời con người sống không chỉ cho bản thân mình.

N.T.V

NGHÌN THU NHỚ BÁC

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Những mẩu chuyện về Bác, những bài học Bác dạy thật đơn giản nhưng bao giờ cũng sâu sắc và có ý nghĩa đặc biệt với các thế hệ Việt Nam. Đó là bài học làm người, bài học về lòng nhân ái... nhưng cho đến hôm nay những bài học ấy vẫn rất thời sự và quý giá với chúng ta.

Dân là người bảo vệ tin cẩn nhất

Đạo còn ở ATK, Bác đi công tác cùng với nhóm bảo vệ. Ông Đinh Công Quyên, người lái xe cho Bác nhớ rõ: Hôm đó, xe đang chạy trên đường thì bất ngờ gặp con suối có cây cầu gỗ nhỏ bắc qua. Cầu mới dựng, trông không chắc chắn. Mọi người xuống xe quan sát, tính toán khả năng chịu lực của cầu. Bỗng từ đâu xuất hiện một ông Ké người Mường. Ông ta tò mò đến bên chiếc ô tô sờ mó, ngắm nghía. Giữa những cán bộ trẻ người Kinh, ông Ké thấy một cụ già áo chàm, chòm râu dài, đôi mắt sáng ngời. Ông tỏ vẻ hết sức ngạc nhiên, nhìn mãi và lẩm bẩm điều gì đó cho riêng mình. Các chiến sĩ trong đội bảo vệ đoán chắc ông Ké đã nhận ra Bác Hồ, liền đến bên ông yêu cầu đi chỗ khác. Ông Ké có vẻ sợ hãi, vừa đi giật lùi vừa nhìn Bác dăm dăm. Thấy vậy, Bác yêu cầu một chiến sĩ cảnh vệ đưa ông Ké lại gặp Bác. Bác dùng tiếng

Mường trao đổi hồi lâu. Rồi ông Ké mỉm cười, gạt đầu chào Bác và các chiến sĩ ra về. Lát sau, Bác nói với anh em bảo vệ: “Họ đã biết mình là ai rồi, mình bảo người ta đi chỗ khác, lại càng bị lộ. Người dân tộc rất chân thật. Bác đã dặn ông Ké: chúng tôi đi qua đây vì việc nước. Chuyện ông thấy vừa rồi không nên nói cho ai biết, ngay cả với vợ con. Ông Ké hứa sẽ giữ bí mật. Các chú không phải lo gì nữa. Bác đã hỏi ông Ké về khả năng chịu lực của cây cầu. Ông Ké cho biết cây cầu này chính do bà con dân bản của ông làm, rất yếu, nếu ô tô đi qua, có thể sẽ rơi xuống vực. Ông nói, nếu đi dọc theo con suối một đoạn nữa sẽ có một chiếc cầu to hơn, ô tô đi qua dễ dàng, chắc chắn”.

Việc tuy đơn giản nhưng anh em chiến sĩ hôm đó cũng nhận được rõ sự suy nghĩ sâu sắc và cái nhìn rất nhân bản của Bác. Với Bác kính yêu, nhân dân chính là người bảo vệ tin cẩn nhất.

“Ra vào chú nhớ khép chặt cửa”.

Năm 1960, Bác mời cơm một vị khách đặc biệt từ Trung Quốc sang: bà Đặng Dĩnh Siêu, vợ cố Thủ tướng Chu Ân Lai, nhân dịp phái đoàn phụ nữ Trung Quốc sang Việt Nam dự Đại hội Hội Liên hiệp phụ nữ Việt Nam. Bữa cơm trưa hôm ấy tại Phủ Chủ tịch chỉ có 3 người: Bác, bà Đặng Dĩnh Siêu và một nữ phiên dịch người Trung Quốc. Đồng chí Thái Hữu Khang hồi đó làm công tác lễ tân trong Phủ Chủ tịch kể lại: Bác Hồ nói chuyện rất vui bằng tiếng Trung Quốc và hầu như không cần đến phiên dịch bạn. Bác và cố Thủ tướng Chu Ân Lai ngay từ khi còn ở Pa ri vốn đã có quan hệ thân thiết. Tôi đứng gần để phục vụ, chạy ra

chạy vào tiếp các món ăn nóng mang lên từ bếp. Bữa ăn đang vui, chợt Bác quay về phía tôi, ra hiệu lại gần và bảo: “Chú lại đây tôi bảo”. Tôi ngạc nhiên tưởng có chuyện gì sơ suất thì Bác nhắc khẽ: “Ra, vào chú nhớ khép chặt cửa kéo muỗi nó bay vào”. Thì ra căn phòng này có 3 lớp cửa: chớp, lưới và kính. Do đi ra đi vào, tôi sơ ý không đóng hẳn cửa nên Bác nhắc. Đang tiếp khách, nhưng Bác vẫn chú ý những điều tưởng như rất nhỏ nhưng cũng thật tinh tế.

Buổi xem phim cuối cùng của Bác

Cứ hàng tuần vào tối thứ bảy, tại phòng khách của Chủ tịch Hồ Chí Minh thường chiếu phim. Từ năm 1954 cho đến khi Bác mất, người phụ trách công tác chiếu phim là ông Thái Hữu Khang. Nội dung phim do đồng chí Vũ Kỳ chọn, sau đó ông Khang đi lấy về. Ông Khang nói: Trong phòng chiếu, các cháu hay ngồi trên cùng, bên trái thường là các cô, các chú còn Bác ngồi bên phải, lui lại phía sau một chút. Bên cạnh có bàn đặt gạt tàn và ống nhổ”. Phim chiếu trong 2-3 tiếng đồng hồ nhưng trong hàng chục năm trời, ông Khang chưa thấy lần nào Bác bỏ về sớm. Đã xem là xem đến hết. Buổi chiếu phim cuối cùng vào khoảng ngày 20-8-1969. Hơn 30 năm qua nhưng ông Khang vẫn nhớ như in những ngày cuối cùng được phục vụ Bác. Bộ phim chiếu hôm ấy là phim phóng sự: “*Bài ca anh giải phóng*” của xưởng phim Quân Giải phóng. Thời gian chiếu 40 phút, để khỏi ảnh hưởng tới sức khỏe của Bác. Sau khi mọi người đã ổn định chỗ ngồi thì Bác xuất hiện. Thời gian ấy, vì có tin Bác mệt, sợ nhân dân trong nước lo lắng nên các đồng chí bảo vệ

Bác yêu cầu phòng chiếu tắt đèn. Một bảo vệ soi đèn pin xuống lối đi, còn hai chiến sĩ đỡ Bác hai bên đi vào. Thấy vậy, Bác góp ý cứ bật đèn. Sau vài giây, phòng chiếu sáng trở lại. Theo thông lệ, trước khi chiếu phim, các cháu thiếu nhi hay hát một bài. Hoặc là “Kết đoàn”, hoặc “Giải phóng miền Nam” và Bác hoà nhịp cùng các cháu. Nhưng hôm đó, khi đồng chí Vũ Kỳ đứng lên bắt nhịp thì không ai có thể cất nổi tiếng hát. Trong tim mỗi người đều trĩu nặng niềm lo lắng đau đáu cho Bác. Bác ơi! Chẳng lẽ Bác mệt như vậy sao?... Rốt cuộc, vì không ai hát, đồng chí Vũ Kỳ phải hát thay. Anh đi khom khom, bắt hai tay sau lưng, giả làm con voi và hát một bài hài hước: “Con voi con voi, cái vòi...”.

N.T.V

BÁC HỒ ĐI CHÚC TẾT VÀ CUỘC GẶP MẶT KỲ DIỆU

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Tôi đã nhiều lần đi qua phố Lý Thái Tổ. Ở Hà Nội, trong những năm qua, có lẽ đây là một trong những phố ít thay đổi nhất. Đèn đường vẫn màu vàng giăng giăng và hàng sấu xanh rì, trầm ngâm, yên lặng qua hàng thế kỷ. Ở đâu, trong những ngõ nhỏ phố này, một đêm giao thừa cách đây 40 năm (Tết Nhâm Dần, 1962), Bác đã đến chúc Tết một gia đình nghèo nhất thành phố? Thật bất ngờ, cảm động và vĩ đại! Câu chuyện này, đồng chí Vũ Kỳ đã nhiều lần kể lại qua báo chí nhưng thời gian trôi qua, bao nhiêu biến thiên, ông không nhớ rõ ngõ nào, căn hộ ở số bao nhiêu, gia đình xưa bây giờ ở đâu, sinh sống ra sao. Nhờ một sự tình cờ may mắn, chúng tôi đã có dịp gặp lại họ - những người chứng kiến câu chuyện kỳ diệu cách đây non nửa thế kỷ.

Tối hôm 30 tháng Chạp, sau khi vui Tết cùng các cháu thiếu niên ở Cung văn hoá thiếu nhi, Bác Hồ đề nghị với đồng chí Trần Duy Hưng- lúc ấy là Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội để đoàn tiếp tục đi thăm và chúc Tết một số nơi trong thành phố, trong đó sẽ đến một hộ thuộc loại nghèo nhất. Tất nhiên, chuyến thăm của Bác sẽ không báo trước để tiếp xúc được tự nhiên và bảo đảm an ninh.

19 giờ 30 phút, xe dừng lại trước một ngõ nhỏ ở phố Lý Thái Tổ - ngõ 16A. “Đêm ba mươi Tết, trời rét căm căm, đường trong ngõ tối om và gập ghềnh, sâu khoảng 30 mét. Hình như bên phải ngõ có một hàng phố đã đóng cửa” - đồng chí Vũ Kỳ nhớ lại.

Năm đó, ngõ 16A Lý Thái Tổ chưa khang trang, sạch sẽ như ngày nay. Cuối ngõ vẫn còn lối thông ra Bờ Hồ để bà con trong xóm ra gánh nước ăn ở một vòi nước công cộng. Các nhà trong xóm đều đang chuẩn bị Tết, sửa sang bàn thờ, nấu nướng, dọn dẹp. Nhà ông Phúc đang sửa tấm ảnh Bác treo trước bàn thờ cho ngay ngắn thì Bác bất ngờ hiện ra trước cửa. Cả nhà chột sững sờ thấy ông cụ mắt sáng, có dáng quen quen như người trong ảnh, mãi mấy giây sau họ mới nhận ra Bác. Hồ Chủ tịch chúc Tết gia đình, hỏi thăm sức khoẻ, công tác và chia kẹo cho các cháu.

Trước khi sang nhà bà Tín, Bác nói: “Tết năm nay, chúng ta đã khá hơn ngày xưa rất nhiều. Nếu bà con gắng lao động hơn nữa thì sang năm, đời sống chắc chắn sẽ cao hơn”.

Gia đình cụ Lý Hùng - bà Tín ở trong ngõ 16A được xếp vào loại hộ nghèo nhất. Ông Hùng trước làm ở Nhà máy điện Yên Phụ và là người có công bảo vệ gìn giữ máy móc khi thực dân Pháp rút khỏi Thủ đô Hà Nội năm 1954. Năm 1957, ông qua đời vì bệnh tật, để lại cho bà Tín một nách 5 con nhỏ (3 gái, 2 trai). Bà Tín thường ngày phải xoay xở làm thuê, làm mướn vất vả để nuôi đủ 5 miệng ăn: Cô con gái đầu năm đó mới 14 tuổi, cô út tròn 5 tuổi.

Khi Bác Hồ vào nhà thì bà Tín đang đi gánh nước thuê, hai cháu trai đang chạy đi chơi. Căn nhà nhỏ

một gian, hơn chục mét vuông chỉ kê một cái phản, gần đấy là bàn thờ, trên chỉ có nải chuối xanh, hương đang thắp nhưng không thấy có bánh chưng - đồng chí Vũ Kỳ nhớ lại.

Ba cô bé thấy có khách lạ thì ngồi tùm cả lại ở góc phản. Bác Hồ hỏi:

- Mẹ các cháu đi đâu mà giờ này chưa về?

Cô lớn nhất bạo dạn trả lời:

- Dạ, thưa ông, mẹ cháu đi gánh nước thuê ở đầu ngõ ạ.

Đồng chí Vũ Kỳ xoa đầu cháu bảo đi gọi mẹ về. Cô lớn nhất tên là Lý Phương Liên chạy vụt ra gọi mẹ và hai em trai về. Hồ Chủ tịch lấy kẹo và âu yếm chia đều cho các cháu. Loại kẹo Bác thường mang theo để chia cho các cháu là kẹo vừng nấu bằng mạch nha, bọc giấy có mác Hải Hà. Bà Tín gánh nước về đến nhà, nhận ra Bác, đánh rơi quang gánh và oà khóc. Bác hỏi thăm an ủi, động viên và dặn dò phải dạy dỗ, chăm sóc kỹ càng các cháu bé. Bác nói với đồng chí thư ký lấy ra gói quà: một miếng lụa tặng cho bà Tín. Bà Tín rơm rớm nước mắt nghẹn ngào nói:

- Gia đình chúng cháu nghèo khổ, bố các cháu mất rồi, nay lại được Bác đến thăm, cho quà thật là sung sướng quá.

Hồ Chủ tịch lau nước mắt cho bà Tín rồi nói:

- Bác không đến thăm cô và các cháu thì thăm ai...

Ra về, Hồ Chủ tịch động viên bà Tín:

- Sang năm sẽ khá hơn.

Rồi Bác quay sang dặn dò cháu Liên:

- Con là lớn nhất, con phải cố gắng vươn lên giúp mẹ và các em.

Lúc này, bà con trong ngõ xóm biết tin Bác Hồ đến nên đã kéo đến khá đông. Hồ Chủ tịch chúc Tết tất cả mọi người và chia kẹo cho các cháu trong ngõ.

Ngõ 16A Lý Thái Tổ nay đã thay đổi nhiều. Sau này, căn nhà của bà Tín đã được sửa chữa lại bằng sự giúp đỡ của chính quyền địa phương. Năm 1968, bà Tín mất, anh con trai lớn của bà - anh Lý Phát - cũng đi bộ đội. Căn nhà năm xưa được Bác đến thăm vẫn như cái tổ ấm của mấy chị em, sống trong sự đùm bọc, thương yêu của bà con ngõ xóm. Chị Lý Phương Liên học hết trung học đã trở thành công nhân nhà máy điện, nổi nghiệp cha và sau này nổi tiếng với bài thơ "*Ca bình minh*"... Năm 1972, chị được chọn về công tác tại báo Nhân dân, rồi được đi học lớp lý luận, nghiệp vụ và năm 1975, chị theo chồng vào Sài Gòn, công tác tại Đài truyền hình Tp. Hồ Chí Minh, nay đã về hưu. Những người con xưa của bà Tín nay đã trưởng thành, có người đã có cháu nội, cháu ngoại. Ngôi nhà cũ của gia đình đã bán đi. Chủ mới đã sửa sang, nâng cao thành 3 tầng, nhưng câu chuyện về một vị Chủ tịch Nước thương yêu dân, đến thăm hỏi một gia đình nghèo trong ngõ nhỏ đêm ba mươi Tết vẫn còn lưu truyền mãi mãi.

Sau khi tìm được nơi ở của những người con bà Tín (chị Liên đã vào Tp. HCM), tác giả bài báo đã gọi điện báo tin cho ông Vũ Kỳ và ông tỏ vẻ vui mừng, ngạc nhiên, muốn mời những người con của bà Tín đến chơi. Ngược lại, những cô bé của tối ba mươi Tết năm xưa cũng muốn được đến thăm "bác thư ký" đã chúc Tết gia đình họ cùng với Bác Hồ kính yêu năm ấy.

Cuộc gặp mặt sau 40 năm diễn ra thật thú vị và cảm động như một bài thơ có hậu.

Có cả những giọt nước mắt và những nụ cười. Chúng tôi cùng nhau xem lại tấm ảnh xưa, hàn huyên và cùng nhau hồi tưởng lại hình ảnh Bác Hồ với mái tóc trắng bông bênh như cước đang hỏi thăm, động viên chị Tín. Bên cạnh là những cô bé năm xưa nay đã là mẹ, là bà.

Đồng chí Vũ Kỳ năm đó mới ngoài 40 tuổi thì nay đã 82 tuổi, mái tóc cũng đã bạc. Ông tiễn khách ra cửa, cảm ơn và nói: “Cứ sống cho tốt là Bác Hồ sẽ vui”.

N.T.V

CÂU CHUYỆN KỶ NIỆM TỪ NGƯỜI CHỊ CỦA BÁC

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Một buổi chiều mùa đông năm 1945, chiến sĩ trung đội cảnh vệ Bắc Bộ phủ Tạ Doãn Dịch (nay là đại tá đã nghỉ hưu) bỗng thấy một người phụ nữ miền Trung, dáng vẻ lam lũ tần tảo, trạc ngoài 60 tuổi, trong tay là một túi xách lỉnh kỉnh những hoa quả và vệt xin vào gặp Bác. Chiến sĩ cảnh vệ hỏi:

- Bà là ai và muốn gặp Hồ Chủ tịch có việc gì?

Bà khách trả lời, giọng Nghệ nặng nặng, ấm áp:

- Tôi ra thăm em, em tôi là Chủ tịch Hồ Chí Minh...

Chiến sĩ cảnh vệ vô cùng ngạc nhiên vì dáng vẻ giản dị, khiêm nhường của người chị vị Chủ tịch nước - vị anh hùng của dân tộc đang dắt dẫn con thuyền cách mạng vượt qua muôn nghìn chông gai, ghềnh thác. Thông tin về vị khách quý được báo ngay lập tức và lát sau Hồ Chủ tịch trong bộ ka ki quen thuộc, gương mặt xanh gầy với đôi mắt rất sáng vội vã bước ra từ cuộc họp Chính phủ. Hai chị em đứng sững một giây rồi ôm chầm lấy nhau mừng mừng tủi tủi, mắt rơm lệ. Cuộc hội ngộ sau gần 40 năm của Bác với chị ruột của mình đã diễn ra như vậy. Ngày ra đi, anh Nguyễn Tất Thành hãy còn rất trẻ, vậy mà bây giờ, râu tóc đã phôi pha. Tổ quốc giang sơn tuy đã đòi được về, nhưng còn đó muôn ngàn trùng gian khó, vây quanh là giặc đói, giặc dốt, giặc ngoại xâm...

Trưa hôm đó, bữa ăn gặp mặt được tổ chức tại nhà ông Đặng Thai Mai (vì bà Thanh không chịu ra nhà khách Chính phủ để khỏi làm phiền em mình, và lại gia đình bên nhà ông Đặng Thai Mai với bên nhà Bác cũng là chỗ giao hảo lâu đời từ thuở Đông Du), Lúc bữa ăn dọn ra, trên bàn có nhiều món vịt, và thậm chí có cả một đôi chân vịt luộc đặt ngay ngắn trong đĩa... Hồ Chủ tịch ngạc nhiên quay sang hỏi:

- Hôm nay anh chị Mai cho ăn sang quá, toàn là vịt cả thôi...

Nghe thấy thế, ông Đặng mỉm cười trả lời:

- Đâu có, chúng tôi hôm nay cũng ăn ké thôi, đây là vịt chị Thanh mang từ trong quê ra, dọn làm để chiêu đãi Bác...

Nghe dứt câu trả lời của cụ Đặng, Hồ Chủ tịch bỗng vội đứng dậy. Người ngay ngắn đẩy lùi chiếc ghế ra sau, khoanh chấp hai tay trước ngực, hướng về phía bà Thanh nói:

- Thưa chị, 40 năm chị em ta xa cách, em sống bôn tẩu nơi xứ người, một lòng hy sinh cho quê hương Tổ quốc, đến hôm nay mới có ngày gặp lại. Chị vẫn thương em nhỏ dại như ngày nào, và nhắc em nhớ đến gia phong nhà ta thuở trước. Em vẫn nhớ lời dạy của bà, em còn nợ bà 7 roi...

Trong khi mọi người chưa hết ngạc nhiên vì câu chuyện kỉ niệm thời thơ ấu của Bác, thì bà Thanh đỡ Bác Hồ ngồi xuống, vui vẻ nói:

- Em ra đi bao nhiêu năm, rồi bây giờ lại làm Chủ tịch của cả đất nước. Thế mà không quên những món ăn quê nghèo, thú quê như thế là rất tốt. Chị mang vịt ra cho em ăn để xem em có nhớ đến những chuyện

xưa ở nhà ta không, còn giữ được cốt cách như ông bà cha mẹ mong muốn không? Chị rất vui vì đã bao nhiêu năm nhưng con người em không hề thay đổi.

Sau bữa cơm trưa hội ngộ lịch sử hôm đó, bà Thanh ở chơi Hà Nội vài hôm với em rồi nặng nặc đòi về, giữ thế nào cũng không ở. Hà Nội thì bà đã biết từ những ngày đầu tham gia phong trào Đông Du, thời kỳ ra để liên lạc với các thân sĩ. Qua nhà văn Sơn Tùng, chúng tôi được biết thêm nhiều tư liệu về thân thế sự nghiệp của bà Thanh, một tấm gương tiết liệt của người phụ nữ yêu nước. Bà đã từng đi tù 9 năm vì tội tham gia phong trào Đông Du của Phan Bội Châu. Ông Sơn Tùng đã có nhiều dịp gặp bà và được nghe bà kể những chuyện về thời thơ ấu của Bác, và câu chuyện về bữa cơm thịt vịt năm xưa. Bà Thanh sinh năm 1884 (tuổi Giáp Thân) tuy từ bé không đến trường nhưng bà được học chữ Nho qua mẹ và bà ngoại. Hai bên nội ngoại của gia đình Bác đều là những dòng khoa bảng lớn. Lúc còn nhỏ, bà hay ở với bà ngoại để trông nom mỗi khi cha (cùng với mẹ và hai em) ra Huế dự thi. Năm đầu tiên của thế kỷ 20 (Tân Sửu - 1901) gia đình Bác có một đại họa: Bà Hoàng Thị Loan - mẹ Hồ Chủ tịch mất - tuy nhiên, cũng trong năm đó đã có một tin vui đến với gia đình: ông Nguyễn Sinh Sắc đỗ phó bảng, đỗ cùng khoa với các cụ Phan Chu Trinh, Ngô Đức Kế... Trong những lúc ông Nguyễn Sinh Sắc làm quan phải xa nhà, bà Thanh và hai em thường tá túc ở nhà bà ngoại. Có lần trong một buổi giỗ, bà ngoại cho hai anh em Nguyễn Sinh Cung mỗi người một chiếc chân vịt (lúc này họ chừng 11-12 tuổi). Lát sau bà ngoại thấy hai anh em

đương giăng co xô đẩy nhau chiếc chân vịt, va vào chồng bát đĩa làm đổ bể. Bà ngoại hỏi tại sao thì được biết lý do bởi cậu Cung đòi đổi lấy cái chân vịt của ông anh vì nom nó có vẻ to hơn; bà lấy cây roi ra rồi nói:

- Hai cháu còn nhỏ mà đã tranh nhau vì miếng ăn, sau này lớn lên chắc sẽ còn giành nhau vì tham lam? Nếu không thay đổi tính, sau này lớn lên có giúp ích gì được cho người nghèo không? Bây giờ bà phạt mỗi cháu 10 roi, nhưng bà chỉ đánh 5 roi còn cho chịu 5 roi.

Sau khi phạt người anh, đến lượt mình, cậu Nguyễn Sinh Cung nói:

- Cháu là em, bé hơn, nên lẽ ra không phải phạt.

Bà ngoại nghe vậy bảo:

- Cháu là em, ít tuổi hơn, mà đòi tranh của anh đáng ra phải phạt nặng. Nhưng vì cháu còn bé, bà chỉ đánh 3 roi còn cho chịu 7 roi.

Cuộc gặp gỡ năm 1945 là lần gặp cuối cùng của Bác với người chị ruột của mình. Năm 1954, bà Thanh mất khi Hồ Chủ tịch đang công tác tại Liễu Châu (Trung Quốc). Sau chuyến công du trở về nước, Người mới biết tin qua báo cáo của các đồng chí ở Trung ương thì đã muộn. Hồ Chủ tịch rất đau lòng vì đã không thể về chịu tang chị mình và thậm chí không gửi kịp cả bức điện chia buồn. Mãi cho đến năm 1957, Bác mới có dịp về thăm quê và thắp hương cho những người ruột thịt của mình.

N.T.V

NĂM TẾT “KIẾN QUỐC”

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Tết năm 1946 (Bính Tuất) - một Tết đặc biệt trong lịch sử dân tộc, Tết đầu tiên giành được tự do, độc lập cho đất nước sau gần 100 năm đô hộ của thực dân. Và đây cũng là Tết đầu tiên Bác Hồ và Trung ương Đảng về đón năm mới tại Hà Nội trong một không khí dầu sôi lửa bỏng, thù trong giặc ngoài, nhà nước công nông trẻ tuổi đang đứng trước thách thức nghìn cân treo sợi tóc. Tối 30 Tết, gần giao thừa, theo như lời đồng chí Vũ Kỳ sau này kể lại, Hồ Chủ tịch cùng thư ký, hai bác cháu xuống đường hòa vào trong dòng người đi dạo trên phố như những du khách bình thường của Hà Nội để đón chào xuân. Theo mong muốn của Chủ tịch, hai bác cháu rẽ vào một ngõ hẻm nhỏ phố Hàng Khoai để thăm và chúc Tết một gia đình nghèo của thành phố. Họ đã tìm vào một căn nhà nhỏ, đồ đạc sơ sài, tiện nghi nghèo nàn và ông chủ thì vẫn đang thiêm thiếp trên giường có vẻ không biết năm mới sắp sang. Rõ ràng đây là một hộ nghèo điển hình của thành phố mà Bác muốn gặp trong dịp Tết độc lập đầu tiên. Đồng chí Vũ Kỳ sau này nhớ lại: Đó là một phu kéo xe sống độc thân, anh ta vừa kéo xong những cuộc xe cuối cùng trong năm và đương nằm nghỉ, hình như đang bị sốt. Trong ánh sáng chập choạng của đêm 30, anh ta vô cùng sửng sốt ngạc nhiên khi thấy có hai người khách lạ, một già, một trẻ đến thăm và

chúc Tết mình trong giờ phút năm cùng tháng tận đó. Có lẽ, anh ta cũng không biết đó chính là vị Chủ tịch nước đầu tiên của đất nước sau hơn một thế kỷ bị ngoại quốc đô hộ. Sau phút vào thăm anh phu kéo xe, hai bác cháu lại tiếp tục đi đón xuân và về Phủ Chủ tịch để chúc Tết các cán bộ và đồng bào cả nước - gương mặt Bác trầm tư.

Ngày hôm sau, mừng một Tết, Bác Hồ gửi thư chúc Tết chiến sĩ và đồng bào trong cả nước có những dòng sau:

Hỡi đồng bào toàn quốc,

Hôm nay là mừng một Tết, ngày Tết đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tôi thay mặt Chính phủ chúc đồng bào năm mới muôn sự tốt lành. Tôi riêng chúc các chiến sĩ ngoài mặt trận và các gia quyến chiến sĩ ở chốn hậu phương năm mới vui vẻ. Năm mới, đồng bào ta sẽ phấn đấu cho một đời sống mới, ai cũng góp lực lượng vào cuộc kháng chiến lâu dài để làm cho nước ta hoàn toàn tự do, độc lập. Năm mới, đồng bào ta đoàn kết chặt chẽ, đấu tranh càng mạnh, sản xuất càng nhiều.

Chúc đồng bào:

Trong năm Bính Tuất mới,

Muôn việc đều tiến tới

Kiến quốc mau thắng lợi

Việc Nam Độc lập muôn năm!

Thư chúc Tết của Bác thấm đậm tinh thần cách mạng cháy bỏng và quan tâm sâu sắc đến đời sống của đồng bào nhân dân. Bác viết bức thư này trong lúc nhiệm vụ “kiến quốc” xây dựng Nhà nước cộng hòa trẻ tuổi trước muôn vàn khó khăn, đánh giặc ngoại

xâm nhưng không tách rời việc nâng cao đời sống cho nhân dân “để ai cũng có cơm ăn, áo mặc” - khát vọng lớn lao của Bác.

Kể từ cái “Tết kiến quốc”, đêm giao thừa độc lập đầu tiên của đất nước đến nay đã 60 năm trôi qua, chúng ta đã trải qua hai cuộc kháng chiến vĩ đại và công cuộc đổi mới 20 năm. Con thuyền cách mạng Việt Nam tuy còn nhiều ghềnh thác phía trước, nhưng rõ ràng giành được nhiều thắng lợi: kết thúc năm 2005 tăng trưởng kinh tế đạt mức 8,4%, tổng giá trị xuất khẩu tăng 20%, đặc biệt lĩnh vực hàng nông sản, xuất khẩu hơn 5 triệu tấn gạo, các mặt hàng khác như cà phê, ca cao, cá, tôm... đã có thương hiệu trên thế giới. Việt Nam đang vững vàng và sẵn sàng gia nhập WTO. Dự đoán Việt Nam sẽ có mức độ tăng trưởng kinh tế cao nhất ASEAN. Chúng ta đã có hơn 8 triệu người được hưởng chính sách ưu đãi có mức sống cao hơn mức trung bình ở các cộng đồng dân cư, đã sửa chữa và làm mới 315 nghìn ngôi nhà đại đoàn kết cho người nghèo, đã có 14 tỉnh, 226 huyện, 4.013 xã, phường, thị trấn được cấp bằng công nhận xóa song nhà dột nát cho người nghèo... Theo một báo cáo năm 2005 của Liên Hiệp quốc, Việt Nam cũng là đất nước có thành tích phát triển con người nằm trong nhóm ấn tượng nhất. Xuân Bính Tuất này Bác đã đi xa, nhưng những khát vọng “kiến quốc” của Người đã và đang được chúng ta thực hiện.

N.T.V
Hà Nội, tháng 12 - 2005

ĐI TÌM NHỮNG NGƯỜI ĐƯỢC BÁC HỒ ĐẶT TÊN

NGUYỄN THIÊN VIỆT

Qua nhiều năm công phu tìm tòi, tác giả cuốn sách “*Những người được Bác Hồ đặt tên*” - Ông Trần Dương cho biết, đã tìm được một số tên mà trong suốt cuộc đời hoạt động vì dân, vì nước của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đặt tên cho các bạn, những vị tướng, các nhà khoa học, những chiến sĩ cận vệ, thư ký, các cháu nhi đồng và một số bạn bè quốc tế... Những ai được Bác đặt tên thì coi đó là vinh dự lớn và mãi mãi mang cái tên đó suốt đời.

Qua cuốn sách, chúng ta biết một số người đã được Bác đặt tên mới như kỹ sư Phạm Quang Lễ được Bác đặt là Trần Đại Nghĩa, bà Nông Thị Trưng tên thật là Nông Thị Bằng (sau là Chánh án tỉnh Cao Bằng), đồng chí Nguyễn Vịnh được Bác đặt là Nguyễn Chí Thành, sau vì trùng tên với một anh em khác nên anh Vịnh xin Bác được đổi là Nguyễn Chí Thanh. Đồng chí Trường Chinh do tính rất cẩn thận nên được bác đặt là anh Thận (bí danh của đồng chí Trường Chinh sau này). Tướng Phùng Hữu Tài (sau đổi lại là Phùng Thế Tài). Một số người nước ngoài là bạn bè, anh em kết nghĩa cũng được Bác đặt tên như Ba-bét (Người Pháp), Việt Dũng (người Trung Quốc), Nguyễn Dân (người Áo, tên thật là Ernest Frey), Đức Nhân (người Đức, tên thật là Schroder), Nguyễn Văn Lập (người Hy Lạp, tên thật là Kotas Sarantidis), Chiến Sĩ (người

Đức, tên thật là Erwin Borscher)... Một số trong họ, sau này là sĩ quan cao cấp trong quân đội ta: Nguyễn Dân là đại tá, Chiến Sĩ là trung tá.

Đặc biệt, một nhóm những cán bộ, chiến sĩ có dịp được sống và làm việc lâu năm cạnh Bác trong suốt thời gian kháng chiến chống Pháp và được Bác đặt tên thành những cụm tên để nói lên ý chí, tư tưởng quyết tâm của toàn Đảng, toàn dân. Đó là nhóm 8 người được Bác đặt tên mới: Trường, Kỳ, Kháng, Chiến, Nhất, Định, Thắng, Lợi và nhóm 4 người: Cần, Kiệm, Liêm, Chính.

Sau khi cuốn sách ra đời, tác giả Trần Dương có cho rằng, còn nhiều địa danh, những tên tuổi khác cũng được Bác đặt tên mà chúng ta chưa biết hết, vì Chủ tịch Hồ Chí Minh đã đi qua nhiều nơi, sống ở nhiều đất nước trong suốt cuộc đời vì dân vì nước của mình.

Người viết những dòng này có một người bạn mà ông cụ thân sinh, cụ Trương Công Cân đã về phục vụ ở bộ phận hậu cần trong Văn phòng Bác từ năm 1947 và làm việc lâu năm tại đây. Cũng theo người bạn cho biết, tên thật cụ Cân là Trương Công Lạng, quê gốc ở Nghệ An, tham gia cách mạng từ năm 1945, thời thanh niên, cụ thường gánh hàng tạ gạo mua ở Thái Nguyên, đi bộ hàng trăm cây số lên chiến khu, mỗi bữa, cụ ăn hết một cân gạo nên được Bác và anh em quý mến gọi là Cân. Sau này, ở trong hồ sơ cũng như ở trong cơ quan, ông mang tên vĩnh viễn là Cân, còn tên Lạng, chỉ những người ruột thịt, bạn bè thân cận mới biết. Ông Trương Công Cân khi còn sống, nhiều lần cho biết: thời kỳ ông được phục vụ Bác, đã có một

nhóm cán bộ, chiến sĩ vinh dự được Người đặt tên là nhóm: Thu, Chi, Cân, Đối mà ông Cân là một thành viên. Người viết những dòng này có trao đổi ý kiến trên với những cán bộ đã có thời gian thân cận và ở gần Bác lâu năm như đồng chí Vũ Kỳ, Tạ Quang Chiển, Việt Phương, thì đều nhận được câu trả lời là không biết về sự tồn tại của nhóm này. Phải chăng, thông tin sai lệch hay thực tế đã tồn tại một nhóm: Thu, Chi, Cân, Đối bên cạnh nhóm: Trường, Kỳ, Kháng, Chiển, Nhất, Định, Thắng, Lợi nhưng qua thăng trầm của lịch sử, bị lãng quên? Cụ Trương Công Cân, người phụ trách việc làm đồ mộc, làm lán cho Bác ở chiến khu thì đã qua đời cách đây 2 năm. Theo lời mách của những cụ đã được ở gần Bác từ ngày đầu kháng chiến, tôi tìm đến cụ Đinh Công Quyền, năm nay ngoài 80 tuổi, một trong những lái xe đầu tiên trong nhóm lái xe của Bác. Cụ Quyền cho biết, vào năm đầu kháng chiến 1947, ở trên chiến khu đúng là có các chiến sĩ phục vụ Bác mang tên: Thu, Chi, Cân, Đối nhưng đó có phải là nhóm do Bác chủ định đặt tên hay không thì cụ không rõ. Theo chỉ dẫn của cụ Quyền, tôi đến tìm ông Thu. Tên thật của ông Thu là Trần Dương, sinh năm 1928, người Kiến Xương (Thái Bình), tham gia cách mạng từ năm 17 tuổi, cướp chính quyền ở Hà Nội, trở thành chiến sĩ bảo vệ Bắc Bộ Phủ, chiến đấu trong Trung đoàn Thủ đô và sau đó cùng đơn vị rút lên chiến khu. Năm 1947, đồng chí Thu được điều về công tác ở bộ phận Văn phòng Bác, làm công tác văn thư, thu thập tin tức, đánh máy. Tên Thu của ông là do Bác đặt vào năm 1947 và ông vẫn mang tên đó cho đến tận bây

giờ. Ông chính là thành viên của nhóm Thu, Chi, Cân, Đối.

Theo ông Thu thì ông Chi lúc đó làm cần vụ cho Bác, hiện không rõ ở đâu và hai đồng chí mang tên Đối. Một là Đối trung đội trưởng bảo vệ và hai là ông Đối chặn ngựa cho Bác. Về ông Đối chặn ngựa cho Bác, vốn là người ở Sơn Dương, cảm tình với cách mạng, được giới thiệu đến phục vụ, sau hoà bình ở lại chiến khu nên không ai rõ tung tích. Còn ông Đối trung đội trưởng bảo vệ thì vẫn sống ở đâu đó trong Hà Nội. Ông Thu không nhớ ai là người được Bác đặt tên, Đối bảo vệ hay Đối chặn ngựa? Tìm được ông Đối bảo vệ không phải là điều đơn giản, nhiều năm tháng đã trôi qua. Người này chỉ người nọ, cụ này thì đã mất, cụ kia chuyển đi đâu không ai rõ, người già như chiếc lá trên cành. Cuối cùng, qua chỉ dẫn của ông Lập, cựu đại tá cảnh vệ, tôi đã tìm được gia đình ông Đối tại một phố nhỏ Hà Nội. Một ông già nhỏ bé, tóc bạc, da mồi, nói năng ngắt quãng... Chắp nối từng mẩu chuyện đứt quãng của ông, tôi được biết, ông vốn là chiến sĩ quân đội, do thành tích chiến đấu anh dũng, khoảng những năm 1947, 1948 được trên điều động về làm trung đội trưởng bảo vệ Bác. Ông chính là một trong những được người được vinh dự bảo vệ Đại hội Đảng năm 1951 tại chiến khu. Chỉ có điều, tên thật của ông cũng là Đối và người chặn ngựa cho Bác mang tên Đối cũng là tên thật chứ không phải do Bác đặt.

Câu chuyện này xin được kết thúc như sau: theo ông Dương Trọng Thu, vào cuối năm 1949, trong một dịp tổng kết liên hoan cuối năm, khi nói về công tác

thực hành tiết kiệm, Bác hóm hỉnh nói: “ở đây có chú Thu, chú Chi, chú Cân, chú Đối, đó chính là mục tiêu mà Bác đang muốn đề ra: “Thu chi cân đối” đấy.

Như vậy, có thể khẳng định rằng, vào những năm đầu kháng chiến, ở cạnh Bác có một nhóm chiến sĩ, cán bộ mang tên Thu, Chi, Cân, Đối. Hai trong số họ là do Bác đặt, còn hai người mang tên sẵn. Bác ghép tên của 4 chiến sĩ lại thành một chỉ tiêu chiến lược quan trọng cho toàn Đảng, toàn dân lúc bấy giờ: Thu - chi - cân - đối.

Ngày hôm nay, dù bao năm đã trôi qua, mục tiêu chiến lược “Thu chi cân đối” vẫn còn đó, đầy sức sống, tồn tại như một mục đích, khẩu hiệu của toàn Đảng, toàn dân ta mà Bác kính yêu đã đề ra.

N.T.V

MỪNG SINH NHẬT BÁC SAU CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN

NGUYỄN THIÊN VIỆT

(Ghi theo lời kể của ông HOÀNG ĐĂNG VINH,
nguyên chiến sĩ Sư đoàn 312, trung đoàn 209,
tiểu đoàn 130, đại đội 306, người bắt sống
Tướng Pháp DE CASTRIE)

Sau chiến thắng Điện Biên Phủ ít ngày, một lần tôi bất ngờ được cấp trên triệu tập. Đến họp mới hay Bộ chỉ huy chiến dịch quyết định cử 5 chiến sĩ tiêu biểu có công nhất trong chiến dịch về báo cáo thành tích với Bác và dự lễ sinh nhật của Người. Đó là tôi (Hoàng Đăng Vinh), anh Bạch Ngọc Giáp - pháo binh bắn quả pháo đầu tiên vào Him Lam và ba chiến sĩ nữa. Từ Điện Biên Phủ, chúng tôi đi bằng xe Jep - chiến lợi phẩm thu được của quân Pháp trong chiến dịch, về ATK ở Tuyên Quang.

Chúng tôi đi mất 5 ngày, vì đường sá lúc đó rất khó khăn, cách trở, chưa thông suốt như ngày nay. Đây là lần đầu tiên trong đời tôi được ngồi trên xe Jep. Quả là một hạnh phúc lớn lao. Trước cách mạng, nhà tôi rất nghèo khổ, bản thân chỉ được học hết lớp 1. Bố tôi rất mong muốn cho tôi đi học, nhưng mơ ước đó của ông đã không thể thực hiện được.

Đi cùng xe hôm đó có trung đoàn trưởng 209 của tôi là đồng chí Hoàng Cầm. Đến Tuyên Quang, các đồng chí Tổng cục Chính trị ra đón. Mọi người được mời vào trong nhà khách, rửa mặt trong những chậu men hoa

với khăn mặt trắng tinh thơm tho. Thú thực, lúc ấy tôi hơi hoảng, vì trong quân đội, do chiến tranh, chúng tôi chỉ tắm rửa ở ao hồ, sông suối chứ đâu có chậu men hoa và khăn mặt bông. Sau đó là bữa ăn điểm tâm, có bánh mì với sữa. Lại một vấn đề: ăn như thế nào đây? Sau tôi cứ nhìn anh Hoàng Cầm để bắt chước. Anh ăn thế nào, tôi theo thế. Rồi 5 anh em được phát quần áo mới, cắt tóc và nghỉ, chờ đến ngày 19-5. Trong khi chờ đợi, chúng tôi rèn luyện cách báo cáo, nói năng cho chững chạc, vì dự lễ sinh nhật Bác còn có nhiều đồng chí cán bộ cao cấp trong Trung ương Đảng và nhiều khách quốc tế. Mỗi chúng tôi kiểm tra kỹ lưỡng các bản báo cáo của nhau, sao cho lời lẽ lưu loát, trang trọng.

Sáng 19-5-1954, chúng tôi được đưa tới gặp Bác và Trung ương Đảng.

Đi qua một cánh rừng nhỏ, từ đằng xa, chúng tôi đã thấy Bác kính yêu và các vị trong Trung ương đang đứng chờ. Thấy thế, chúng tôi vội chạy ào theo con đường tắt, qua bãi cỏ đến thẳng chỗ Bác đứng chờ, nhưng Người vẫy tay nói:

- Không được, các chú phải đứng đường mà đi.

Máy quay phim chụp ảnh nhay nháy. Phút đầu gặp Bác, chúng tôi thấy run quá. Người là một vị Chủ tịch nước, là người lãnh đạo toàn dân, toàn quân, bao nhiêu điều đã được chuẩn bị trước, nay đi đâu hết, lười cứ lú l lại, tay chân lóng ngóng, cuống quýt. Bác liền giơ tay, mỉm cười nói:

- Các chiến sĩ hãy ngồi lại đây với Bác. Yên tâm. Các chú định báo cáo những gì nào?

Nụ cười hiền từ của Bác làm chúng tôi trấn tĩnh lại. Đồng chí Bạch Ngọc Giáp giơ tay chào, nói:

- Thưa Bác và Trung ương Đảng, chúng cháu đã hoàn thành nhiệm vụ.

Bác khen ngợi và hỏi chuyện đời sống, chiến đấu ở Điện Biên Phủ. Lúc đó, các nhà quay phim bắt đầu làm việc liên tục. Mặt các chiến sĩ đăm chiêu, mất hết vẻ tự nhiên vì bị ức chế. Chưa bao giờ trong đời được quay phim trong hoàn cảnh đặc biệt thế này. Bác liên bảo:

- Chú nào cười tươi Bác sẽ lấy vợ cho.

Một vài chiến sĩ nhếch mép. Bác trêu:

- Chú nào cười to, Bác lấy cho vợ đẹp, chú nào cười bé, Bác lấy cho vợ xấu.

Các đồng chí trong Trung ương Đảng cười ồ. Chúng tôi cũng cười theo và từ lúc đó, mọi băn khoăn ngượng ngịu bay đâu hết. Chiến sĩ quăn quýt bên Bác như cha với con. Lát sau, Bác chia tay chúng tôi và theo kế hoạch đã định trước, chúng tôi được đưa đi nói chuyện với cán bộ trong ATK về chiến thắng huy hoàng, oanh liệt ở Điện Biên Phủ. Buổi tối hôm đó, Trung ương Đảng tổ chức buổi lễ sinh nhật Bác. Tham gia còn có các vị khách quốc tế. Sau diễn văn khai mạc, mọi người sắp vào bàn, bỗng Bác gọi: “Chú Vinh bắt De Castrie đâu?”. Mọi người đẩy tôi lên. Bác chỉ chỗ cho tôi ngồi bên cạnh. Trong bàn có vài vị khách quốc tế. Tôi lúng túng, im lặng, rụt rè ngồi xuống, không biết phải làm gì. Hai tay như thừa ra. Bác khẽ nhắc:

- Chú Vinh chào đi chứ.

Bác giới thiệu tôi với khách nước ngoài. Mọi người nhìn tôi, mỉm cười gật đầu chào.

Bữa ăn bắt đầu. Bác vừa tiếp vừa nói chuyện và gấp cho tôi. Người hỏi tôi về cuộc sống gia đình và hỏi có đủ ăn không. Tôi nói:

- Thưa Bác, nhà cháu đói lắm ạ.

Người lặng đi mấy giây rồi nói:

- Đất nước ta rồi sẽ độc lập, chắc chắn dân ta sẽ đủ ăn.

Bác hỏi lại:

- Chú Vinh học lớp mấy?

Tôi nói:

- Thưa Bác, cháu mới biết đọc, biết viết.

Bác dặn tôi phải tranh thủ học tập thật nhiều, nâng cao trình độ văn hoá. Có học mới phục vụ được nhân dân, phục vụ cách mạng.

Bữa cơm rất ngon, mới đầu bác cứ gấp cho tôi, sau thấy chẳng lẽ cứ để Bác gấp cho mãi, tôi bèn tự gấp cho mình. Một lúc, no bụng tôi đặt đũa xuống. Nhìn trong nồi cơm vẫn còn một tí cháy dính nồi. Bác nhắc phải ăn hết, đừng bỏ phí. Tôi liền vét hết chỗ còn lại cho vào bát. Bác thấy vậy, gấp thêm một miếng thức ăn cho tôi. Lát sau, Bác nhắc:

- Chú Vinh xin phép đi.

Tôi đứng dậy xin phép Bác và chào tạm biệt các vị khách quốc tế.

Gần 50 năm đã trôi qua, nhưng kỷ niệm về lần gặp Bác vẫn còn nguyên trong trí nhớ của tôi. Bác đã dạy dỗ, chỉ bảo cho tôi từng ly từng tí, như một người cha chăm chút đứa con nhỏ tuổi. Vinh dự đó, suốt đời tôi ghi nhớ mãi.

N.T.V

CHÚ LÀ HIẾU MÀ LÍNH CỦA CHÚ ÍT HIẾU

VIỆT HỒNG

Tháng 7 năm 1954, Hiệp định Giơnevơ được ký kết. Chúng tôi đang chuẩn bị cho trung đoàn học tập Nghị quyết của Trung ương thì được báo Bác đi công tác qua, rẽ vào thăm đơn vị.

Bác buộc ngựa vào thân cây đầu doanh trại, bước nhanh vào “lán” của chúng tôi. Trục ban chưa kịp đánh kèn tập trung đơn vị, cán bộ chiến sĩ đã ùa ra vây quanh Bác. Những tiếng hô “Hồ Chí Minh muôn năm, muôn năm” vang dậy cả khu rừng.

Tôi là trung đoàn trưởng vội chỉnh đốn trang phục, chạy ra dẫn anh em, định mời Bác vào nhà khách. Bác ra hiệu không cần thiết, bảo anh em ngồi xuống để Bác bắt đầu nói chuyện.

Bác phân tích tình hình kháng chiến của ta, tình hình thế giới, tình hình ký Hiệp định Giơnevơ và việc thi hành hiệp định. Tuy là những vấn đề “hóc búa” nhưng Bác diễn tả cụ thể rõ ràng, “lính ta” cứ gật gù đồng tình, tỏ vẻ nhận thức được. Tôi đứng cách Bác mấy bước, thấy vậy cũng khấp khởi mừng thầm trong bụng.

Nói xong Bác hỏi:

- Có cháu nào thắc mắc gì nữa không?
- Thôi ạ, thôi ạ!

Tôi nghĩ “thôi ạ” nhiều quá thế này, ông cụ lại chất vấn cho một câu, anh nào mà “bĩ” thì chết...

Đúng lúc ấy, một chiến sĩ đứng lên, Bác khuyến khích:

- Cháu cứ nói đi.

Anh lính bỏ mũ nan lợp lá cọ, cầm tay xoay xoay vành áp a áp ứng:

- Thưa! Dạ thưa Bác! Khi Bác nói chuyện, Bác có kể về Sài Gòn. Cháu... cháu xin hỏi “Cái nước Sài Gòn” họ ở đâu ạ.

Tôi đứng chết lặng. Bác hơi thoáng buồn, Người tìm một cái que, rồi tiến ra một khoảng đất không có cỏ, Bác nói:

- Các cháu lại đây.

Bác vẽ bản đồ Việt Nam rồi chỉ dẫn:

- Đây là nước ta. Phía Bắc giáp..., phía Tây giáp... Thủ đô của chúng ta là Hà Nội, đây là Việt Bắc, Thái Nguyên ở đây, Thanh Hoá đây, Huế đây, Sài Gòn đây. Vậy Sài Gòn là của nước ta hay là của nước nào?

Bác đưa mắt hỏi lại đồng chí đã thắc mắc. Tiếng trả lời ồn ào hân lên.

- Dạ, thưa Bác, Sài Gòn là của nước ta ạ.

Bác gật đầu. Bác bảo anh em về tiếp tục học tập để Bác còn đi công tác.

Chúng tôi tiễn chân Bác xuống đồi. Tôi dắt ngựa đi theo Bác. Bác hỏi:

- Chú nào là cán bộ phụ trách ở đây?

Tôi khẽ thưa:

- Dạ, cháu ạ.

- Chú tên là gì?

- Dạ tên cháu là Hiếu ạ.

Bác dừng chân, nhìn thẳng vào mắt tôi nói:

- Tên chú là Hiếu mà lính của chú ít hiểu biết quá... Có bao nhiêu cháu chưa biết chữ?

- Dạ, có đến vài chục người.

Bác nói:

- Chú mở lớp bình dân, dạy các chiến sĩ, một tháng rưỡi sau Bác sẽ trở lại kiểm tra.

Câu nói và cái nhìn của Bác năm ấy cho đến bây giờ không sao tôi quên được và tôi cứ hồi hận mãi với Bác. Chúng tôi thật có lỗi với Người.

V.H

CÁCH SỬ DỤNG TIỀN BẠC CỦA BÁC HỒ

VĂN TIÊN

Bác sống rất giản dị, thanh bạch, ăn uống chi tiêu bao giờ cũng rất tiết kiệm, chúng tôi được ở gần Bác không thấy Bác để lãng phí một thứ gì.

Có đôi tất rách đã vá đi vá lại mấy lần thế mà Bác không bỏ, cũng không dùng tất mới. Bác nói: “Cái gì dùng được nên dùng, bỏ đi không nên...”. Có một cái tất bị rách chưa kịp vá, chúng tôi đưa đôi tất mới để Bác dùng, nhưng Bác vẫn không đồng ý, Bác xoay chỗ rách vào bên trong rồi cười xí xoá:

- Đấy! Có trông thấy rách nữa đâu?

Có quả chuối hơi nẫu, chúng tôi ngại không ăn. Bác bảo lấy dao gọt phần nẫu đi, Bác nói:

- Ở chiến khu có được quả chuối là quý lắm!

Lời nói và việc làm của Bác làm chúng tôi thật xúc động. Một vị lãnh tụ tối cao thế mà cuộc sống giản dị như những người dân lao động vậy!

Suốt thời gian hoạt động ở nước ngoài, Bác gặp rất nhiều khó khăn. Để sinh sống và hoạt động, Bác phải tự lao động kiếm tiền, được đồng nào Bác đều dành cho công tác cách mạng. Bác chi tiêu rất dè sẻn, cân nhắc từng xu. Liên hoan, thết đãi khách cũng hết sức đơn giản, Bác nói: “Chủ yếu là thật lòng với nhau”. Chúng tôi nhớ lại: Hồi ở chiến khu Việt Bắc, mừng

ngày thành lập Đảng, Bác đồng ý cho liên hoan nhưng cũng chỉ có bát cơm, món xào, tô canh, đĩa cá. Chiêu đãi đồng chí Lý Bội Quân, người Trung Quốc đã giúp Bác mua chiếc máy chữ từ Hải Phòng mang về, Bác cũng chỉ “khao” một món canh và hai đĩa thức ăn, có thêm chén rượu gạo, tổng cộng chưa hết một đồng bạc, thế mà vẫn đậm đà tình cảm giữa chủ và khách.

Một lần khác, khi còn ở trong nhà tù của Tưởng Giới Thạch, nghe tin Hồng quân Liên Xô bắt sống 33 vạn quân Hít-le ở Xta-lin-grát, Bác vui quá muốn tổ chức ăn mừng, Bác đã “nhờ người lính gác mua giùm một ít kẹo và dầu chả quẩy sau khi phấn khởi hô mấy câu khẩu hiệu “Hoan nghênh thắng lợi của Hồng quân Liên Xô”, Bác cùng với mấy bạn tù ngồi chén tạc, chén thù rất đàng hoàng vui vẻ...”

Năm Bác về Nghệ An, khi ăn cơm chung với các đồng chí Nguyễn Sỹ Quế, Nguyễn Chí Thanh, Hoàng Văn Diệm, tự tay Bác để bớt ra ngoài mâm mấy món ăn rồi nói: “Ăn hết lấy thêm, không ăn hết để người khác ăn, đừng để người khác ăn thừa của mình”.

Có thể dẫn ra nhiều nữa những ví dụ về cách chi tiêu, sử dụng tiền bạc, ăn uống, chắt chiu, tần tiện, những vẫn rộng rãi của Bác.

Lối sống giản dị, trong sáng, tiết kiệm và cách ứng xử với tiền bạc, với cái ăn, cái mặc của Bác là tấm gương mẫu mực sáng ngời, cho chúng ta học tập và noi theo.

V.T

NƯỚC NÓNG, NƯỚC NGUỘI

VĂN VŨ

Buổi đầu kháng chiến chống Pháp, có một đồng chí cán bộ cấp trung đoàn thường hay quát mắng, khi quá nóng còn bộp tai chiến sỹ. Đồng chí này đã từng làm giao thông, bảo vệ Bác đi ra nước ngoài trước Cách mạng tháng Tám. Được tin nhân dân “dư luận” về đồng chí này, Bác cho gọi lên Việt Bắc. Bác dặn trạm đón tiếp ATK (An toàn khu), dù có đến sớm, cũng phải giữa trưa mới cho đồng chí ấy vào gặp Bác. Trời mùa hè nắng chang chang, “đồng chí trung đoàn” vã mồ hôi, người như bốc lửa. Đi bộ đến nơi đúng giờ Ngọ, Bác đã chờ sẵn. Trên bàn đã đặt hai cốc nước, một cốc nước sôi có ý chừng như vừa rót, bốc hơi nghi ngút, còn cốc kia là nước lạnh.

Sau khi chào hỏi xong, Bác chỉ vào cốc nước nóng và nói:

- Chú uống đi.

Đồng chí cán bộ kêu lên:

- Trời! Nắng thế này mà Bác lại cho nước nóng, làm sao cháu uống được.

Bác mỉm cười:

- À ra thế. Thế chú thích uống nước nguội mát không?

- Dạ, có ạ.

Bác nghiêm nét mặt nói:

- Nước nóng, cả chú và tôi đều không uống được. Khi chú nóng, cả chiến sỹ của chú và cả tôi cũng không tiếp thu được. Hoà nhã, điềm đạm cũng như cốc nước nguội dễ uống, dễ tiếp thu hơn.

Hiểu ý Bác dạy, đồng chí cán bộ nhận lỗi, hứa sẽ sửa chữa...

V.V

BÁC HỒ RÈN LUYỆN THÂN THỂ

VĂN ANH

Trong lời kêu gọi “Toàn dân tập thể dục” Bác Hồ viết: “Tự tôi ngày nào cũng tập”. Lời nói và tấm gương mẫu mực về rèn luyện thân thể của Bác đã làm cho hàng triệu người thế hệ này qua thế hệ khác xúc động và phấn đấu noi theo.

Thể dục thể thao là một lĩnh vực khoa học, không có kiến thức khoa học về thể dục thể thao thì không thể có niềm tin vào sức khoẻ của con người, cũng không thể xây dựng cho mình một nếp sống văn minh, khoa học. Bác Hồ đã đi qua nhiều nước ở châu Âu, châu Phi, châu Mỹ, châu Á, đã tiếp xúc với nhiều nền văn minh Đông - Tây. Ở đâu Người cũng để ý quan sát đời sống nhân dân. Những nét phong phú trong hoạt động thể thao thế giới có ảnh hưởng sâu sắc đến nhận thức và tình cảm của Người, cũng như lòng yêu nước nồng nàn và truyền thống thượng võ của dân tộc luôn luôn nung nấu lòng Người. Có thể khẳng định rằng, nếp sống văn minh, phương pháp giữ gìn và nâng cao sức khoẻ của Hồ Chủ tịch được hình thành từ thực tế đó.

Cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nói: “Đời sống vật chất giản dị hoà hợp với đời sống tâm hồn phong phú, với những tư tưởng, tình cảm, những giá trị tinh thần cao đẹp nhất, đó là đời sống thực sự văn minh mà Bác Hồ nêu gương sáng trong thế giới ngày nay”.

Hầu như trong hồi ký của các đồng chí có may mắn được sống cùng Người, ít nhiều đều nói đến việc Bác Hồ

tập thể dục rèn luyện thân thể. Điều đó cho thấy việc tập luyện thể dục của Người trở thành một nếp sống, gây ấn tượng sâu sắc đến mọi người xung quanh.

Bác Hồ tập thể dục rất đều, ngày nào cũng tập, mưa cũng như nắng, hè cũng như đông. Một đồng chí cán bộ cảnh vệ lão thành cho biết: khi sống ở Liên Xô (cũ), mùa đông rất rét, có hôm xuống 30-35 độ âm, nhưng sáng nào Bác cũng tập thể dục. Bác tập đều đặn, thể dục và thái cực quyền, tập chạy.

Ngày Bác mới về nước, ở Pác Bó (Cao Bằng) vô cùng gian khổ. Hang Cốc Bó ở trên núi cao. Từ bờ suối trèo lên phải qua một quãng dốc khá dài. Cỏ cây rạp rạp vít chặt lối đi. Hễ mưa xuống là trơn lầy. Chỗ Bác ở chật chội, không khí trong hang ẩm thấp, nằm trong hang cảm thấy lạnh thấu xương. Những thanh niên nhìn cảnh đó thấy ngại. Thế mà Bác Hồ, tuổi đã nhiều, người lại gầy yếu, vẫn ung dung vui vẻ, không lúc nào tỏ ra mệt nhọc. Bác đi ngủ rất muộn, nhưng sáng lại dậy sớm. 5 giờ sáng khi sương trên núi chưa tan, Bác đã dậy, thu xếp đồ đạc rồi xuống bờ suối tập thể dục và cuốc đất làm vườn. Bác nói: “Mỗi người lúc ngủ dậy tập ít phút thể dục, ngày nào cũng tập thì khí huyết lưu thông, tinh thần đầy đủ”.

Bài tập thể dục của Bác không chỉ là những động tác thông thường, mà còn tập tạ, tập dây chun, dây vải, khí công, quyền thuật. Bác sống nhiều năm ở nước ngoài, nhưng Bác vẫn giữ được bản sắc đậm đà dân tộc của quê hương. Thiết tha với giọng hò Huế, ví dặm Nghệ An, với những câu Kiều đầy xúc động. Bác rất thích võ thuật và phương pháp dưỡng sinh của dân tộc ta.

Chúng tôi thật xúc động, ngày đầu Bác mới về ở Phủ Chủ tịch. Bác ở trong căn phòng nhỏ của người

thợ điện. Gian phòng không rộng, bày biện đơn sơ. Một chiếc giường một trải tấm chiếu đậu trắng. Trên tường không có tranh ảnh trang trí, mà chỉ có một bản vẽ hướng dẫn tập thái cực quyền. Bác rất thích tập quyền. Bác vừa hát vừa tập. Những đêm trăng, Bác với anh em cảnh vệ cùng tập. Nếu được nhìn Bác đứng những thế “*Thái sơn áp đỉnh*” hay “*Độc cước phi thân*” trong bài “*Bát lộ liên hoa quyền*” thì ta cảm giác Bác là một ông Tiên đang dạy võ, còn anh em cảnh vệ cùng theo tập là đồ đệ vậy.

Sống cùng cán bộ chiến sĩ, Bác thường tìm hiểu những thế mới, bài mới. Bác chú ý từng thế tấn, từng thế đỡ, gạt, mỗi động tác đều vận gân cốt và tập trung tinh thần. Vì vậy, Bác đi quyền rất sinh động.

Chúng tôi nhớ, tháng 12-1961, Bác đến thăm Trường Trung cấp thể dục thể thao Từ Sơn. Bác xem các võ sinh đồng diễn bài kiếm liên hoàn. Thấy một số cháu cầm kiếm không đúng, Bác đã sửa lại tư thế cầm kiếm cho các cháu. Bác nói: “Khi đánh kiếm, cánh tay phải vững mạnh, động tác phải nhanh. Lưỡi kiếm đưa đi, con mắt phải nhìn theo. Võ dân tộc của ta rất giàu tính chiến đấu”.

Một trong những hình thức tập thể dục hàng ngày của Bác là chạy, đi bộ, leo núi. Hồi ở ngoại thành Côn Minh (Trung Quốc) có những con mương, hai bên bờ trồng những cây thông. Chạy giữa các hàng thông, Bác đếm các gốc thông làm mốc. Từng ngày, Bác lại kéo dài thêm đường chạy. Lướt về Bác đi bộ kết hợp với tập thở sâu.

Một lần khác, Bác đi công tác ở vùng căn cứ Cao Bằng, đến huyện Phục Hoà thì trời tối, phải nghỉ lại đêm trong một lán bán hàng bên đường. Trời mùa đông về

đêm rất lạnh. Cả đoàn phải đốt lửa để ngủ. Sáng hôm sau, Bác dậy trước và đánh thức anh em dậy. Nhiều người còn đang run rẩy xuýt xoa vì trời lạnh. Thấy thế, Bác hỏi thân mật: “Các chú có biết làm thế nào để đỡ rét không?”. Mọi người nhìn nhau chưa ai nghĩ ra câu trả lời. Bác nói, “Bây giờ Bác cháu mình mặc quần áo cùng chạy thi. Như vậy vừa đỡ rét, vừa tranh thủ được đường đi”. Tất cả “ồ” lên vui vẻ làm theo. Trên đường, nhiều thanh niên trẻ khỏe mà cứ tụt dần, tụt dần, còn Bác tuy đã 60 tuổi nhưng vẫn luôn chạy dẫn đầu.

Ở chiến khu Việt Bắc, Bác đặt kế hoạch tập luyện cho đội cảnh vệ. Theo hướng dẫn của Bác, tuần đầu mỗi người mỗi sáng phải leo lên dốc một lần. Tuần thứ hai, thì leo hai lần để rèn sức dẻo dai. Nhiều hôm thấy chúng tôi mỗi chân, thở dốc, Bác động viên: “Chú còn trẻ phải cố gắng đi nhanh hơn Bác chứ” và Bác kể những chuyện dí dỏm cho chúng tôi nghe nên đỡ mệt, đi khỏe hơn và thấy đường như ngắn lại.

Cố Cục trưởng Cục Cảnh vệ Hoàng Hữu Kháng có lần kể lại. Lần Bác đi Tam Đảo, anh em cảnh vệ bàn nhau chọn đường bằng phẳng dễ đi để Bác đỡ mệt. Bác gạt đi, Bác nói: “Đi núi mà chú dẫn đi đường trống trải, thế không phải là núi nữa”. Bác bước lên trước, tự rẽ đường vào rừng. Đường dốc lại có nhiều đá lởm chởm có chỗ trơn nhầy, cứ trượt chân luôn. Chúng tôi đề nghị Bác nghỉ chân, nhưng Bác không đồng ý và cứ tiếp tục theo hướng đã định.

Do rèn luyện công phu, Bác có khả năng cỉ bộ từ ngày nọ qua ngày kia không mỏi. Đã có thời kỳ do bị cầm tù đầy ải ở Trung Quốc, Bác đã phải đi bộ gần 80 ngày từ nhà tù nọ đến nhà tù kia. Ăn uống thiếu thốn, khổ sở, lại bị hành hạ. Khi bọn chúng tha Bác và quần

thúc Bác ở Liễu Châu thì mắt Bác bị mờ, chân bị tê liệt. Để lấy lại sức khỏe, ngày nào Bác cũng dậy từ tinh mơ leo núi, tập thể dục, nhìn xa luyện mắt và bơi lội. Trăm ngày như một kể cả những ngày mùa đông giá rét. Nhờ thế mà sức khỏe của Bác bình phục. Chúng ta càng khâm phục ý chí kiên cường rèn luyện đôi chân của Bác và niềm tin sâu sắc của Bác vào tác dụng của hoạt động thể dục thể thao đối với việc phục hồi các cơ năng vận động của con người.

Bơi là môn thể thao Bác ưa thích. Thời kỳ ở Liễu Châu (Trung Quốc) mùa đông rất lạnh, không có ai xuống sông tắm, nhưng Bác vẫn tắm như thường. Một hôm Trương Phát Khuê, Tư lệnh đệ tứ chiến khu của Tưởng Giới Thạch đi ngựa dạo buổi sớm nhìn thấy, Trương lấy làm lạ và phải cảm phục. Hôm sau, Trương nói với Bác: “Việc làm của Hồ đại biểu đáng để cho sỹ quan binh lính chúng tôi học tập”. Trong hồi ký “Sống bên Bác” đồng chí Ngọc Châu (cán bộ cảnh vệ) có kể rằng: “Những lúc bơi lội, chúng tôi bơi quanh Bác để giúp Người đi qua dòng nước mạnh. Một lần, có cuộc hội nghị cán bộ quân sự bàn về chiến dịch lớn. Bác hứa đến dự. Nhưng trời mưa tầm tã, nước suối chảy mạnh ngập bờ. Đồng bào địa phương cũng không dám lội qua. Bác nói với anh em cảnh vệ: Bác hứa đến thì phải đến. Bác ra lệnh cho mọi người cởi quần áo buộc lên đầu, Bác cũng làm như vậy, rồi nắm chặt tay nhau bơi xuôi dòng nước. Đồng bào thấy vậy đều lắc đầu. Tin đó làm cho hội nghị và anh em bộ đội rất cảm động và phấn khởi”.

Trong bộ ảnh tư liệu về Bác Hồ của Bộ Tư lệnh Cảnh vệ, có một tấm hình Bác Hồ mặc áo may ô, quần đùi đang khom mình ở tư thế đón bóng. Đó là đội bóng của

Phủ Chủ tịch và của Chính phủ mà thành viên là Bác Hồ, các bộ trưởng, thứ trưởng và các chiến sĩ cảnh vệ. Chiều chiều Bác hay đánh bóng chuyền. Bác chơi bóng rất vui. Hôm nào có Bác thì sân bãi sôi nổi hẳn lên. Bác búng bóng và phát bóng chắc chắn. Nhưng tuổi già nên chỉ đỡ được những quả nhẹ ở phía trước. thỉnh thoảng đối phương bỏ giỏ bên trái hoặc sau lưng. Những lúc như thế Bác chỉ cười và kêu lên: “A, nó trúng “tử” rồi! Kháng, Chiến, Trường, Kì đâu lại bảo vệ “tử” mau”. Cả sân bóng mọi người cười vang, không khí thật vui vẻ.

Bất kỳ sống ở đâu, môi trường nào, Bác Hồ cũng rất sáng tạo, độc đáo và rèn luyện thân thể một cách khoa học. Chúng tôi thấy Bác có hai hòn đá cuội to bằng quả trứng vịt, trừ những lúc đánh máy, tiếp khách, nếu ngồi đọc báo, xem sách là hai tay Bác cầm hai hòn đá cuội tập nắm, luyện cho cứng đôi bàn tay. Đi công tác xa Bác cũng không quên mang nó để tập luyện. Những ngày ở căn cứ Việt Bắc, Bác Hồ làm bốn cái chày bằng gỗ, hai cái kích thước vừa, hai cái to. Sáng nào Bác cũng tập giờ bốn cái chày đó ở lán Khuổi Nặm dựng ngay bên suối bên dưới là dòng nước suối chảy qua. Sống như vậy nhưng Bác vẫn làm một cây đu treo, sau giờ làm việc, Bác lại leo đu cho chân tay khéo mạnh. Khi Bác về ở Phủ Chủ tịch, Bác trồng một cây râm bụt. Bác bảo anh em cảnh vệ hàng ngày tập nhảy qua ngọn cây đó, cây lên cao bao nhiêu Bác cháu tập nhảy bấy nhiêu.

Khi ngoài 70 xuân, tuổi tác càng cao, sức khỏe càng yếu, điều đó không có gì lạ. Nhưng Bác Hồ kiên trì và chủ động tìm mọi cách chống lại quá trình già sinh lý để duy trì sức khỏe. Bác bỏ hút thuốc lá, giữ chế độ tập luyện và sinh hoạt hàng ngày. Theo đề nghị của Bác, chúng tôi mua cho Bác 20 quả bóng quần vợt.

Bác cất trong ngăn kéo. Bác đặt sọt giấy vụn cách bàn làm việc chừng 5 mét. Mỗi lúc Bác viết mỗi, Bác ngừng lại lấy bóng ra đứng dậy và ném bóng vào sọt, ném tay trái rồi tay phải. Bác nói: “Tập như vậy để rèn luyện sự điều khiển của thần kinh và tính chính xác của đôi tay”. Hôm nào ném vào sọt nhiều, Bác vui lòng, hôm nào bóng ra ngoài nhiều, Bác có vẻ không vui. Nhìn thấy Bác tập, chúng tôi xúc động quá, muốn Bác vui lòng nên lên đưa sọt giấy đến gần. Bác phát hiện thấy không chịu, tự tay mình đem để lại chỗ cũ.

Những tháng, năm đồng bào miền Nam kháng chiến chống Mỹ ác liệt, Bác nêu ý định vào miền Nam để thăm đồng bào, đồng chí. Thấy tuổi Bác đã cao, sức khoẻ không còn như trước, Bộ Chính trị đề nghị để cố gắng lãnh đạo đánh Mỹ mau thắng lợi rồi mời Bác vào. Bác nói: “Tôi muốn vào là vào lúc này, chứ thắng rồi thì còn nói làm gì”. Lâu lâu Bác lại nhắc lại vấn đề và hỏi việc chuẩn bị đến đâu rồi. Các đồng chí đành phải báo cáo là đường đi rất khó khăn, vất vả, e Bác không đi được, Bác nói: “Nếu không có đường nào khác thì tổ chức cho tôi đi bộ. Các chú đi được thì tôi đi được. Đi mỗi ngày một ít chưa chắc tôi đã thua các chú đâu”. Trong những năm cuối, tuy yếu mệt nhưng Bác vẫn tập đi bộ và vẫn quyết rèn luyện để thực hiện “ý định vào miền Nam với đồng bào đồng chí”. Bác Hồ của chúng ta là thế đó.

Vĩnh biệt chúng ta. Bác để lại một di sản vô giá cho phong trào thể dục thể thao nước nhà. Tấm gương sáng ngời về ý chí rèn luyện của Bác là nguồn cổ vũ chúng ta ra sức rèn luyện thân thể để xây dựng Tổ quốc Việt Nam thân yêu.

V.A

BÁC HỒ GẶP LẠI ÂN NHÂN

NGUYỄN KIM CỘN

Tôi được vinh dự chụp ảnh gia đình luật sư Lôđơbai khi ông sang thăm Việt Nam vào ngày 26-1-1960 theo lời mời của Bác Hồ.

Gia đình luật sư có cụ ông, cụ bà và Patrixia - con gái cũng là luật sư.

Vụ án Nguyễn Ái Quốc gây chấn động thế giới năm 1931. Sau 20 tháng bị cầm tù, ốm yếu, Bác Hồ đã được luật sư Lôđơbai giải thoát khỏi nanh vuốt của thực dân Anh và Pháp, đến được Hạ Môn đúng vào ngày 30 Tết.

Nay Bác Hồ lại mời ân nhân sang thăm Việt Nam đúng vào dịp Tết.

Một sự trùng lặp đầy ý nghĩa. Sau mấy ngày thăm các bảo tàng và thắng cảnh Hà Nội, ngày 29-1-1960, đoàn đi thăm vịnh Hạ Long. Khi đoàn xe đến cảng Hải Phòng, tôi đã thấy ba tuần dương hạm, dàn hàng ngang bên cầu cảng. Hạm I mở đường, hạm III hộ tống, bạt che pháo được mở ra như chuẩn bị chiến đấu. Hạm II, pháo được dỡ đi, thay vào đó là bàn ghế mây cùng đồ ăn, thức uống.

Khi đoàn xe vừa lăn bánh lên cầu cảng, thì cả ba hạm tàu cùng kéo còi chào và cầu tàu hạm II từ từ hạ xuống đón khách. Lại một hồi còi chào thành phố cảng, ba hạm tàu rùng mình rẽ sóng ra vịnh Hạ Long, để lại thành phố cảng lui dần về phía sau.

Đây hang Bồ Nâu, kia hòn Gà Chọi, ba hạm tàu lượn quanh các đảo. Patrixia - con gái luật sư - say

mê chụp ảnh những hòn đảo muôn hình đang xoay tròn trước ống kính, còn cụ luật sư thì ngồi chống cằm, thả hồn vào khung cảnh thiên nhiên hùng vĩ, thơ mộng. Thăm xong vịnh Hạ Long, ba hạm tàu lướt trên biển đưa khách về nhà nghỉ. Năm ấy ấm trời, đào thắm trên Bãi Cháy đã nở rộ. Sáng hôm sau, đoàn xe Phủ Chủ tịch đã đến đón khách về Hà Nội.

Giáp Tết, phà Bính tấp nập người qua lại, phải vất vả lắm mới đưa được hết đoàn xe xuống phà.

- Tây ở đâu về ăn Tết đây hả ông?

Nghe có người hỏi, tôi nhìn lên thấy một ông già, ngoại lục tuần, râu điểm bạc, khăn xếp, áo the, tay cầm cành đào, quần ống sớ, đi giày Gia Định.

- Không phải “Tây” đâu, đây là cụ luật sư đã cứu Bác Hồ năm xưa đây - Tôi trả lời.

Quay sang cụ luật sư, ông già cầm cành đào nói: “Tôi ở bên Thủy Nguyên đem cành đào này đến phố Cát Dài cho đứa cháu ngoại để cháu đón xuân, rồi tôi ra phố Cầu Đất viết câu đối Tết. Không ngờ trời đất lại run rủi cho tôi được gặp đại ân nhân của đất nước - Chũ Ân của cụ nặng lắm cụ ơi! Ngàn đời sau cháu con chúng tôi cũng không trả nổi. Vậy tôi xin kính biếu cụ cành đào này”.

Quá bất ngờ, moi cụ luật sư cứ giật giật không nói nên lời, tôi thoáng thấy cụ bà luật sư quay đi lau nước mắt.

Qua phút giây xúc động, cụ luật sư nâng ông đồ Thủy Nguyên lên rồi nói: “Không phải ta đã cứu Chủ tịch Hồ Chí Minh mà chủ nghĩa nhân đạo của Người đã cứu Người. Vì chủ nghĩa nhân đạo của Người nên các bạn tôi ở Hạ Môn, ở Hồng Công và cả trên đất nước Anh cũng đều nhiệt tình giúp tôi giải thoát cho Người. Tôi cảm ơn ông đã tặng cành đào này, tôi xin

cảm ơn nhân dân Việt Nam, một dân tộc luôn sống có nghĩa, có tình. Tôi nhận cảnh đào này, và cảnh đào này sẽ thắm mãi trong lòng tôi. Bây giờ tôi lại nhờ ông giúp tôi một việc là ông hãy chuyển cảnh đào này cho cháu ngoại ông và ông nói với cháu rằng đây là cảnh đào của luật sư Lôđơbai, người nước Anh, tặng cháu để đón xuân. Chúc cháu luôn học giỏi và xứng đáng là cháu ngoan của Chủ tịch Hồ Chí Minh.”.

Khi đoàn xe về đến Hà Nội, tôi đã thấy Bác Hồ đứng đón đoàn ở chân cầu thang nhà sàn. Bác ôm hôn và hỏi thăm sức khỏe từng người trong gia đình luật sư rồi tặng mỗi người một bó hoa layơn trắng tinh khiết.

Nâng máy ảnh lên chụp hình ảnh của Bác và cụ luật sư, tôi thấy râu tóc Bác Hồ và cụ luật sư đều đã bạc trắng.

Khi tiễn khách ra xe về nhà nghỉ của Chính phủ, con gái cụ luật sư còn tần ngần đứng lại.

- Cháu có điều gì muốn nói phải không? - Bác Hồ hỏi.

- Thưa Bác, xin Bác cho cháu được ở lại Việt Nam và lấy chồng Việt Nam ạ!

Một yêu cầu bất ngờ, nhưng Bác Hồ cũng trả lời luôn:

- Bố mẹ cháu đã già rồi mà chỉ có mình cháu là con, vậy cháu phải luôn ở bên ấy để chăm sóc bố mẹ và cũng đừng quên những người nghèo khổ.

Năm 1969, nghe tin Bác Hồ đã đi xa, cả gia đình cụ luật sư để đại tang, quần áo và rèm cửa đều màu đen.

Đến lần cụ luật sư Lôđơbai từ trần thì toàn bộ tiền phúng viếng đã được Patixia chuyển vào ủng hộ quỹ người nghèo ở Hồng Công.

N.K.C

MỘT LẦN BẢO VỆ BÁC ĐI BỎ PHIẾU

PHẠM GIA VỆ

(Ghi theo lời kể của đồng chí HOÀNG HỮU KHÁNG)

Còn gì vinh dự hơn là người chiến sĩ được bảo vệ Bác trong suốt quá trình Bác về nước cho đến khi Bác qua đời. Và đến nay chúng tôi vẫn đang bảo vệ di sản của Người để lại. Trong suốt chặng đường bảo vệ Bác, chúng tôi có thể tự hào là đã bảo vệ Bác được an toàn. Tuy nhiên, trong công tác bảo vệ không khỏi có những sai sót. Mỗi lần chúng tôi mắc phải những sai sót Bác đều phê bình nghiêm khắc và chỉ bảo ân cần cho chúng tôi quyết tâm sửa chữa.

Quên sao được lần chúng tôi bảo vệ Bác đi bỏ phiếu ở hòm phiếu Nhà Thuyền (Hồ Tây) vào tháng 4 năm 1969. Chúng tôi không ngờ đó lại là lần bảo vệ cuối cùng cho người công dân số một của đất nước. Vậy mà lần bảo vệ đó chúng tôi lại để xảy ra sơ suất khiến Bác không vui lòng. Mỗi lần nghĩ lại chúng tôi thấy ân hận vô cùng.

Hồi đó, sức khoẻ của Bác đã yếu lại bị thần kinh toạ nên việc đi lại rất khó khăn. Sắp tới ngày bầu cử Hội đồng Nhân dân thành phố Hà Nội, chúng tôi chuẩn bị trước kế hoạch và tìm chọn nơi bỏ phiếu thuận tiện nhất để khi Bác đến bỏ phiếu, không ảnh hưởng nhiều đến sức khoẻ. Khảo sát vài ba nơi thì thấy hòm phiếu ở Nhà Thuyền (Hồ Tây) là tiện hơn cả vì lẽ ở đây khí hậu mát mẻ, phố xá không đông đúc,

đường đi từ nhà đến nơi bỏ phiếu lại gần và thuận tiện. Hơn thế nữa, lối đi vào nơi đặt hòm phiếu bằng phẳng, không phải qua các bậc lên xuống. Chúng tôi quyết định chọn địa điểm đó để Bác đến bỏ phiếu và bàn bạc công tác bảo vệ. Khi bàn bạc về thời gian đưa Bác đi bỏ phiếu, có ý kiến đề nghị để Bác đến bỏ phiếu trước giờ khai mạc, ý kiến này không được chấp thuận vì như vậy sẽ trái với thể lệ bầu cử. Một ý kiến khác: bố trí canh sát đứng sẵn, khi Bác đến thì đề nghị nhân dân dừng lại để Bác bỏ phiếu trước. Ý kiến này không ổn, làm như vậy chắc Bác không bằng lòng vì đã có lần chúng tôi bị Bác phê bình khi ngăn cản nhân dân, sợ nhân dân làm ảnh hưởng tới sức khỏe của Bác. Cuối cùng chúng tôi chọn phương án: bảo vệ Bác đi bỏ phiếu vào buổi chiều. Vì lúc đó cử tri vắng nên Bác đến bỏ phiếu bình thường, lực lượng bảo vệ được bố trí chặt chẽ nhưng không gây không khí căng thẳng.

Phương án bảo vệ bố trí xong, chúng tôi mời Bác lên xe, mọi việc tiến hành đều chu tất theo đúng kế hoạch. Bác bỏ phiếu xong ra về không gặp trở ngại nào. Khi về đến Phủ Chủ tịch, xe dừng Bác xuống xe đi bộ về nhà. Xe tôi cũng kịp đến, tôi nhanh nhẹn xuống xe và đi theo Bác. Tôi vừa đến bên, Bác quay sang hỏi:

- Chú Khang! Chú có biết vì sao Nguyễn Hải Thần bị dân khinh ghét không?

Nghe Bác hỏi, tôi hơi chột dạ, nhưng trấn tĩnh được ngay. Tôi nhớ lại năm 1945, mỗi lần Nguyễn Hải Thần đi đâu thì bọn lính bảo vệ của ông ta ngồi trên xe tay lăm lăm chìa súng ra ngoài. Một khẩu súng

trung liên được đặt trên nóc xe luôn sẵn sàng nhả đạn làm ai trông cũng chướng mắt. Nghĩ vậy tôi trả lời:

- Thưa Bác! Vì bọn bảo vệ Nguyễn Hải Thần nhớ nhãng quá.

Bác hỏi tiếp:

- Chú có biết ai bảo vệ an toàn cho Bác không?

Trong thực tế công tác bảo vệ và được Bác dạy bảo nhiên lần, hiểu ý Bác, tôi nói ngay:

- Thưa Bác! Nhân dân ạ!

Nghe Bác hỏi tôi cảm thấy cuộc bảo vệ Bác hôm nay có điều gì sơ suất khiến Bác chưa vui lòng. Tôi tự kiểm tra lại kế hoạch và phương án bảo vệ vừa thực hiện nhưng chưa thấy có gì sai sót lớn.

Mãi tới khi một đồng chí trực tiếp bảo vệ ngồi cùng xe Bác nói lại thì ra nguyên do câu chuyện là khi Bác đến nơi bỏ phiếu nhìn thấy vắng cử tri, nét mặt Bác thoáng không vui.

Khuyết điểm của chúng tôi là còn suy nghĩ giản đơn, do quá lo bảo vệ an toàn mà thiếu niềm tin vào quần chúng nhân dân, chưa gắn chặt chẽ công tác bảo vệ với quan điểm quần chúng.

Nhớ lời Bác dạy, chúng tôi càng thấm thía và nhận thức sâu sắc hơn rằng bất kỳ làm việc gì cũng đều phải tôn trọng nhân dân. Có như vậy mới được dân mến, dân tin, dân ủng hộ.

P.G.V

HAI LẦN GẶP BÁC HỒ

PHẠM BẠN

(Ghi theo lời kể của đồng chí HOÀNG THỊ KIM XÔ)

Chị em phụ nữ cảnh vệ từ trước năm bảy mươi hầu như ai cũng có dịp gặp Bác, tôi là một trong những người có may mắn đó. Mỗi khi nhớ lại những lần gặp Bác, tôi như được sống trong giây phút xúc động chứa chan tình cảm bao dung của Người. Tôi luôn nghĩ rằng môi trường công tác cảnh vệ và tập thể tổ nữ là những điều kiện đã đưa đến cho tôi vinh hạnh lớn lao vô giá ấy. Giờ đây ghi lại kỷ niệm về Bác, tôi càng nhớ tới đồng đội năm xưa và cuộc sống sôi nổi của tuổi thanh niên trong những ngày cả nước sục sôi khí thế chống Mỹ, cứu nước.

Cuối năm 1967, kết thúc khoá học ở Trường Công an Việt Bắc, tôi được điều về làm công tác cảnh vệ. Cùng lớp với tôi còn có bốn bạn nữ, chúng tôi đều ở các tỉnh miền núi Hà Tuyên, Bắc Thái, Lạng Sơn... Nghe tin về Hà Nội ai cũng mừng vì chúng tôi cùng có chung mong ước đến Thủ đô sẽ có ngày được gặp Bác Hồ. Quả nhiên, điều đó sau này đã thành sự thật.

Tổ công tác của tôi toàn nữ. Lúc chúng tôi về có khoảng hơn 10 chị, năm sau lớp mới bổ sung thêm, quân số lên tới gần ba chục người. Các chị lớp trước hơn chúng tôi vài tuổi, đều còn ở độ thanh xuân và chưa có ai lập gia đình riêng. Tôi nhận thấy ở các chị mỗi người mỗi vẻ nhưng đều có nét giống nhau là

khỏe khoắn, hoạt bát, vui tươi và đối với chúng tôi thật chân tình, đầm thắm. Tôi nhanh chóng hoà nhập với gia đình mới này, cảm thấy mình như lớn thêm lên và học hỏi được nhiều điều bổ ích.

Đơn vị tôi làm nhiệm vụ bảo vệ các cuộc mít tinh, hội nghị của Trung ương và các đoàn khách quốc tế. Sau thời gian học tập nghiệp vụ, tôi được đi công tác ở một vài nơi mà trước đó tôi chỉ được nghe qua các phương tiện thông tin: Hội trường Ba Đình, Phủ Chủ tịch, Nhà khách Chính phủ 12 Ngô Quyền, sân bay Gia Lâm... Trong cuộc mít tinh kỷ niệm Ngày thành lập Quân đội nhân dân Việt Nam, Bác Hồ đã đến dự, rất tiếc tôi đứng ở vị trí xa nên không nhìn rõ Bác, bạn tôi hôm ấy đứng ở hành lang được tận mắt thấy Người, phấn khởi quá về nhà cứ kể chuyện mãi. Tôi mừng cho bạn mà lòng mình cảm thấy xôn xao.

Thế rồi dịp may cũng đến. Vào khoảng trung tuần tháng 10 năm 1968, tôi được phân công bảo vệ cuộc họp Hội đồng Chính phủ ở khu Phủ Chủ tịch. Hôm ấy trời lạnh và khô, chúng tôi đến địa điểm ngay từ mờ sáng. Nơi Chính phủ họp là một ngôi nhà mái bằng được xây dựng trên căn hầm lớn, chúng tôi quen gọi là nhà hầm. Lên khỏi tam cấp là vào phòng họp, căn phòng không lớn nhưng khang trang, bài trí giản dị, xung quanh có hành lang rộng, cửa chính hướng ra đường Hùng Vương cách một vườn cây cổ thụ. Tôi được phân công đứng ở cổng bên. Tôi có nghe nói đây nguyên là cổng của một ngôi đền cổ, nên khi xây dựng công trình vẫn được giữ gìn nguyên vẹn. Tôi nhìn trên nóc cổng thấy có những hình rồng, phượng và hai bên thành cổng còn nổi rõ hai hàng chữ nho đối xứng

giống như trong câu đối Tết. Từ đây nhìn về phía trái là con đường nhựa chạy vòng tới Phủ Chủ tịch, bên phải cùng là vườn cây tiếp giáp với Bách Thảo được ngăn cách bằng một bức tường chắc chắn. Còn trước mặt tôi là con đường nhựa rộng, phẳng lỳ, thẳng tắp có hai hàng cây cổ thụ cành lá sum suê xếp hàng ngay ngắn. Bây giờ mọi người đều biết đó chính là đường xoài nhưng lúc ấy tôi chỉ biết nếu đi thẳng đường này sẽ đến nhà sàn của Bác. Bất giác một tia hy vọng chợt loé trong tôi, biết đâu hôm nay Bác ra dự họp lại đi đường này.

Các đại biểu đến đã khá đông. Ở ngoài hành lang có nhiều người đứng chuyện trò vui vẻ. Hồi chuông điện vang lên báo giờ vào họp, các vị đại biểu lần lượt vào trong hội trường. Tôi nhìn về phía đường xoài nóng lòng chờ đợi nhưng chỉ thấy con đường ngợp bóng cây xanh trong khoảng không gian tĩnh lặng. Vài phút trôi qua, tôi thầm nghĩ chắc đến giờ này Bác không dự họp. Bỗng tôi nhìn thấy một chiếc xe con màu xanh nhạt từ phía Phủ Chủ tịch hướng ra cổng Đỏ, nhưng đến ngang chừng thì rẽ ngoặt về phía cổng bên rồi dừng lại chỉ cách nơi tôi đứng độ năm, bảy mét. Bác! Đúng xe của Bác rồi, tôi như muốn reo lên và cảm thấy không tin ở mắt mình. Đồng chí bảo vệ tiếp cận nhanh nhẹn mở cửa xe, Bác bước xuống, tôi hồi hộp quá nhưng mắt vẫn không rời từng cử chỉ của Người. Hôm ấy Bác mặc bộ ka ki trắng, áo bông khoác ngoài, cổ quàng khăn len, đầu đội mũ mềm. Cùng đi theo Bác có đồng chí Vũ Kỳ và một người nữa có lẽ là bác sỹ, một tay xách túi thuốc, một tay xách chiếc phích vỏ bằng tre. Đồng chí bảo vệ đi sát bên nhưng Bác tự bước lên từng bậc cổng.

Thấy Bác đến gần, tôi vội tránh sang bên một chút, lễ phép: “Cháu chào Bác ạ!”. Nói xong tôi thấy mình vẫn còn run. Bác cười hiền hậu rồi hỏi:

- Cháu đứng đây làm gì thế?

Tôi hồi hộp quá nên chưa biết trả lời Bác như thế nào thì đồng chí Vũ Kỳ đã giúp tôi:

- Thưa Bác, cô ấy là lính của anh Kháng đứng đây bảo vệ Bác đấy!

Bác âu yếu nhìn tôi. Tôi chợt nhận thấy đôi mắt Bác rất sáng đúng như mọi người thường kể. Bác hỏi tiếp:

- Thế cháu bảo vệ Bác thì ai bảo vệ cháu?

Giọng Người ấm áp khiến tôi bớt hồi hộp nhưng vì chưa hiểu ý Bác hỏi nên tôi cứ lúng túng mãi mà vẫn chưa trả lời được, có lẽ thấy thái độ mất bình tĩnh của tôi, đồng chí Vũ Kỳ cười rất vui rồi giúp tôi lần nữa:

- Thưa Bác, cô ấy có súng và võ giỏi lắm!

Mọi người đi theo Bác cười vang, Bác cũng cười vui và tiếp luôn:

- Thế à, nếu vậy thì Bác cháu ta thử đấu võ xem ai giỏi hơn?

Nói đoạn, Bác nhanh nhẹn cúi xuống xắn gấu quần lên một cách tự nhiên trước sự ngỡ ngàng của mọi người. Tôi biết Bác đùa vui nhưng chẳng biết mình phải ứng xử thế nào nên cứ đứng ngây ra, tuy vậy mặt tôi vẫn không rời từng cử chỉ của Bác. Chợt tôi nhìn thấy trong đôi dép cao su, Bác đi đôi tất màu xám đã sờn, nhìn kỹ thì thấy có chỗ đã rách được vá lại rất khéo, bỗng dưng tôi thấy mắt mình cay cay. May quá, cùng lúc đó Bộ trưởng Phan Anh biết Bác đến đã ra chào và mời Người vào họp. Bác còn dặn:

- Thôi, Bác vào làm việc, xong sẽ đấu tiếp, cháu không được trốn đi đâu đấy nhé!

Lúc ấy chẳng hiểu tôi nghĩ thế nào mà vội trả lời như máy:

- Thưa Bác, vâng ạ!

Mọi người nhìn tôi cùng cười vui rồi nhanh nhẹn theo Bác vào nơi làm việc.

Bác vào hội trường rồi mà tôi còn như chưa tỉnh giấc mơ. Bây giờ kể lại cho tuần tự chứ thực ra thời gian gặp Bác chỉ độ vài ba phút. Tôi tự trách mình là sao không trả lời được câu hỏi của Bác và cũng không hỏi thăm sức khoẻ Người được câu nào. Sau này bình tĩnh suy ngẫm lại, tôi cảm thấy Bác hỏi vậy nhưng hình như đã biết công việc của tôi rồi và thực ra câu đầu Bác hỏi thì tôi nghĩ nhưng không nói ra được, còn câu thứ hai thì quả thật tôi rất biết ơn đồng chí Vũ Kỳ, tuy không hẳn đã đúng hoàn toàn ý Bác hỏi nhưng nhờ cách ứng phó linh hoạt ấy mà giúp tôi gỡ được thế bí và cũng là một trong những điều kiện thuận lợi cho tôi và đồng đội có dịp gặp Bác lần sau.

Tôi đi lại, quan sát, thực hiện đúng những yêu cầu bảo vệ được phân công nhưng thật ra đầu óc cứ như ở đâu đâu. Cùng lúc ấy, chị Minh tổ trưởng đi kiểm tra đến chỗ tôi. Tôi vui mừng kể vắn tắt chuyện vừa được gặp Bác và cả những điều mình còn băn khoăn. Chị mừng cho tôi rồi khuyên: “Thường ai mới gặp Bác lần đầu cũng hồi hộp và xúc động như vậy, đừng lo, nếu lần sau Bác hỏi thì em cứ bình tĩnh trả lời”.

Tôi nhìn xuống đường, chiếc xe của Bác vẫn đang còn đỗ, như vậy Bác sẽ về qua đây và tôi còn có thể gặp Người lần nữa. Tôi vui quá và dự kiến một vài

tình huống để nếu Bác hỏi thì không lúng túng như trước. Tôi nghĩ rằng chuyện đấu võ thì Bác chỉ nói vui nhưng có thể Bác sẽ hỏi việc luyện tập như thế nào, vì vậy tôi hình dung lại vài việc có liên quan. Cách đó độ vài tháng, đơn vị tôi mở một lớp võ thuật, học viên toàn nữ, giáo viên là những đồng chí nam vừa qua lớp huấn luyện do chuyên gia Triều Tiên hướng dẫn. Phải nói đợt tập ấy đối với chị em chúng tôi khá vất vả vì nhiều động tác phức tạp, yêu cầu thể lực phải có sức chịu đựng cao. Mùa hè chưa đến mà bộ đồng phục của chúng tôi lúc nào cũng ẩm mồ hôi. Mới chỉ tháng đầu mà ai cũng cảm thấy mình mất đi da dẻ mịn màng và hết khoá học thì trông dáng ai cũng như gọn nhỏ, nhưng bù lại là sự khoẻ khoắn và nhanh nhẹn hơn. Tuy chưa phải vận dụng xử lý nhiều các tình huống trong công tác nghiệp vụ nhưng chúng tôi đều thấy tự tin hơn khi làm nhiệm vụ canh gác hoặc bảo vệ tiếp cận. Điều đã xảy ra là có lúc chị em chúng tôi tự bảo vệ mình và giúp đỡ cho người khác tránh được sự bất bình. Tôi còn nhớ một hôm chúng tôi rủ nhau nhảy tàu điện đi chơi Bồ Hồ. Tàu đông nên chúng tôi nhường chỗ cho các cụ già rồi xuống đứng ở cuối toa. Có mấy chàng trai ăn mặc lơ lửng thả lời bốn cợt, sàm sỡ, liền bị chúng tôi phản đối, thế là các cậu giở thói vũ phu, lập tức bị hai bạn tôi tặng cho mấy “chưởng”, xấu hổ quá các cậu ôm đầu, nhảy tàu chuồn thẳng, bà con đi tàu hôm ấy đều khen và ủng hộ. Sau này gặp nhau, nhắc lại chuyện ấy chúng tôi lại đâm lung nhau, cười ra nước mắt. Đến nay tôi vẫn nghĩ rằng tập luyện môn võ chẳng những cần thiết cho nữ cảnh vệ mà ngay chị em phái yếu chúng ta nếu học được cũng là điều bổ ích.

Khoảng 11 giờ, hội nghị xong, mọi người ra về. Tôi đang đứng bên cổng đã nghe tiếng Bác hỏi.

- Cháu gái của Bác đâu rồi?

Tôi vội chạy lại gần Bác, bình tĩnh hơn:

- Thưa Bác, cháu đây ạ!

Bác cười hiền hậu khiến tôi tự nhiên hơn. Tôi có ý chờ xem Bác có hỏi chuyện đấu võ không, nhưng may quá Bác chỉ hỏi:

- Cháu tên gì? Bao nhiêu tuổi? Quê cháu ở đây?

Tôi lần lượt trả lời từng câu của Bác. Khi tôi vừa nói xong “Thưa Bác, quê cháu ở Lạng Sơn ạ!” thì Bác liền hỏi:

- Thế cháu người dân tộc nào?

Tôi xúc động nắm chặt cánh tay Bác, lễ phép:

- Thưa Bác, bố cháu là người xuôi, mẹ cháu là người Tày ạ!

Bác ân cần:

- Cháu học lớp mấy rồi?

Tôi trả lời có vẻ bẽn lèn, ngập ngừng:

- Thưa Bác, cháu mới học lớp năm!

Thời kỳ ấy vào ngành công an phải có văn hoá lớp 7, nhưng chúng tôi ở miền núi nên được ưu tiên hơn.

Bác hỏi tiếp:

- Các cháu học võ đạt cấp gì rồi?

Tôi mạnh dạn hơn:

- Thưa Bác, chúng cháu mới học xong chương trình sơ cấp ạ! Tôi phán đoán có thể Bác lại hỏi thêm chuyện võ nghệ, nhưng Bác chỉ dặn:

- Vậy cháu phải cố gắng học thêm văn hoá và tập bắn súng, tập võ cho giỏi!

Tôi đang định hỏi thăm sức khỏe Bác hoặc nói một câu đại ý thấy Bác khỏe cháu rất mừng, nhưng chưa kịp nói thì Bác đã hỏi:

- Chỗ cháu có nhiều cháu gái không?
- Thưa Bác, tổ của cháu có gần ba chục chị em.
- Thế thì cháu về nói chị em tập võ cho giỏi, khi nào vào nhà biểu diễn cho Bác xem.

Mọi người đứng bên Bác lúc ấy nhìn tôi cười như khích lệ, còn tôi thì bất ngờ và xúc động phải cố ghìm không để nước mắt trào ra. Tôi chỉ còn biết nắm chặt cánh tay Bác nói: “Thưa Bác, vâng ạ!” nói xong câu ấy mắt tôi nhoè đi.

Bác đặt nhẹ bàn tay lên vai tôi, Người căn dặn:

- Cháu nhớ là không được tự ti và cũng không được tự kiêu, phải đoàn kết giúp nhau học tập cùng tiến bộ.

Tôi theo Bác ra tận xe và còn nghe tiếng Người dặn đồng chí Vũ Kỳ:

- Chú nhớ nhắc Bác bố trí thời gian xem các cháu biểu diễn nhé!

Về nhà, tôi kể chuyện được gặp Bác cho các bạn nghe, ai cũng vui mừng. Tôi cũng nhắc lại lời Bác dặn chị em tập võ để biểu diễn cho Bác xem nhưng thực ra lúc ấy tôi và các bạn không ai nghĩ rằng việc đó có thể thực hiện được bởi vì Bác bận trăm công nghìn việc của đất nước, vả lại trình độ chuyên môn của chúng tôi còn hạn chế liệu có làm Bác vui lòng? Tuy vậy, từ sau hôm ấy tôi thấy mình làm việc phấn chấn như luôn có thêm nguồn động viên mới.

*

* *

Chỉ còn độ hơn mười ngày nữa là đến xuân Kỷ Dậu (1969) một vài nơi trên các phố phường Hà Nội còn ngổn ngang vết tích những trận ném bom bắn phá điên cuồng của giặc Mỹ, mặc dù vậy nhân dân Thủ đô vẫn khẩn trương, nhộn nhịp đón Tết cổ truyền. Trên đường phố, người xe đi lại tấp nập khác thường. Cuộc sống thời chiến vất vả và căng thẳng nhưng trên gương mặt mỗi người vẫn phảng phất niềm vui. Bài thơ chúc mừng năm mới của Bác vừa được phổ nhạc truyền đi nhanh chóng làm náo nức lòng người.

Đơn vị của tôi cũng tiến hành gấp rút các kế hoạch bảo vệ trong dịp Tết. Tôi được tham gia trong đội văn nghệ tập một số tiết mục để phục vụ lễ đón giao thừa ở đơn vị theo thông lệ hàng năm. Một hôm, chúng tôi nhận được thông báo: Tất cả chị em tổ nữ tập trung nghe phổ biến công tác mới. Buổi trưa hôm đó mọi người bàn tán xôn xao, có người bảo: Chắc Trung ương lại triệu tập hội nghị bất thường, người khác nói: có lẽ một đoàn khách đặc biệt nào được mời đến vui Tết với nhân dân ta. Còn tôi nghĩ rằng năm qua ta thắng lớn, nhân dân phấn khởi, các vị lãnh đạo sẽ đi chúc Tết nhiều địa phương, do vậy chị em chúng tôi có thể phải đi công tác đột xuất, hoặc thường xuyên ứng trực.

Đợi mọi người ổn định trật tự, đồng chí chỉ huy trưởng đơn vị nói vài câu mở đầu rồi đi thẳng vào nội dung công việc, đại ý: Tết này đơn vị ta được trên giao một số cuộc bảo vệ các đồng chí lãnh đạo Đảng, Nhà nước đi chúc Tết nhân dân, việc ấy đã giao cho các đồng chí tổ nam rồi. Riêng tổ nữ thì ngoài việc tham gia văn nghệ, các đồng chí còn lại sẽ ôn tập võ thuật để cùng biểu diễn mừng lễ đón giao thừa. Nhiều tiếng

bàn tán rì rầm, có lẽ tưởng mọi người chưa rõ, đồng chí giải thích thêm vì năm nay mừng quân và dân ta thắng lợi lớn nên chúng ta vui xuân với khí thế mới. Cục đã thông báo có thể các đồng chí lãnh đạo Bộ cũng đến chúc Tết đơn vị ta.

Nghe tới đó bỗng dưng tôi có linh cảm như việc chuẩn bị này có liên quan với lời Bác dặn tôi hôm nào. Biết vậy, nhưng tôi không dám thổ lộ cùng ai, bởi vì chưa có gì đảm bảo chắc chắn, vả lại nếu không thận trọng sẽ sai nguyên tắc công tác. Phải công nhận rằng thời kỳ ấy công tác bảo vệ nhất là đối với Bác thì cực kỳ nghiêm mật, ngay trong lực lượng cảnh vệ ai làm việc gì cũng chỉ được phép biết trong phạm vi, giới hạn nhiệm vụ của mình mà thôi. Và lần ấy đến tận ngày 30 Tết, chúng tôi mới biết chính thức địa điểm biểu diễn chào mừng năm mới không phải ở cơ quan mà là Phủ Chủ tịch.

Không thể kể hết nỗi vui mừng của chị em chúng tôi như thế nào. Linh tính nghề nghiệp báo cho chúng tôi biết chắc chắn được gặp Bác rồi. Suốt cả buổi chuẩn bị tất bật mà chưa ai cảm thấy yên tâm. Nghe nói chương trình biểu diễn chọn lọc nên đơn vị tôi chỉ có tiết mục văn nghệ còn lại tập trung cho võ thuật. Tôi cũng được chuyển sang biểu diễn võ thuật nên luôn sống trong tâm trạng vui mừng, khấp khởi.

Khi chúng tôi đến cổng Phủ Chủ tịch thấy diễn viên của các đoàn cũng đang có mặt. Vì là “người nhà” nên thủ tục kiểm tra đối với chúng tôi nhanh gọn hơn. Cùng biểu diễn phục vụ Bác hôm ấy tôi thấy có Đoàn Văn công giải phóng, Đoàn Ca múa Trung ương, Đoàn Ca múa nhạc Đài tiếng nói Việt Nam, Đoàn Nghệ

thuật Công an vũ trang và một số nghệ sĩ nổi tiếng khác. Trong trang phục lộng lẫy, sắc sảo của các đoàn bạn, màu xanh đồng phục của chúng tôi lại mang dáng vẻ thể thao, gọn gàng bình dị làm cho không khí ngày hội mừng xuân, mừng thọ Bác thêm phong phú.

Đúng 6 giờ chiều, Bác xuất hiện trong tiếng vỗ tay vang dậy. Ai cũng muốn đứng gần để nhìn cho rõ Bác nên dù Ban tổ chức đã phổ biến nội quy nhưng chẳng ai chịu đứng yên trong phạm vi quy định của đoàn mình, Bác vừa ra hiệu cho mọi người ngồi xuống thì các đoàn liền cử đại diện lên tặng hoa và tặng quà Bác. Tôi nhìn thấy nhiều bó hoa tươi thắm, đặc biệt Đoàn Công an vũ trang tặng Bác những sản phẩm do chính đơn vị mình tặng gia được khiến không khí thật vui và ấm cúng. Tôi còn nhớ khi đoàn Cảnh vệ bàn mua quà tặng Bác thì yêu cầu của lãnh đạo Cục là tìm vật gì có ý nghĩa thiết thực nhất, vì thế đồng chí Sáu Đại lúc ấy là Cục phó, trong một chuyến đi công tác ở miền núi được nhân dân tặng một cây gậy trúc rất đẹp đã tự nguyện nhường cho Đoàn làm quà biếu Bác. Sau này tôi có nghe nói cây gậy ấy đã được Bác dùng trong thời kỳ sức khỏe giảm sút trước lúc Người đi xa. Hiện nay, chiếc gậy đó vẫn được Bảo tàng Hồ Chí Minh lưu giữ.

Tôi nhìn thấy Bác ngồi trên ghế tựa, bên Bác có các cháu thiếu nhi là con em của cán bộ, nhân viên phòng Phủ Chủ tịch. Cùng dự buổi liên hoan hôm đó tôi còn thấy có Đại tướng Võ Nguyên Giáp, Bộ trưởng Trần Quốc Hoàn cùng rất đông cán bộ trong cơ quan và anh em ở đơn vị trực tiếp bảo vệ Người.

Các đoàn biểu diễn những tiết mục gì tôi không nhớ rõ, vì phân lo cho tiết mục của mình, phần chỉ

chăm chú nhìn Bác. Giữa đàn con cháu, Bác là người ông yêu quý, hiền từ, tóc bạc, da hồng hào, nét mặt tươi vui, lúc ấy tôi không thể tưởng tượng được đây lại là cái Tết cuối cùng của Bác với đàn cháu yêu thương.

Tôi thấy một số diễn viên khi biểu diễn xong thì Bác vẫy gọi lại hỏi thăm. Tôi không nghe tiếng nhưng chỉ thấy Bác cháu cùng vui và những tràng vỗ tay của mọi người lại vang lên. Sau đó chị Hiền Thanh của đơn vị tôi sau khi biểu diễn tiết mục hát văn cũng được Bác khen ngợi, động viên.

Đến lượt chúng tôi, có lẽ là loại hình nghệ thuật đặc biệt nên sau lời giới thiệu và khi dàn đội hình thì không khí ồn ào sôi nổi. Chúng tôi đã tập luyện nhiều và biểu diễn một vài lần báo cáo lãnh đạo Bộ và Đoàn An ninh miền Nam mà sao lúc ấy vẫn hồi hộp lạ. Bài Mai hoa quyền với những miếng đánh, đòn đỡ kín đáo, uyển chuyển đã được chúng tôi thể hiện một cách nhuần nhuyễn, thực sự thu hút được sự chú ý của mọi người. Sau này tôi được nghe đồng chí Cục trưởng Hoàng Hữu Kháng cho biết thêm là Bác rất hài lòng về sự tập luyện của chị em chúng tôi và thật ra trước đó anh Kháng cũng báo cáo với Bác là mới có thêm lực lượng cảnh vệ nữ, chính vì vậy chúng tôi mới có cơ hội may mắn này.

Chương trình đêm diễn kết thúc lúc nào tôi không nhớ rõ, chỉ biết lúc mọi người ùa về phía Bác thì tôi cũng vội chạy đến nhưng cách Bác khá xa. Lúc chụp ảnh chung thì mọi người phải dãn ra, Bác tiến lên vài bước, vừa đến chỗ tôi thì Người dừng lại, may quá, tôi vội ôm chặt cánh tay phải của Bác. Bác quay sang nhận ra tôi, Người khẽ gật đầu, mỉm cười nói “Các cháu

tập thể là tốt” rồi Bác bảo đồng chí phục vụ lấy 2 bó hoa, một bó hoa Bác tặng các cháu thiếu nhi còn một bó Bác đưa cho tôi và nói: “Bác tặng cháu gái bó hoa này”. Tôi mừng quá chỉ nói được mỗi câu “Cháu xin Bác” rồi cứ loay hoay không biết ôm hoa ở tay nào cho tiện khi chụp ảnh. Trong không khí nhộn nhịp ấy, Bác không hỏi thêm tôi câu nào nữa nhưng tôi rất sung sướng vì Bác vẫn nhớ đến đứa cháu gái của Người.

Điều bất ngờ nữa là sau này tôi có được tấm ảnh chụp chung với Bác trong đó có nhiều đồng đội của tôi. Trong tấm ảnh ấy tôi đứng cạnh Bác, tay ôm bó hoa còn bên trái Người là chị Minh Chiến nay là Bí thư phụ nữ cảnh vệ. Năm 1970, tôi nghỉ phép về thăm quê, gặp mấy đứa bạn học cũ, chúng vui mừng báo tin: “Mày sướng nhé được múa võ cho Bác Hồ xem”, thì ra họ mới được xem bộ phim tài liệu “Trung ương chúc Tết Bác Hồ xuân Kỷ Dậu” trong đó có một số hình ảnh chúng tôi biểu diễn phục vụ Bác, rất tiếc đến nay tôi chưa có dịp được xem bộ phim này. Một đồng nghiệp cũ của tôi làm công việc sưu tầm hình ảnh Bác Hồ với cảnh vệ cho tôi biết: Ngoài những hình ảnh trong đêm biểu diễn đó thì còn nhiều ảnh khác mà hầu hết chị em tổ nữ được chụp chung với Bác trong các dịp công tác khác nhưng còn ở trong lưu trữ nên chị em chưa được biết. Tôi muốn loan tin này đến cho chị em, và mong đến ngày khánh thành bảo tàng về Bác, có thể sẽ thấy những hình ảnh ấy. Thật hạnh phúc biết mấy cho chị em cảnh vệ chúng tôi.

Kết thúc đêm vui Tết, sau khi ổn định trật tự, Bác nói vắn tắt mấy lời, tôi nhớ đại ý: Bác cảm ơn các cháu đã biểu diễn cho Bác và các đồng chí Trung ương xem

một chương trình mừng xuân rất vui và hấp dẫn. Nhân dịp năm mới, Bác chúc các cháu và gia đình mạnh khoẻ, tiến bộ. Bác nghèo nên chỉ có chút ít bánh kẹo và hoa quả tự Bác trồng mời các cháu cùng ăn cho vui, nhưng các cháu trai nhớ không được tranh của các cháu gái đấy nhé.

Tiếng cười vui và tiếng vỗ tay vang dậy. Tiếp đó Bác bắt nhịp cho mọi người cùng hát bài “Giải phóng miền Nam”. Giọng hát của các lứa tuổi hoà quyện với tiếng nhạc và tiếng vỗ tay làm cho không khí thật vui và náo nhiệt. Bác cũng vỗ tay nhịp theo bài hát, gần đến đoạn kết tôi thấy Bác giơ tay vẫy chào mọi người rồi ra về nhưng vì chúng tôi vẫn vây quanh nên Bác không ra được. Bỗng tôi nghe tiếng Bác hô: “Ng nghiêm”, mọi người còn đang có vẻ ngơ ngác thì Bác tiếp luôn: “Đứng sau quay, bước đều bước” lúc ấy thì tất cả có lẽ đều hiểu ra và làm theo lệnh của Người, nhưng tôi còn thấy mọi người chân bước mà vẫn ngoảnh lại nhìn cho đến tận lúc Bác ra khỏi phòng...

Tết này là đúng hai mươi năm kể từ ngày chúng tôi vinh dự được biểu diễn phục vụ Bác. Nhớ lời Bác dạy, tôi đã học xong chương trình bổ túc lớp 10 và qua một trường trung cấp về chuyên môn. Đến nay tôi đã chuyển qua nhiều công tác nhưng kỷ niệm những lần được gặp Bác vẫn luôn là nguồn cổ vũ động viên tôi khắc phục khó khăn để hoàn thành nhiệm vụ, xứng đáng với công lao dạy bảo của Người.

P.B

VINH QUANG CON ĐỨNG BÊN NGƯỜI

PHẠM GIA VỆ

Giữa Quảng trường Ba Đình lịch sử mệnh mông bốn bề lộng gió, Bác nằm yên giấc ngủ trong lòng thương mến bao la của dân tộc.

Chúng tôi, những cán bộ chiến sĩ Trung đoàn 375, Bộ Tư lệnh Cảnh vệ rất vinh dự được Đảng, Nhà nước, nhân dân và ngành công an tin tưởng giao trọng trách: bảo vệ thi hài Chủ tịch Hồ Chí Minh, công trình kiến trúc lăng, Quảng trường Ba Đình lịch sử và tổ chức tiếp đón, hướng dẫn đồng bào trong nước và khách nước ngoài vào lăng viếng Bác. Đó chính là niềm vinh dự và hạnh phúc to lớn mà mỗi cán bộ chiến sĩ đều trân trọng giữ gìn.

Đơn vị chúng tôi không có vinh dự được bảo vệ Bác lúc sinh thời nhưng có may mắn là đơn vị duy nhất thay mặt cán bộ chiến sĩ ưu tú của ngành, con em ưu tú của nhân dân để làm nhiệm vụ đặc biệt cao cả này.

Hai mươi năm qua, đơn vị chúng tôi đã bảo vệ và tiếp đón an toàn gần 15 triệu lượt người nước ngoài và nhân dân trong cả nước đến lăng viếng Bác. Trong đó có gần 40 vạn người nước ngoài gồm 113 nước và 68 tổ chức quốc tế.

Nhớ lại những ngày đầu Lăng Bác mới khánh thành và mở cửa đón đồng bào vào lăng viếng Bác. Lưu lượng người đến viếng quá đông mà đơn vị chưa

có kinh nghiệm tổ chức nên khách đến viếng Bác còn có nhiều điều chưa vui lòng. Người muốn vào viếng Bác phải xếp hàng lấy phiếu ở Câu lạc bộ Thống nhất từ ngày hôm trước để hai, ba giờ sáng hôm sau đã phải xếp hàng tập trung ở vườn Bách Thảo. Thế mà chưa chắc đã được vào viếng Bác. Vì số lượng người đến viếng quá đông, mà kỹ thuật giữ gìn thi hài Bác thì không cho phép kéo dài thời gian viếng được.

Để đáp ứng với nguyện vọng của nhân dân, công tác tổ chức tiếp đón không ngừng được cải tiến nhằm tạo điều kiện thuận lợi nhất cho đồng bào đến thăm viếng Bác. Những dãy nhà chờ được xây dựng cho khách có nơi nghỉ ngơi khi chưa đến lượt vào viếng Bác và hơn thế nữa trong khi chờ đợi khách được xem phim, nghe những bài hát về Bác; thăm quan chiêm ngưỡng những cảnh đẹp của khu tập kết và được nghe phổ biến nội quy trước khi vào lăng viếng Bác.

Nghiêm túc và lịch sự vốn là đức tính của người chiến sĩ cảnh vệ làm nhiệm vụ tiếp đón, hướng dẫn đồng bào vào lăng viếng Bác. Mặc dù phải làm việc trong điều kiện rất khó khăn, phương tiện nghiệp vụ còn thiếu thốn; thời tiết khắc nghiệt; hàng ngày phải tiếp xúc với hàng ngàn, thậm chí có những ngày lễ lên tới hàng vạn lượt người, đủ các thành phần, tầng lớp, lứa tuổi, trong đó có cả Việt kiều và khách nước ngoài nhưng chúng tôi vẫn xác định rõ nhiệm vụ chính trị được giao, coi đây vừa là trách nhiệm vừa là tình cảm của những người con cháu Bác, tiếp khách cho Bác trong lúc Người đi xa.

Có biết bao hình ảnh cảm động của đồng bào trong nước và khách nước ngoài khi đến lăng viếng Bác đã gây những xúc động mãnh liệt trong lòng những chiến

sĩ cảnh vệ chúng tôi. Quên sao được hình ảnh bác Tôn cùng các đồng chí lãnh đạo của Đảng và Nhà nước ta vào lăng viếng Bác trong ngày hội thống nhất non sông, nguyện sẽ thực hiện ước mơ của Bác: “Xây dựng lại đất nước ta đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”.

Quên sao được hình ảnh một cụ già quê ở Bắc Thái đã 101 tuổi, mắt mờ, chân đi không được vững. Chúng tôi dìu cụ vào lăng viếng Bác. Khi đi qua nơi Bác nằm, nước mắt cụ rơi lã chã, miệng cụ lẩm bẩm: “Dạo này Bác hồng hào”. Chúng tôi hiểu, dường như trong tâm trí cụ, Bác Hồ vẫn còn sống. Có cụ bà khi vào viếng nhìn thấy Bác, cụ xúc động quá ngất đi. Khi được chị em y tế đơn vị chăm sóc, cụ hồi tỉnh lại nằng nặc đòi vào lăng viếng Bác cho kỳ được. Một bà cụ khác, tuổi đã cao, lưng đã còng, mái tóc bạc như cước nhưng còn khoẻ mạnh. Khi ra khỏi lăng đã nói với chúng tôi: “Khi thấy mình tuổi cao sức yếu, tôi chỉ có một mơ ước cuối cùng là được về Thủ đô viếng Bác. Nay đã được gặp Bác, lòng tôi thanh thản lạ thường. Dù mai đây có nhắm mắt xuôi tay, tôi cũng không còn gì ân hận nữa”.

Quên sao được hình ảnh của các cháu mẫu giáo hồn nhiên ngây thơ và trong trắng. Được các cô giáo và các chú cảnh vệ hướng dẫn vào lăng viếng Bác, khuôn mặt các cháu cũng trở nên nghiêm nghị, cả đoàn im phăng phắc. Khi qua nơi Bác nằm, một cháu không kìm nổi và thốt lên se se: “Bác Hồ đang ngủ”.

Lúc sinh thời, hình ảnh của miền Nam Thành đồng Tổ quốc luôn luôn in đậm trong trái tim Bác. Bác đã từng nói: “Miền Nam là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam. Sông có thể cạn. Núi có thể mòn. Song chân lý đó không bao giờ thay đổi: “Miền Nam luôn ở trong trái tim tôi””. Nay Bác đã đi xa

nhưng hình ảnh của Bác, hình ảnh của người Cha già dân tộc kính yêu vẫn thấm sâu vào máu thịt của đồng bào miền Nam. Hàng chục năm sống dưới thời Mỹ - Ngụy, biết bao đau thương tang tóc xảy ra nhưng nhân dân miền Nam vẫn một lòng thủy chung son sắt với Đảng và Bác Hồ. Mọi người đều mong ước miền Nam được giải phóng, nước nhà thống nhất và được ra Thủ đô thăm Bác Hồ kính yêu. Sau chiến thắng vĩ đại mùa xuân năm 1975, miền Nam được hoàn toàn giải phóng, đất nước thống nhất, đồng bào Nam Bắc được sum họp một nhà. Lòng mong mỏi của nhân dân miền Nam được ra thăm Thủ đô, vào lăng viếng vị cha già dân tộc đã được đáp ứng. Thật khó mà nói hết những tình cảm của đồng bào miền Nam đối với Bác sâu nặng biết nhường nào. Các o, các má bao năm chịu đựng đau khổ nay được ra viếng Bác, nhìn thấy Bác yên nghỉ mà không sao cầm được nước mắt. Quên sao được hình ảnh bà má Củ Chi đất thép ghen ngào không nói lên lời, những giọt nước mắt nóng hổi chảy hoai trên gò má nhăn nheo của má. Còn má Năm thì xúc động nói với chúng tôi: “Má chỉ hiềm một nỗi xa xôi quá, nếu không mỗi tháng má đến thăm Bác một lần”.

Chị Thiều Thị Tạo nguyên là Đội trưởng đội vũ trang F10 Ba binh vận Sài Gòn - Gia Định đã viết vào sổ ghi cảm tưởng:

“Bác ơi!

Mười ba năm sau ngày giải phóng miền Nam, con mới được tận mắt nhìn thấy Bác. Nhớ lại 13 năm sau ngày cất tiếng khóc chào đời, con bắt đầu xuống đường chống bạo quyền áp bức bất công. Ngày ấy con chỉ nghe về Bác qua tên gọi Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh. Rồi cùng với sự hiểu biết về cách mạng, sự hiểu

biết về Bác ngày càng sâu sắc, con đã không từ chối bất cứ nhiệm vụ nào, chỉ mong sao sớm giải phóng đất nước để rước Bác vào Nam.

Nhưng Bác ơi! Sao Bác lại ra đi khi con còn ở trong tay lũ giặc. Chúng con vừa thương Bác vừa giận mình, vừa tủi thân, chúng con đâu có được tự do khóc Bác. Trong tù lũ giặc hung ác dùng mọi biện pháp cấm chúng con để tang Bác. Chúng còng chéo tay các chị, cắt cả phần áo có gắn mảnh băng tang trước ngực rồi phơi trần các chị trước cửa ngục. Hàng trăm tên ác ôn gây gộc cầm tay xông vào nơi nhốt chúng con và nói: “Hai chị em chúng bay là học sinh không phải là cộng sản sao lại để tang Hồ Chí Minh, lột tang ra ngay”.

Mặt trận đã dàn ra, chúng con hiểu: chúng đang trả giá sinh mạng của chúng con trên dải tang Bác. Chúng con đã chiến đấu trên chiến trường không cân sức đó. Tuy chúng con đã đổ máu nhưng vẫn hô vang: Quyết tử để bảo vệ lễ tang Bác. Cả nhà lao nổi dậy, các má đứng lên, Hội nghị Pa-ri tố cáo, 97 phong trào tiến bộ trên thế giới cũng hô, bọn chúng không dám giết chúng con, chúng đã không thể đụng tới lễ tang Bác.

Bác ơi! 18 năm trước con 18 tuổi và em gái con là Thiếu Thị Tâm 15 tuổi đã để tang Bác với những khẩu hiệu viết bằng máu lên tường nhà tù, nơi bọn cai tù đem giấu chúng con hòng làm dịu bớt làn sóng đấu tranh.

Hôm nay được vào lăng viếng Bác, thăm nơi làm việc của Bác, con càng thấu hiểu hơn cuộc đời, sự nghiệp của Người. Chúng con nguyện sống, học tập theo gương Bác. Con thật xúc động, ghen ngào không biết viết gì hơn, con chỉ biết nói trước anh linh của Bác

rằng: Cho đến bây giờ và chừng nào máu con còn chảy trong tim, con còn mang tang Bác”.

Đoàn đại biểu dân tộc của các tỉnh biên giới phía Bắc khi vào viếng Bác đã ghi những lời cảm tưởng: *“Bác Hồ ơi! Chúng cháu thương Bác lắm, quý Bác lắm, biết ơn Bác nhiều lắm, chỉ thích Bác sống lại thôi”.*

Một cô giáo vùng cao người dân tộc Mèo viết: *“Tôi là người dân tộc Mèo, lần đầu tiên vinh dự được về Hà Nội viếng Bác Hồ. Tôi chưa thấy Bác lần nào, hôm nay nhìn thấy Bác, tôi rất cảm động. Sở dĩ người Mèo chúng tôi được như ngày nay, được cơm no, áo ấm, được có chữ, cùng tiến bộ như đại đa số các dân tộc, riêng bản thân tôi lớn lên được làm cô giáo là nhờ ơn Đảng, ơn Bác Hồ. Tôi và dân tộc Mèo chúng tôi rất ơn Đảng, ơn Bác. Tôi nguyện sẽ học tập Bác và cố gắng dạy cho các em người Mèo đời đời theo Đảng, theo Bác. Tôi sẽ kể lại hình ảnh Bác cho các em và người dân tộc Mèo chúng tôi...”*

Anh Nguyễn Văn Thao trú tại 265 C1, phường Tân Mai, quận Hai Bà Trưng - Hà Nội thay mặt gia đình viết lên những dòng cảm tưởng: *“Thưa Bác! Hôm nay ngày 19-9-1987 gia đình con có một lẵng hoa đến đặt trước Lăng Bác để tưởng niệm công ơn trời bể của Người. Vào lăng viếng Bác, được thăm quan nơi ở, làm việc của Bác, là một kỷ niệm quý của gia đình con...”.*

Nhiều đoàn thương binh nặng đang điều dưỡng tại trạm điều dưỡng ở Thuận Thành - Bắc Ninh đến viếng Bác, các anh đã xúc động nghẹn ngào viết: *“Thưa Bác kính yêu! Chúng cháu là những chiến sĩ đã từng vào trận chiến đấu với bọn giặc Mỹ xâm lược, quyết tử để Tổ quốc quyết sinh. Chúng cháu biết cuộc*

chiến đấu nào cũng đều có sự hy sinh mất mát... Nhớ lời Bác dạy, chúng cháu xét lại mình đúng là “có tàn nhưng không phế”. Hôm nay rất vinh dự được vào lăng viếng Bác, chúng cháu thật xúc động, thương tiếc Bác không biết nói gì hơn, chúng cháu xin hứa với Bác sẽ nguyện sống học tập theo gương của Bác, thực hiện đúng lời dạy của Bác để đóng góp phần nhỏ bé của mình để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và bảo vệ vững chắc Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa”.

Hình ảnh vợ chồng anh thương binh quê ở Thanh Hoá ra viếng Lăng Bác cách đây đã gần 10 năm nhưng vẫn in đậm trong tâm trí những người chiến sĩ cảnh vệ chúng tôi. Đó là vào một buổi sáng mùa thu năm 1985, chúng tôi được giao nhiệm vụ đón một đồng chí thương binh nặng vào lăng viếng Bác, thăm nơi ở và làm việc của Người. Anh thương binh cụt cả hai chân và hỏng cả hai mắt. Khi gặp chúng tôi, một thiếu phụ đi cùng anh nói trong tiếng nấc:

- Vợ chồng tôi từ Thanh Hoá ra đây các anh ạ! Tôi cứ khuyên nhà tôi mãi, đã bệnh tình thế này đi xa làm chi cho tội. Mình kính Bác, nhớ Bác ể ở trong lòng, cứ chi phải ra tận nơi Bác an nghỉ?

Còn anh, anh không nói gì cả, nhưng đôi môi cứ run run như ghìim nổi xúc động sâu kín tận đáy lòng. Thông cảm với hoàn cảnh của anh, chúng tôi thật sự xúc động và nói:

- Mời anh chị vào viếng Bác!

Nói rồi, chúng tôi trực tiếp đẩy xe đưa anh và chị theo dòng người vào lăng. Chị vợ lặng lẽ bước theo sau. Lúc đẩy xe quanh nơi Bác nằm, anh hoàn toàn bất động trên xe, thỉnh thoảng người thiếu phụ vỗ nhẹ

vào vai anh ý muốn chỉ phía bên trái nơi Bác nằm và mặt anh luôn hướng về phía đó. Hai cánh mũi anh cứ phập phồng thốn thức, rồi hai giọt nước mắt từ hai hố mắt trũng sâu tội nghiệp của anh đột ngột lăn xuống đôi gò má đầy vết sẹo. Anh đã khóc. Khóc vì nỗi xúc động bao năm dồn nén trong lòng...

Ra khỏi lăng, anh thở phào nhẹ nhõm, niềm vui toại nguyện hiện rõ trên khuôn mặt từng trải chiến tranh của người chiến sĩ, anh bộ đội Cụ Hồ. Xe đẩy đưa anh vào khu vực nhà sàn của Bác. Chúng tôi cố nhớ lại và nói hết, kể hết những gì về Bác, về những kỷ niệm nơi đây trong những năm tháng Bác sống và đã tự tay Người tạo nên. Càng nghe mỗi lúc khuôn mặt anh càng xúc động hơn. Thăm nhà sàn xong, chúng tôi đưa anh dừng lại trên bờ ao cá Bác Hồ và giới thiệu. Anh soài người ra phía trước như có ý cần một vật gì đó. Chỉ có chị vợ anh hiểu được lại gần và anh nói nhỏ. Chị lấy đưa cho anh mấy viên sỏi nhỏ, tiếng cá quẫy ở bậc cầu ao làm nước bắn lên tung toé. Nét mặt anh hân hoan như trẻ nhỏ. Và lần đầu tiên từ lúc gặp anh đến giờ tôi mới được nghe anh nói trong xúc động:

- Xin cảm ơn các đồng chí đã đặc biệt quan tâm giúp đỡ để trong đời tôi được một lần đến thăm Bác.

Và nước mắt anh lại chảy.

Chúng tôi an ủi anh:

- Có gì đâu anh! Đây là nhiệm vụ và trách nhiệm của chúng tôi đối với Bác và với những người như các anh.

Trong giây lát ngập ngừng, anh kể lại cho chúng tôi nghe về quãng đời đã qua:

- Tôi tình nguyện vào bộ đội năm 1961, lúc mới 16 tuổi. Cũng như các đồng chí tuổi trẻ đầy ước mơ và khát vọng, tôi phấn đấu luyện tập với tất cả niềm say mê và sức lực của người lính để quyết tâm làm tròn nghĩa vụ thiêng liêng bảo vệ Tổ quốc.

Trong những năm đầu chống chiến tranh phá hoại bằng không quân của giặc Mỹ, ngay đợt thử lửa đầu tiên ở cầu Hàm Rồng tôi đã bị bom vùi lấp. Nhờ đồng đội mà tôi đã được cứu sống. Nhưng các đồng chí thấy đấy, tôi bị mất cả hai chân và bỏng cả hai mắt. Giữa tuổi thanh xuân mà tôi đã mất hết hy vọng. Biết rằng mình chiến đấu hy sinh xương máu là vì Tổ quốc, một vinh dự lớn của tuổi trẻ. Nhưng sống làm gì trong cảnh thân tàn ma dại này, ăn bám gia đình và xã hội ư? Có lúc nghĩ quẩn, tôi muốn quyên sinh để bớt đi gánh nặng cho xã hội. Thông cảm với cảnh đời tàn phế của tôi, một cô giáo làng dạy học gần nhà đã tự nguyện đến ân cần chăm sóc tôi và người mẹ già cả đời vì tôi mà vất vả. Hàng ngày vào các buổi tối, cô thường sang nhà thăm nom gia đình, đọc cho tôi nghe dăm trang sách hoặc những tin tức trên báo. Cô càng đến, tôi càng buồn, nhưng tình cảm giữa cô và tôi ngày càng gắn bó... Một hôm cô đọc cho tôi nghe tờ báo có đăng thư của Bác Hồ gửi thương bệnh binh nhân ngày 27 tháng 7. Trong thư Bác khen ngợi tinh thần chiến đấu hy sinh của chúng tôi và Người dạy: “Thương binh tàn nhưng không phế” nên phải cố gắng tham gia công tác xã hội, lao động sản xuất theo khả năng để nêu cao truyền thống tốt đẹp của mình. Càng nghe tôi càng thấy thấm thía vô cùng. Lời của Bác như ngọn lửa hồng sưởi ấm nỗi lòng băng giá bấy lâu

của tôi. Điều mà tôi trần trở bế tắc bấy lâu đã được Bác giải đáp. Người như tôi mà vẫn còn có ích sao?

Làm theo lời Bác, tôi quyết chí học đàn bầu. Tôi đã mất đi một phần thể xác nhưng còn đôi tay và một ý chí, một tâm hồn. Mỗi tối, các em học sinh và cô giáo đến quây quần bên tôi động viên khích lệ. Tiếng hát trong trẻo yêu đời của các em hoà trong tiếng đàn bầu đã an ủi, nâng đỡ cuộc đời tôi.

- Còn cô giáo...

Một chiến sĩ trong chúng tôi chợt thốt lên nhưng biết là mình vô ý nên vội dừng lại. Chị vợ anh đứng đằng sau chúng tôi đã khóc từ lúc nào, giờ đây mới bật lên nước mắt.

- Cô ấy đó! - Anh bình thản nói tiếp: “Vì thế mà tôi quyết ra đây thăm Bác. Nỗi khát khao của tôi là được gặp Bác và thưa với Bác rằng: Lời dạy của Người năm xưa, trong thư ngày ấy đã động viên tôi sống và sống hạnh phúc như ngày hôm nay”.

*

* *

Trước Lăng Bác, đã nhiều năm nay thường tổ chức các sinh hoạt chính trị có ý nghĩa sâu sắc. Đây là nơi diễn ra các buổi kết nghĩa cảm động, các buổi giao ước thi đua nghiêm trang của các cơ quan, đoàn thể, đơn vị. Nhiều đoàn tân binh đã đến đây để làm lễ tuyên thệ trước lúc lên đường. Nhiều chi bộ, chi đoàn đã chọn mảnh đất thiêng liêng này làm nơi kết nạp đảng viên, đoàn viên mới. Rồi từ đây họ lại mang theo muôn vàn tình thương yêu của Bác toả đi khắp mọi nẻo đường của Tổ quốc, hứa với Bác hoàn thành xuất sắc mọi nhiệm vụ để Bác vui lòng.

Năm tháng cứ qua đi, nỗi xúc động và tình cảm của nhân loại vẫn còn sống mãi. Hàng ngày con rồng cháu tiên từ khắp mọi miền của Tổ quốc cứ nối tiếp nhau như dòng chảy hội tụ về Ba Đình để vào lăng viếng Bác.

Thật tự hào và hạnh phúc biết bao khi nhiệm vụ Đảng giao chúng tôi đã hoàn thành xuất sắc. Lăng Bác được bảo vệ tuyệt đối an toàn. Dòng người ngày ngày vào viếng Bác vẫn được chúng tôi đón tiếp tận tình, chu đáo. Đơn vị thường xuyên nhận được nhiều thư khen của nhân dân, các đoàn thể, tổ chức xã hội gửi về Ban tổ chức khen ngợi phẩm chất cao đẹp của những người chiến sĩ cảnh vệ, đang ngày đêm “giữ yên giấc ngủ cho Người”.

Trong thư ngày 20 tháng 1 năm 1976 của Văn phòng ủy ban Thường vụ Quốc hội gửi về Ban tổ chức có đoạn viết: *“Với tinh thần trách nhiệm cao, với lòng tôn kính đối với Bác Hồ, các đồng chí đã tổ chức chu đáo lễ viếng Bác cho Đoàn đại biểu Quốc hội về họp thứ II Quốc hội khoá V được tiến hành trọng thể, nghiêm túc. Chúng tôi xin gửi đến cán bộ chiến sĩ và nhân viên phục vụ lời khen và cảm ơn”*.

Thư của đồng chí Trần Loát, Chủ tịch ủy ban nhân dân xã Đại Phúc, huyện Quế Võ, Bắc Ninh có đoạn viết: *“Đoàn đại biểu cha mẹ liệt sĩ chúng tôi được về Thủ đô viếng Bác. Thật vô cùng cảm động trước sự tiếp đón nhiệt tình chu đáo của các đồng chí cán bộ công an và nhân viên phục vụ. Trong đoàn chúng tôi có cụ già 81 tuổi là mẹ của 2 liệt sỹ, cụ rất già yếu nhưng vẫn cố gắng đi. Không may trên đường đi xe xóc, một chị là con dâu của cụ bị ngã định đâm vào chân. Một cụ già và một chị khác bị thương ở chân. Chúng tôi băn khoăn chưa biết giải quyết ra sao thì*

được các đồng chí nhiệt tình đưa vào trong nhà. Cụ già được uống thuốc tăng lực, chị phụ nữ được rửa sạch vết thương và băng bó cẩn thận. Hành động đó, cử chỉ đó, đạo đức đó của các đồng chí không những động viên chúng tôi mà còn tạo niềm tin yêu sâu sắc đến chế độ ta, Đảng ta, Nhà nước ta. Các đồng chí đã góp phần rất lớn vào công tác động viên gia đình các liệt sĩ ở địa phương chúng tôi”.

Cụ Phan Khoan, 85 tuổi ở xã Liên Sơn, Đô Lương, Nghệ An sau 2 lần vào viếng Bác, cụ đã viết: *“Tinh thần của các đồng chí phục vụ nhân dân vào viếng Bác rất chu đáo. Hướng dẫn cụ thể nhất là đối với các cụ già, phụ nữ có thai, các cháu nhỏ, đặc biệt là đối với các đồng chí thương binh nặng, được nâng đỡ chỉ bảo hướng dẫn ân cần, dìu lên từng bậc thang, tạo điều kiện cho dân được gần Bác, thăm quan nơi ở và làm việc của Người. Các đồng chí thật xứng đáng là những người chiến sĩ cận vệ Bác, là con em yêu quý của nhân dân”.*

Và còn hàng trăm, hàng ngàn lá thư và những dòng cảm tưởng khác của nhân dân cả nước đến viếng Bác đã hết lòng khen ngợi, cảm phục và tin tưởng đối với những chiến sĩ phục vụ bên Bác. Đó là những phần thưởng cao quý, thiêng liêng mà Đảng, nhân dân và khách quốc tế ghi nhận và dành cho những chiến sĩ cảnh vệ chúng tôi, cổ vũ động viên khích lệ chúng tôi hãy giữ vững, kế thừa và phát huy những phẩm chất tốt đẹp của người chiến sĩ cảnh vệ đối với Đảng và Bác Hồ kính yêu.

P.G.V